Ký bởi: Nguyễn Hải Đăng
Email: nhdang@longan.gov.vn
Cơ quan: TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG, VĂN PHÒNG, ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN
Ngày ký: 2025-01-03 10:45:22 +07:00

CÔNG TY TNHH TM-SX GIẤY VÀ BAO BÌ GIẤY TRƯỜNG SƠN

---✵---

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Của Cơ sở:

NHÀ XƯỞNG SẢN XUẤT CÁC LOẠI GIẤY XEO TỪ GIẤY TÁI CHẾ, CÔNG SUẤT 11.290 TẤN SẢN PHẨM/NĂM

Địa chỉ:

Ấp 3 Nhà Thương, Thị trấn Thủ Thừa, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An, Việt Nam.

Long An, tháng 01 năm 2025

CÔNG TY TNHH TM-SX GIẤY VÀ BAO BÌ GIẤY TRƯỜNG SƠN

---✵---

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Của Cơ sở:

NHÀ XƯỞNG SẢN XUẤT CÁC LOẠI GIẤY XEO TỪ GIẤY TÁI CHẾ, CÔNG SUẤT 11.290 TẤN SẢN PHẨM/NĂM

Địa chỉ:

Ấp 3 Nhà Thương, Thị trấn Thủ Thừa, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An, Việt Nam.

CHỦ CƠ SỞ

M.S.D.N: 1100411598-C.T.N.H
CÔNG TY TNHH TM-SX GIẤY VÀ BAO BÌ GIẤY TRƯỜNG SƠN
H. THỦ THỪA-T. LONG AN

Nguyễn Công Trường

Long An, tháng 01 năm 2025

MỤC LỤC

MỤC LỤC 1
DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT 3
DANH MỤC BẢNG BIỂU 4
DANH MỤC HÌNH ẢNH 5
Chương 1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ 6
1.1. Tên chủ cơ sở 6
1.2. Tên cơ sở 6
1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của cơ sở 9
1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở 12
1.5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở 17
Chương 2. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG 23
Chương 3. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ 24
3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải 24
3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải 36
3.3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường 44
3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại 46
3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung 48
3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hàn thử nghiệm và khi cơ sở đi vào vận hành 49
3.7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác 58
3.8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường 58
3.9. Các nội dung thay đổi so với giấy phép môi trường đã được cấp 62
3.10. Kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học 62
Chương 4. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG 63
4.1. Nội dung cấp phép xả thải vào nguồn nước và yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý nước thải 63
4.2. Nội dung cấp phép xả khí thải và yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý khí thải 66
4.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và các yêu cầu bảo vệ môi trường 68

4.4. Nội dung cấp phép thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại và yêu cầu về bảo vệ môi trường 69
4.5. Nội dung cấp phép nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất và yêu cầu bảo vệ môi trường 69
4.6. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường 69
4.7. Các yêu cầu khác về bảo vệ môi trường 71
Chương 5. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ 73
5.1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải 73
5.2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải 73
5.3. Kết quả quan trắc môi trường trong quá trình lập báo cáo (Chỉ áp dụng đối với cơ sở không phải thực hiện quan trắc chất thải theo quy định) 73
Chương 6. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ 74
6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của cơ sở 74
6.2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật 75
6.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm 76
Chương 7. KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CHỦ CƠ SỞ 77
Chương 8. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ 79
PHỤ LỤC 80

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

BOD	:	Nhu cầu oxy sinh học
BTNMT	:	Bộ Tài nguyên và Môi trường
BXD		Bộ Xây dựng
BYT	:	Bộ Y tế
COD	:	Nhu cầu oxy hóa học
CP		Chính phủ
CTNH	:	Chất thải nguy hại
CTTT		Chất thải thông thường
DO	:	Oxy hòa tan
NĐ	:	Nghị định
PCCC	:	Phòng cháy chữa cháy
QCVN	:	Quy chuẩn Việt Nam
QĐ	:	Quyết định
TCVN	:	Tiêu chuẩn Việt Nam
TT	:	Thông tư
XLNT	:	Xử lý nước thải
TNHH		Trách nhiệm hữu hạn

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1.1. Nhu cầu nguyên liệu phục vụ sản xuất tại cơ sở.....12
Bảng 1.2. Nhu cầu sử dụng điện tại cơ sở 13
Bảng 1.3. Nhu cầu sử dụng nước cho sản xuất tại cơ sở khi hoạt động ổn định.....14
Bảng 1.4. Lượng nước sử dụng cho hoạt động tại cơ sở 16
Bảng 1.5. Tọa độ địa lý giới hạn của cơ sở 18
Bảng 1.6. Danh mục máy móc, thiết bị sử dụng tại cơ sở 19
Bảng 1.7. Các hạng mục công trình tại cơ sở 20
Bảng 1.8. Nhu cầu lao động tại cơ sở.....22
Bảng 3.1. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa tại cơ sở.....24
Bảng 3.2. Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tại cơ sở.....30
Bảng 3.3. Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý nước thải sản xuất tại cơ sở 34
Bảng 3.4. Thông số kỹ thuật của HTXL bụi, khí thải lò hơi.....42
Bảng 3.5. Khối lượng chất thải công nghiệp không nguy hại phát sinh 45
Bảng 3.6. Bảng tổng hợp loại chất thải nguy hại và khối lượng phát sinh.....46
Bảng 3.7. Các tác nhân chữa cháy.....50
Bảng 3.8. Các nguyên tắc chữa cháy.....50
Bảng 3.9. Một số sự cố và biện pháp khắc phục sự cố từ HTXLNT 54
Bảng 3.10. Một số sự cố và biện pháp khắc phục sự cố từ HTXLKT 57
Bảng 3.11. Các điều chỉnh, thay đổi về hệ thống xử lý nước thải 58
Bảng 3.12. Các điều chỉnh, thay đổi về hệ thống xử lý bụi, khí thải 60
Bảng 3.13. Các thay đổi về chương trình quan trắc môi trường 60
Bảng 4.1. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm trong nước thải 63
Bảng 4.2. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm trong khí thải của hệ thống xử lý khí thải.....67
Bảng 4.3. Thông số và giá trị giới hạn của ô nhiễm tiếng ồn 69
Bảng 4.4. Thông số và giá trị giới hạn của ô nhiễm độ rung 69
Bảng 4.5. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở 70
Bảng 5.1. Kết quả quan trắc thành phần, chất lượng khí thải năm 2023.....73
Bảng 6.1. Bảng phân bố thời gian vận hành thử nghiệm.....74
Bảng 6.2. Kế hoạch quan trắc mẫu nước thải giai đoạn vận hành thử nghiệm 74
Bảng 6.3. Kế hoạch quan trắc mẫu bụi, khí giai đoạn vận hành thử nghiệm.....74

DANH MỤC HÌNH ẢNH

Hình 1.1. Quy trình sản xuất các loại giấy xeo tại cơ sở.....10
Hình 1.2. Hình ảnh sản phẩm sản xuất tại cơ sở.....12
Hình 1.3. Vị trí giới hạn cơ sở với các đối tượng xung quanh.....18
Hình 1.4. Hình ảnh hiện trạng tại cơ sở.....21
Hình 1.5. Sơ đồ tổ chức quản lý cơ sở.....22
Hình 3.1. Sơ đồ thu gom, thoát nước mưa tại cơ sở 24
Hình 3.2. Sơ đồ hệ thống thu gom nước thải tại cơ sở.....26
Hình 3.3. Quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tại cơ sở.....27
Hình 3.4. Quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải sản xuất tại cơ sở 31
Hình 3.5. Sơ đồ hệ thống xử lý bụi, khí thải lò hơi.....40
Hình 3.6. Sơ đồ quản lý chất thải sinh hoạt tại cơ sở.....45
Hình 3.7. Sơ đồ quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường.....46
Hình 3.8. Sơ đồ quản lý chất thải rắn nguy hại tại cơ sở 48
Hình 3.9. Sơ đồ ứng cứu sự cố khi cháy nổ của Nhà máy 52

Chương 1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1.1. Tên chủ cơ sở

CÔNG TY TNHH TM-SX GIẤY VÀ BAO BÌ GIẤY TRƯỜNG SƠN

– Địa chỉ trụ sở chính: Ấp 3 Nhà Thương, Thị trấn Thủ Thừa, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An, Việt Nam.

– Điện thoại: 0723.864958-612277; Fax: 0723.611747.

– Đại diện pháp luật của chủ cơ sở: Ông. Nguyễn Công Trường;

+ Chức danh: Giám đốc;

+ Sinh ngày: 09/02/1971; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam;

+ Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 079071040389; Ngày cấp: 10/05/2021;

+ Nơi cấp: Cục trưởng Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về trật tự xã hội.

+ Địa chỉ thường trú: Số 151, Nguyễn Văn Luông, Phường 10, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam;

+ Địa chỉ liên lạc: Số 151, Nguyễn Văn Luông, Phường 10, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam;

– Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, mã số doanh nghiệp 1100411598 do Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp đăng ký lần đầu ngày 16/09/1999, cấp đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 23/02/2022.

– Mã số thuế của doanh nghiệp: 1100411598.

1.2. Tên cơ sở

NHÀ XƯỞNG SẢN XUẤT CÁC LOẠI GIẤY XEO TỪ GIẤY TÁI CHẾ, CÔNG SUẤT 11.290 TẤN SẢN PHẨM/NĂM

– Địa điểm cơ sở: Ấp 3 Nhà Thương, Thị trấn Thủ Thừa, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An, Việt Nam.

– Cơ sở pháp lý của cơ sở:

+ Quyết định số 3893/QĐ-UB ngày 16/12/1999 của UBND tỉnh Long An về việc phê chuẩn báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án xây dựng nhà máy sản xuất giấy và bao bì giấy của Công ty TNHH Thương mại-sản xuất Trường Sơn.

+ Giấy phép xây dựng số 193/HTH-XD của Sở Xây dựng tỉnh Long An cấp ngày 30/12/1999.

+ Quyết định số 3108/QĐ-UBND ngày 04/9/2013 của UBND tỉnh Long An về việc phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết của Nhà máy sản xuất các loại giấy xeo từ giấy tái chế, công suất 11.290 tấn sản phẩm/năm của Công ty TNHH TM – SX Giấy và bao bì giấy Trường Sơn.

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BP 465805 (số vào sổ cấp GCN: CT19131) do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp ngày 14/5/2014 tại thửa đất số 1247, tờ bản đồ số 1.

+ Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất số 85/GP-UBND của UBND tỉnh Long An cấp ngày 19/7/2018.

+ Giấy chứng nhận thỏa thuận về thiết kế và thiết bị phòng cháy chữa cháy công trình số 55/PC23 của Công An tỉnh Long An cấp ngày 13/12/1999.

+ Biên bản nghiệm thu về thiết kế và thiết bị phòng cháy chữa cháy số 85/BB.PC23 do Phòng Cảnh sát PCCC tỉnh Long An cấp ngày 29/8/2001.

+ Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 56/TD-PCCC do Phòng CS PCCC và CNCH tỉnh Long An cấp ngày 08/02/2022.

+ Biên bản kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ do Phòng CS PCCC và CNCH tỉnh Long An cấp ngày 05/12/2022.

+ Biên bản kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ do Phòng CS PCCC và CNCH tỉnh Long An cấp ngày 22/01/2024.

+ Quyết định số 328/QĐ-XPVPHC ngày 30/9/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường - Tổng cục Môi trường về việc xử phạt vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường.

+ Biên bản thanh tra về bảo vệ môi trường do Tổng cục Môi trường – Đoàn thành tra kiểm tra ngày 18/10/2017.

+ Kết luận thanh tra số 185/KL-TCMT ngày 19/01/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường - Tổng cục Môi trường về việc chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường tại Công ty TNHH Thương mại Sản xuất giấy và bao bì giấy Trường Sơn.

– Thông tin về quá trình hình thành và hoạt động của cơ sở:

Về quy mô diện tích	**Về hồ sơ pháp lý môi trường**
+ Ngày 11/06/1999, đại diện pháp luật là Ông. Nguyễn Văn Tam *(nay là Ông. Nguyễn Công Trường đại diện hợp pháp của Cơ sở)* thuê lại toàn bộ khu đất, nhà cửa kiến trúc, tài sản tại ấp 3, đường Nhà Thương, Thị trấn Thủ Thừa, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An của Công ty Xây dựng Long An (thuộc sở Xây dựng tỉnh Long An) theo Hợp đồng thuê tài sản số	+ Ngày 16/12/1999, Cơ sở đã được UBND tỉnh Long An cấp Quyết định số 3893/QĐ-UB về việc phê chuẩn báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án xây dựng nhà máy sản xuất giấy và bao bì giấy của Công ty TNHH Thương mại-sản xuất Trường Sơn: • Công suất: 6.960 tấn/năm *(bao gồm thùng giấy carton – 5.760 tấn/năm; các loại giấy vệ sinh – 1.200 tấn/năm)*.

43/99.HĐTTS/CTXDLA với tổng diện tích là 31.000 m^2. + Ngày 08/09/2003, Cơ sở có gửi đến UBND tỉnh Long và Công ty Xây dựng Long An Đơn xin các minh thực tế lại nhà xưởng đã thuê của Cơ sở với diện tích thực tế còn lại là 27.145m^2. + Đến ngày 14/5/2014, sau khi đo đạc cụ thể thửa đất số 1247, tờ bản đồ số 1 có tổng diện tích là 28.989m^2 và cũng đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BP 465805 (số vào sổ cấp GCN: CT19131) do Công ty TNHH TM-SX Giấy và Bao bì giấy Trường Sơn làm chủ sở hữu.	+ Ngày 04/9/2013, Cơ sở nâng công suất sản xuất và cũng đã được UBND tỉnh Long An cấp phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết của Nhà máy sản xuất các loại giấy xeo từ giấy tái chế, công suất 11.290 tấn sản phẩm/năm: <u>*Công suất:*</u> 11.290 tấn/năm *(bao gồm giấy xeo đen – 8.700 tấn/năm; giấy xeo vàng – 2.520 tấn/năm)*. <u>*Công trình bảo vệ môi trường:*</u> • Nước thải sinh hoạt: 01 HTXLNT sinh hoạt – công suất 10 m^3/ngày.đêm. • Nước thải sản xuất: 01 HTXLNT sản xuất – công suất 25 m^3/ngày.đêm. • Bụi, khí thải: 01 HTXL bụi, khí thải lò hơi: Lưu lượng khói thải 755 m^3/giờ. • Chất thải: Bố trí riêng biệt từng khu vực chứa rác thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo đúng quy định. + Hiện tại: <u>*Công suất:*</u> Cơ sở đang hoạt động sản xuất các loại giấy xeo từ giấy tái chế, giấy vụn với công suất là 11.290 tấn sản phẩm.năm. <u>*Công trình bảo vệ môi trường:*</u> • Nước thải sinh hoạt: 01 HTXLNT sinh hoạt – công suất 10 m^3/ngày.đêm. • Nước thải sản xuất: 01 HTXLNT sản xuất – công suất 250 m^3/ngày.đêm. • Bụi, khí thải: 01 HTXL bụi, khí thải lò hơi – công suất 15.000 m^3/giờ. • Chất thải: Bố trí riêng biệt từng khu vực chứa rác thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo đúng quy định.

Với những thay đổi, điều chỉnh trên và tuân thủ theo luật bảo vệ môi trường; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Công ty TNHH TM-SX Giấy và Bao bì giấy Trường Sơn quyết định lập giấy phép môi trường cho cơ sở *"Nhà xưởng sản xuất các loại giấy xeo từ giấy tái chế, công suất 11.290 tấn sản phẩm/năm"*.

– Quy mô của cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công):

+ Tổng vốn đầu tư của cơ sở khoảng 45.982.000.000 VNĐ *(Bốn mươi lăm tỷ chín trăm tám mươi hai triệu đồng)*. Căn cứ số thứ tự A.IV (Dự án Nhà máy bột giấy và giấy) Phụ lục I (Phân loại dự án đầu tư công) Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 của Chính Phủ), thì cơ sở thuộc nhóm C (*dự án có tổng mức đầu tư dưới 60 tỷ đồng*) và nhóm II (các dự án có nguy cơ tác động xấu đến môi trường quy định tại khoản 4, điều 28, Luật Bảo vệ môi trường).

+ Cơ sở thuộc Cột 4 (công suất trung bình), mục số I.3, Phụ lục II (danh mục loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường) và mục số I.1 Phụ lục IV (Danh mục các dự án đầu tư nhóm II có nguy cơ tác động xấu đến môi trường) phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

+ Theo khoản 1, khoản 2 điều 39 và khoản 3 điều 41 của Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020, Giấy phép môi trường của dự án sẽ do UBND tỉnh Long An thẩm định. Theo Quyết định số 2935/QĐ-UBND ngày 04/04/2022 của UBND tỉnh Long An về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn về thủ tục hành chính trong lĩnh vực môi trường đối với các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Long An thì Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An đủ thẩm quyền cấp phép môi trường cho cơ sở *(Do cơ sở đã đi vào hoạt động trước khi luật BVMT 2020 có hiệu lực do đó Nội dung Báo cáo được trình bày theo Phụ lục X ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ - mẫu báo cáo đề xuất cấp, cấp lại giấy phép môi trường của cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp đang hoạt động có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án nhóm I hoặc nhóm II)*.

1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của cơ sở

1.3.1. Công suất của cơ sở

Sản phẩm giấy các loại giấy xeo đen, giấy xeo vàng,... với công suất 11.290 tấn sản phẩm/năm.

1.3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở, mô tả việc lựa chọn công nghệ sản xuất của cơ sở

Quy trình sản xuất các loại giấy xeo tại cơ sở như sau:

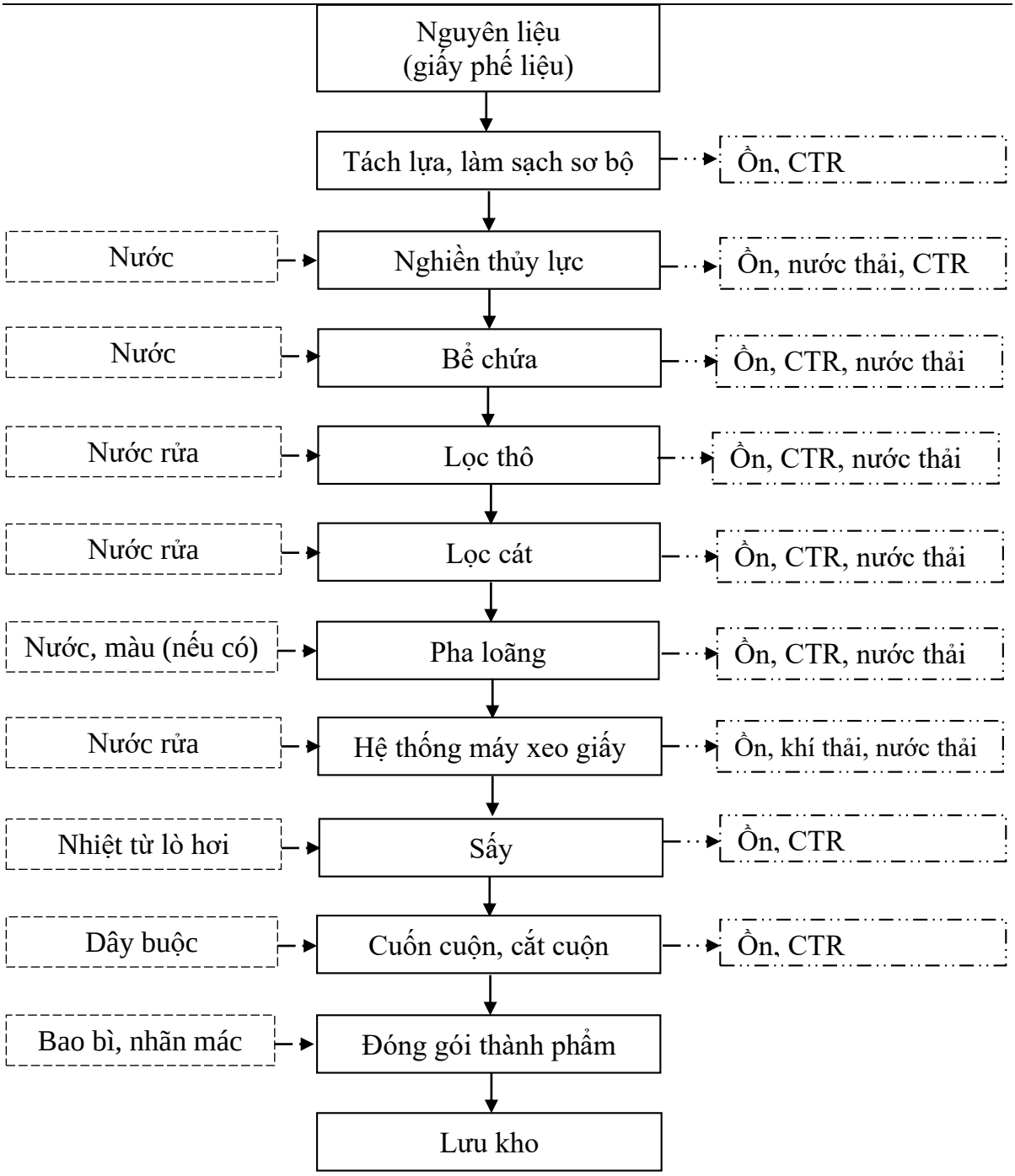

Hình 1.1. Quy trình sản xuất các loại giấy xeo tại cơ sở

- **Thuyết minh quy trình**

Nguyên liệu

Nguyên liệu sản xuất chính tại cơ sở là giấy phế liệu các loại được thu mua từ các vựa phế liệu trong khu vực.

Tách lựa, làm sạch sơ bộ

Giấy nhập về cơ sở sẽ được công nhân tách lựa thủ công nhằm loại bỏ các thành phần tạp chất như băng keo, bọc nylon, ghim kẹp,… trước khi đưa vào máy nghiền thủy lực.

Nghiền thủy lực

Giấy sau khi tách lựa, làm sạch sơ bộ sẽ được đổ vào máy nghiền thủy lực.

Tại công đoạn này, nước được cho vào để tạo thành hỗn hợp đạt yêu cầu về nồng độ. Nước cấp cho công đoạn này được lấy từ nguồn nước thải sau xử lý tại cơ sở.

Bể chứa

Hỗn hợp bột giấy sau đó sẽ được dẫn qua các hồ chứa đặt gần khu vực nghiền thủy lực. Tại đây, các tạp chất dạng bột giấy chưa tan được nổi lên trên sẽ được tách ra và cho quay lại máy nghiền thủy lực để tiếp tục nghiền mịn.

bơm qua sàng áp lực nhằm loại bỏ những mảnh vụn tạp chất còn sót lại.

Lọc thô

Hỗn hợp bột giấy từ bể chứa sẽ được bơm vào máy lọc thô.

Bột giấy sẽ được lọc nhằm loại bỏ những mảnh vụn tạp chất còn sót lại đảm bảo chất lượng bột trước khi đến các công đoạn tiếp theo.

Công nhân sẽ tiến hành kiểm tra chất lượng bột giấy, nếu chất lượng bột giấy không đảm bảo sẽ được quay lại máy nghiền thủy lực để nghiền cho đến khi đạt chất lượng sẽ chuyển sang công đoạn tiếp theo.

Lọc cát

Bột giấy sau khi lọc thô sẽ được bơm qua thiết bị lọc cát để lọc bỏ cát trước khi chuyển qua công đoạn pha loãng.

Pha loãng

Tại đây, hỗn hợp bột giấy sẽ được pha loãng cùng với nước và màu (cho màu vào khoảng 10 kg/ngày khi cần sản xuất giấy xeo vàng, nếu là giấy xeo đen thì không cần thêm màu) nhằm mục đích giúp bột giấy tráng mỏng và đều khi cuộn lên băng tải để xeo giấy.

Hệ thống máy xeo giấy

Xeo giấy là giai đoạn thành hình cấu trúc tờ giấy, chuyển đổi hỗn hợp nước và bột giấy (đa phần là nước) thành giấy thành phẩm.

Hỗn hợp bột và nước này được dẫn vào một thùng kim loại lớn được đặt ở vị trí đầu của máy xeo giấy, tại đây hỗn hợp sẽ được phun liên tục lên một giàn lưới chuyển động nhanh qua máy xeo.

Trên giàn lưới, trong quá trình di chuyển nước sẽ bắt đầu thoát ra khỏi bột, các xơ giấy sẽ mau chóng đặc lại, tạo thành giấy ướt. Lớp giấy này sẽ được tiếp tục di chuyển đến bộ phận sấy khô.

Sấy

Bộ phận sấy khô hoạt động nhờ vào hơi bão hòa được cung cấp từ hoạt động của lò hơi. Hiện tại, cơ sở sử dụng 01 lò hơi với công suất là 6 tấn hơi/h (nhiên liệu sử dụng là trấu).

Cuốn cuộn, cắt cuộn

Giấy sau khi sấy sẽ được chuyển đến thiết bị cuốn để cuốn thành các cuộn giấy thành phẩm và tiến hành cắt xén theo đúng kích thước yêu cầu của khách hàng.

Đóng gói thành phẩm

Cuộn giấy thành phẩm sẽ được đóng gói và đưa vào kho chứa chờ giao đến cho khách hàng.

1.3.3. Sản phẩm của cơ sở

Sản phẩm giấy các loại giấy xeo đen, giấy xeo vàng,... với công suất 11.290 tấn sản phẩm/năm.

– Về chất lượng sản phẩm, Công ty đảm bảo thực hiện đúng theo yêu cầu của khách hàng về chất lượng của đơn đặt hàng. Tùy vào thị trường và chiến lược kinh doanh mẫu mã, thiết kế,… của khách hàng, chủ cơ sở sẽ cung ứng đầy đủ, cam kết về chất lượng sản phẩm trong từng đơn hàng.

– Chất lượng đầu ra đảm bảo sẽ được KCS kiểm tra trước khi xuất hàng.

– Chất lượng sản phẩm sẽ tuân thủ theo các điều kiện từ khách hàng yêu cầu.

Hình 1.2. Hình ảnh sản phẩm sản xuất tại cơ sở

1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở

1.4.1 Nguyên, nhiên liệu sử dụng

Nhu cầu nguyên liệu, hóa chất phục vụ quá trình sản xuất tại cơ sở như sau:

Bảng 1.1. Nhu cầu nguyên liệu phục vụ sản xuất tại cơ sở

TT	Tên nguyên, nhiên liệu và hóa chất	Trạng thái tồn tại	Đơn vị	Khối lượng	Mục đích	Nguồn cung cấp
I	**Nguyên, nhiên liệu chính**					
1	Giấy phế liệu các loại	Rắn	Tấn/năm	13.538	Sản xuất giấy	Việt Nam
2	Bột màu (direct yellow PG1, direct	Bột	Tấn/năm	10		Việt Nam

TT	Tên nguyên, nhiên liệu và hóa chất	Trạng thái tồn tại	Đơn vị	Khối lượng	Mục đích	Nguồn cung cấp
	orange 2GL.200%, scarlet F2G.1)					
Tổng cộng			**Tấn/năm**	**13.548**		
B	**Nguyên, nhiên liệu phụ trợ**					
1	Bao bì, tem nhãn đóng gói	Rắn	Tấn/năm	3,3	Đóng gói	Việt Nam
2	Tinh bột	Rắn	Tấn/năm	260	Gia keo	Việt Nam
3	Hóa chất chống thấm	Lỏng	Tấn/năm	60	Chống thấm	Việt Nam
4	Chất phá bọt	Rắn	Tấn/năm	1,5	Phá bọt	Việt Nam
5	Trấu	Rắn	Tấn/ năm	6.672	Nhiên liệu đốt lò hơi	Việt Nam
6	Vôi	Rắn	Tấn/năm	9	Xử lý nước thải	Việt Nam
7	Poly Aluminium chlorine (PAC)	Rắn	Tấn/năm	4,2	Xử lý nước thải	Việt Nam
8	Polymer	Rắn	Kg/năm	450	Xử lý nước thải	Việt Nam

Nguồn: Công ty TNHH TM-SX Giấy và Bao bì giấy Trường Sơn

Ghi chú: Tỷ lệ hao hụt của quá trình sản xuất khoảng 20% tổng nguyên liệu sản xuất chính tại cơ sở.

1.4.2 Nhu cầu sử dụng điện

Nguồn cung cấp điện cho hoạt động của nhà máy từ mạng lưới điện quốc gia thông qua đường dây trung thế dọc tuyến đường tỉnh 818.

Điện được sử dụng chủ yếu chạy thiết bị, máy móc phục vụ sản xuất, thiết bị văn phòng, hệ thống xử lý môi trường và các thiết bị thắp sáng trong khu vực hoạt động của cơ sở với nhu cầu điện sử dụng tại nhà máy theo số liệu thống kê tiền điện 3 tháng liền kề được thể hiện như sau:

Bảng 1.2. Nhu cầu sử dụng điện tại cơ sở

Tháng 08/2024 (kwh/tháng)	Tháng 09/2024 (kwh/tháng)	Tháng 10/2024 (kwh/tháng)	Trung bình (kwh/tháng)
248.900	290.500	280.200	273.200

Nguồn: Công ty TNHH TM-SX Giấy và Bao bì giấy Trường Sơn

1.4.3 Nhu cầu sử dụng nước

Cơ sở sử dụng nguồn nước cấp từ nước giếng khoan tại cơ sở và nguồn nước cấp từ nhà máy cấp nước của Công ty Cổ phần Công trình Đô Thị Thủ Thừa. Hiện tại, cơ sở có 02 giếng khoan nằm trong khuôn viên dự án với lưu lượng khai thác khoảng 35 m^3/ngày và nguồn nước cấp từ hệ thống nước cấp của khu vực. Với nhu cầu sử dụng nước tại cơ sở như sau:

a. Nước cấp cho sinh hoạt

Lưu lượng nước cấp cho cơ sở trong ngày được tính toán theo QCVN 01:2021/BXD. Tiêu chuẩn dùng nước sinh hoạt tính cho 1 người là 80 lít/người/ngày. Hiện tại, cơ sở hoạt động với số lượng công nhân là 51 người.

Nhu cầu cấp nước là 51 người × 80 lít/người/ngày = 4,08 m^3/ngày.

Trong đó:

+ Số lao động làm việc tại cơ sở 51 (số lao động gián tiếp: 15 người và số lao động trực tiếp: 30 người);

+ Số giờ làm việc: 8 giờ/ca; số ngày/tuần: 6 ngày/tuần, 300 ngày/năm.

b. Nước cấp cho hoạt động sản xuất

Nhu cầu cấp nước cho các công đoạn sản xuất tại cơ sở khi hoạt động ổn định (*) như sau:

Bảng 1.3. Nhu cầu sử dụng nước cho sản xuất tại cơ sở khi hoạt động ổn định

Khu vực	Vị trí	Mức dùng (m^3 nước/ tấn sản phẩm)	Mức dùng (m^3 nước/ ngày)	Nước (thất thoát do bốc hơi, thẩm thấu)	Nước thải phát sinh về hệ thống XLNT	Ghi chú
Quậy thủy lực	Nước cấp lần đầu	--	200	--	--	Nước tuần hoàn
	Nước cấp bổ sung	--	--	40	--	Nước tuần hoàn
	Vệ sinh thiết bị máy móc	0,05	1,9	--	1,9	Nước tuần hoàn
Hệ thống máy xeo giấy	Vệ sinh cho cụm gia keo	0,05	1,9	Qua công đoạn sấy giấy bốc hơi 15% là 91,17 m^3/ngày	1,9	Nước sạch
	Cho xịt lưới	4,7	176,87		176,87	Nước tuần hoàn
	Cho xịt mền	1,1	414		--	Nước sạch

Khu vực	Vị trí	Mức dùng (m^3 nước/ tấn sản phẩm)	Mức dùng (m^3 nước/ ngày)	Nước (thất thoát do bốc hơi, thẩm thấu)	Nước thải phát sinh về hệ thống XLNT	Ghi chú
	Vệ sinh thiết bị máy móc	0,4	15,05		15,05	Nước tuần hoàn
Hệ thống hóa chất	Pha hóa chất tinh bột	0,2	7,5	--	--	Nước sạch
Tổng cộng			**617,22**	**131,17**	**195,72**	

Lượng nước cấp cho quá trình quậy thủy lực chỉ cấp lần đầu khoảng 200 m^3. Lượng nước này sau đó hòa tan cùng với nguyên liệu tạo thành dịch bột, được tuần tự qua các bước nghiền, lọc, pha loãng, xeo giấy. Định kỳ sẽ bổ sung 20% lượng nước tuần hoàn nội vi từ hệ thống xử lý nước thải khoảng 40 m^3/lần bổ sung.

Lượng nước thải phát sinh sẽ được thu gom và dẫn về HTXL nước thải của cơ sở để xử lý. Nước thải sau xử lý được tuần hoàn sử dụng cho các hoạt động sản xuất, cơ sở không xả thải vào môi trường.

(*) Lượng nước trên đang được tính toán khi cơ sở hoạt động với công suất trung bình 37,63 tấn sản phẩm/ngày, tương đương 11.290 tấn sản phẩm/năm.

c. Nước cấp cho hoạt động lò hơi

❖ ***Nước cấp cho lò hơi***

Hiện tại, Cơ sở sử dụng 01 lò hơi công suất 6 tấn hơi/h (sử dụng nhiên liệu đốt là trấu) để phục vụ cho quá trình sản xuất.

Hơi từ lò hơi được dẫn vào thiết bị sấy để cấp nhiệt cho quá trình sấy và nước được đọng lại trong thiết bị sấy. Do áp suất trong thiết bị sấy lớn, nên nước được đẩy ra bên ngoài và theo đường ống chảy về bồn chứa nước cấp cho lò hơi. Lượng nước ngưng này là nước sạch do đó, cơ sở sẽ tiếp tục sử dụng để cấp nước cho lò hơi.

Cơ sở hoạt động 8 giờ/ngày, lượng nước cấp lần đầu cho lò hơi là 4,0 m^3. Lượng nước cấp cho lò hơi sẽ tuần hoàn 80%, sẽ bay hơi hay thất thoát 20%. Do đó, lượng nước cấp bổ sung là 0,8 m^3/h, tương đương 6,4 m^3/ngày.

Lượng nước cấp cho quá trình vệ sinh, xả đáy lò hơi với lượng nước sử dụng là 0,5 m^3/lần.

Lượng nước thải từ quá trình vệ sinh xả đáy lò hơi sẽ được thu gom và dẫn về hệ thống xử lý nước thải sản xuất tại cơ sở để xử lý.

❖ ***Nước cấp cho hệ thống xử lý khí thải lò hơi***

Cơ sở có 01 HTXL bụi, khí thải lò hơi được sử dụng công nghệ dập nước.

Với hệ số phun là 0,25 lít/m^3 khí thải, vậy lượng nước cấp cần cho hệ thống xử lý bụi, khí thải lò hơi tại cơ sở là: 0,25 lít/m^3 × 15.000 m^3/h = 3,75 m^3/lần cấp.

Lượng nước này sẽ được tuần hoàn, tái sử dụng và định kỳ thay nước với tần suất 01 lần/tháng, xả bỏ 100%.

Sau khi khói bụi đi vào bể dập nước lúc này bụi sẽ được hấp thụ vào nước và lắng xuống đáy chỉ cho khói lò bay ra ngoài. Bên trong bể dập bụi được ngăn ba vách nhằm tạo đường dẫn gió để cho bụi bám vào nước và đọng lại trong bể. Ống khói được làm bằng thép không gỉ tránh bị mài mòn. Nước cuốn theo tro chảy vào một bể lắng. Sau khi để lắng tự nhiên tại đây, nước được tuần hoàn tái sử dụng. Định kỳ với tần suất khoảng 1 lần/tuần, nhân viên vận hành sẽ tiến hành xả bỏ lượng nước trong bể dập nước và thay nước mới. Lượng cặn thu gom từ bể lắng sẽ được đưa vào các bao chống thấm và hợp đồng xử lý với đơn vị chức năng theo đúng quy định.

Lượng nước thải từ bể dập nước này sẽ được thu gom và dẫn về hệ thống xử lý nước thải sản xuất tại cơ sở để xử lý.

❖ ***Nước cấp rửa lọc hệ thống làm mềm nước cấp lò hơi***

Lượng nước cấp dùng để vệ sinh HTXL nước cấp (rửa ngược hệ thống) cho lò hơi tại cơ sở khoảng 0,2 m^3/lần/tháng.

Lượng nước thải từ quá trình rửa lọc hệ thống làm mềm nước cấp lò hơi sẽ được thu gom và dẫn về hệ thống xử lý nước thải sản xuất tại cơ sở để xử lý.

d. Nước sử dụng cho mục đích tưới cây, rửa đường

Theo QCVN 01:2021/BXD – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch Xây dựng thì định mức lượng nước tưới cây là 3 lít/m^3/ngày, định mức nước rửa đường là 0,4 lít/m^2/ngày.

Với diện tích cây xanh và đường nội bộ như sau:

+ Với diện tích cây xanh: 5.797,8 m^2 thì nước tưới cây: 3 lít/m^2/ngày × 5.797,8 m^2 = 17.393,4 lít/ngày ≈ 17,4 m^3/ngày.

+ Với diện tích đường nội bộ: 7.385,05 m^2 thì nước rửa đường: 0,4 lít/m^2/ngày × 7.385,05 m^2 = 2.954,02 lít/ngày ≈ 3,0 m^3/ngày.

Tổng hợp nhu cầu sử dụng nước tại cơ sở như sau:

Bảng 1.4. Lượng nước sử dụng cho hoạt động tại cơ sở

STT	Mục đích sử dụng nước	Lượng nước sử dụng lớn nhất (m^3/ngày)	Nước thải phát sinh ngày nhiều nhất (m^3/ngày)
1	Nước sinh hoạt công nhân	4,08	4,08
2	Nước cấp hoạt động sản xuất	617,22	195,72

STT	Mục đích sử dụng nước	Lượng nước sử dụng lớn nhất (m^3/ngày)	Nước thải phát sinh ngày nhiều nhất (m^3/ngày)
3	Nước cấp lần đầu cho lò hơi	4,0	0
4	Nước cấp bổ sung hàng ngày cho lò hơi	6,4	0
5	Nước cấp vệ sinh, xả đáy lò hơi	0,5	0,5
6	Nước cấp cho HTXL bụi, khí thải lò hơi	3,75	3,75
7	Nước cấp rửa lọc HT làm mềm nước cấp lò hơi	0,2	0,2
8	Nước tưới cây	17,4	0
9	Nước rửa đường	3,0	0
Tổng cộng		**656,55**	**204,25**

Nguồn: Công ty TNHH TM-SX Giấy và Bao bì giấy Trường Sơn

❖ ***Nước dùng cho mục đích PCCC***

Lưu lượng nước cấp cho một đám cháy phải đảm bảo ≥15 l/s; số lượng đám cháy đồng thời cần được tính toán ≥2 (theo QCXDVN 06:2022/BXD).

Tính lượng nước cấp chữa cháy cho 2 đám cháy đồng thời xảy ra trong thời gian 20 phút là: Qcc = 15 lít/giây.đám cháy x 2 đám cháy x 20 phút x 60 giây/1.000 = 36 m^3.

Phương án cấp nước chữa cháy: Cơ sở đã xây dựng hoàn thiện bể chứa nước chữa cháy với thể tích 50 m^3 đặt trong khuôn viên cơ sở, đảm bảo lượng nước chữa cháy đủ cung cấp khi có đám cháy xảy ra. Bên cạnh đó, tiếp giáp với cơ sở về phía Bắc là kênh Thủ Thừa, nguồn nước dồi dào quanh năm, xe chữa cháy và máy bơm chữa cháy có thể lấy nước khi xảy ra sự cố.

Cơ sở đã được Công An tỉnh Long An cấp Giấy chứng nhận thỏa thuận về thiết kế và thiết bị phòng cháy chữa cháy công trình số 55/PC23 ngày 13/12/1999; Biên bản nghiệm thu về thiết kế và thiết bị phòng cháy chữa cháy số 85/BB.PC23 do Phòng Cảnh sát PCCC tỉnh Long An cấp ngày 29/8/2001 và Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 56/TD-PCCC do Phòng CS PCCC và CNCH tỉnh Long An cấp ngày 08/02/2022.

1.5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở

1.5.1 Vị trí địa lý của cơ sở

Cơ sở *"Nhà xưởng sản xuất các loại giấy xeo từ giấy tái chế, công suất 11.290 tấn sản phẩm/năm"* được thực hiện tại thửa đất số 1247, tờ bản đồ số 1, ấp 3 Nhà Thương, Thị trấn Thủ Thừa, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An, Việt Nam với tổng diện tích 28.989m^2. Tại vị trí này, Cơ cở đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long

An cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BP 465805 (số vào sổ cấp GCN: CT19131) ngày 14/5/2014.

Vị trí tiếp giáp của cơ sở với các đối tượng xung quanh như sau:

- Phía Bắc: giáp đường Lộ Nhà Thương, đối diện là kênh Thủ Thừa.
- Phía Nam: giáp với khu đất trống;
- Phía Tây: giáp Công ty TNHH Kim Hoàn (ngành nghề đang hoạt động xay xát và sản xuất bột thô).
- Phía Đông: giáp với các hộ dân.

Tọa độ địa lý giới hạn khu đất (VN 2000) như sau:

Bảng 1.5. Tọa độ địa lý giới hạn của cơ sở

ĐIỂM	Theo hệ tọa độ VN-2000 (kinh tuyến trục 105º45', múi chiếu 3º)	
	X(m)	Y(m)
1	1170027	0572420
2	1170046	0572447
3	1170042	0572469
4	1170027	0572501
5	1169901	0572530
6	1169887	0572473

Nguồn: Công ty TNHH TM-SX Giấy và Bao bì giấy Trường Sơn

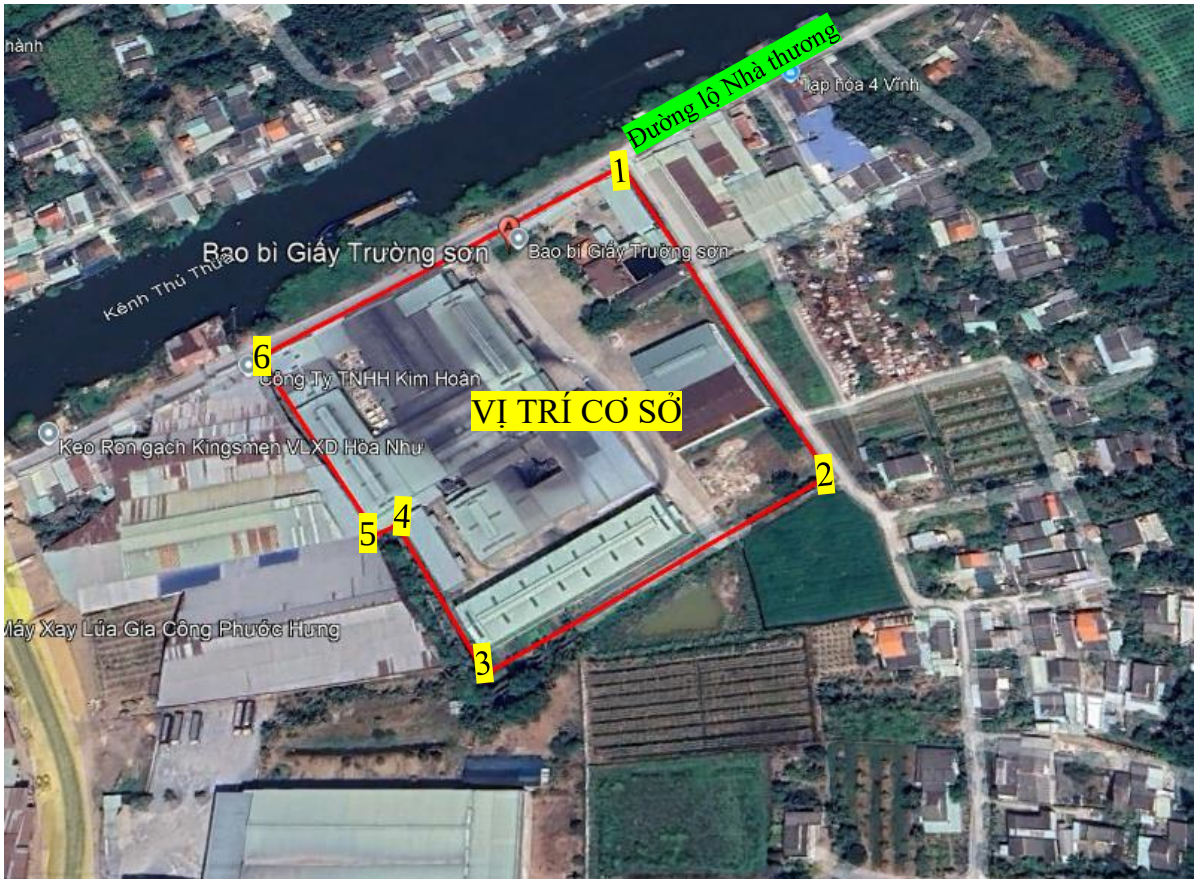

Hình 1.3. Vị trí giới hạn cơ sở với các đối tượng xung quanh

1.5.2 Danh mục máy móc, thiết bị

Danh mục máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất tại cơ sở như sau:

Bảng 1.6. Danh mục máy móc, thiết bị sử dụng tại cơ sở

Stt	Tên máy	ĐVT	Số lượng	Công suất	Xuất xứ	Năm sản xuất	Công đoạn sử dụng	Tình trạng
I	**Máy móc, thiết bị phục vụ quy trình sản xuất chính**							
1	Máy nghiền thủy lực	Cái	03	2,0 tấn/giờ	Đài Loan	2000	Sản xuất giấy	Sử dụng tốt
2	Dây chuyền xeo giấy	Dây chuyền	03	2,0 tấn/giờ	Đài Loan	2000		Sử dụng tốt
3	Thiết bị ly tâm	Cái	03	2,0 tấn/giờ	Đài Loan	2000		Sử dụng tốt
4	Máy cuốn + cắt	Cái	01	5,0 tấn/giờ	Đài Loan	2000		Sử dụng tốt
II	**Máy móc, thiết bị phụ trợ**							
1	Lò hơi	Lò	01	6,0 tấn hơi/giờ	Taiwan	2019	Cấp nhiệt	Sử dụng tốt
2	Máy phát điện	Cái	01		Việt Nam	2004	Dự phòng mất điện	Sử dụng tốt
3	Xe nâng	Xe	04	--	Việt Nam	2004	Vận chuyển	Sử dụng tốt
III	**Máy móc, thiết bị phục vụ công tác bảo vệ môi trường**							
1	HTXL nước thải sản xuất	HT	01	250 m^3/ngày.đêm	Việt Nam	2012	XLNT sản xuất	Sử dụng tốt
2	HTXL nước thải sinh hoạt	HT	01	10 m^3/ngày.đêm	Việt Nam	2012	XLNT sinh hoạt	Sử dụng tốt
3	HTXL bụi, khí thải lò hơi	HT	01	15.000 m^3/giờ	Việt Nam	2012	Xử lý khí thải lò hơi	Sử dụng tốt

Nguồn: Công ty TNHH TM-SX Giấy và Bao bì giấy Trường Sơn

1.5.3 Các hạng mục công trình của cơ sở

Cơ sở được thực hiện tại thửa đất số 1247, tờ bản đồ số 1, ấp 3 Nhà Thương, Thị trấn Thủ Thừa, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An, Việt Nam với tổng diện tích 28.989m^2. Tại vị trí này, Cơ cở đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BP 465805 (số vào sổ cấp GCN: CT19131) ngày 14/5/2014.

Hiện tại, cơ sở đã xây dựng hoàn thiện các hạng mục công trình để phù hợp với quá trình sản xuất tại cơ sở, cụ thể các hạng mục công trình như sau:

Bảng 1.7. Các hạng mục công trình tại cơ sở

STT	Hạng mục công trình	Diện tích (m^2)	Tỷ lệ %	Ghi chú
I	**Hạng mục công trình chính**			
1	Nhà xưởng sản xuất	8.000	27,59	
2	Nhà văn phòng, nghỉ ngơi	270	0,93	
II	**Hạng mục công trình phụ**			
1	Nhà bảo vệ	25	0,08	
2	Căn tin	650	2,24	
3	Nhà để xe	140	0,48	
4	Nhà kho 1	1.104	3,81	
5	Nhà kho 2	491,2	1,69	
6	Nhà lò hơi	1.000	3,45	
7	Sân, đường nội bộ	7.385,05	25,47	
III	**Hạng mục công trình bảo vệ môi trường**			
1	Cây xanh	5.797,8	20,00	
2	Nhà vệ sinh	30	0,1	02 khu với diện tích 15m^2/khu
3	Hệ thống xử lý nước thải sản xuất	100	0,34	
4	Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt – bố trí trong nhà kho: 15m^2	--	--	
5	Khu vực phơi bùn	50	0,17	
6	Hệ thống xử lý khí thải lò hơi – bố trí trong nhà lò hơi: 30m^2	--	--	
7	Khu chứa chất thải thông thường	30	0,1	

STT	Hạng mục công trình	Diện tích (m^2)	Tỷ lệ %	Ghi chú
8	Khu chứa chất thải nguy hại	10	0,03	
9	Khu chứa chất thải sinh hoạt	5	0,02	
Tổng cộng		**28.989**	**100**	

Nguồn: Công ty TNHH TM-SX Giấy và Bao bì giấy Trường Sơn

Ghi chú:

Đối với CTR sinh hoạt, chất thải công nghiệp không nguy hại và chất thải nguy hại đã được chủ cơ sở ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom theo đúng quy định.

Bể chứa nước ngầm được xây âm so với mặt đất với thể tích 50 m^3 thuận lợi cho quá trình chữa cháy khi có đám cháy xảy ra.

❖ ***Hình ảnh hiện trạng tại cơ sở:***

Khuôn viên nhà xưởng và nhà văn phòng

Khuôn viên cây xanh

Hình 1.4. Hình ảnh hiện trạng tại cơ sở

1.5.4 Tiến độ thực hiện cơ sở

a. Tiến độ thực hiện được thực hiện như sau:

Cơ sở *"Nhà xưởng sản xuất các loại giấy xeo từ giấy tái chế, công suất 11.290 tấn sản phẩm/năm"* đã đi vào hoạt động và sẽ vận hành thử nghiệm các công trình bảo vệ môi trường trong 06 tháng kể từ ngày có giấy phép môi trường.

b. Vốn đầu tư

Tổng vốn đầu tư của cơ sở là 45.982.000.000 VNĐ *(Bốn mươi lăm tỷ chín trăm tám mươi hai triệu đồng)*, trong đó vốn phục vụ công tác bảo vệ môi trường khoảng 4.000.000.000 VNĐ.

c. Tổ chức quản lý và thực hiện cơ sở

Cơ cấu tổ chức quản lý, sản xuất của nhà máy được minh họa như sau:

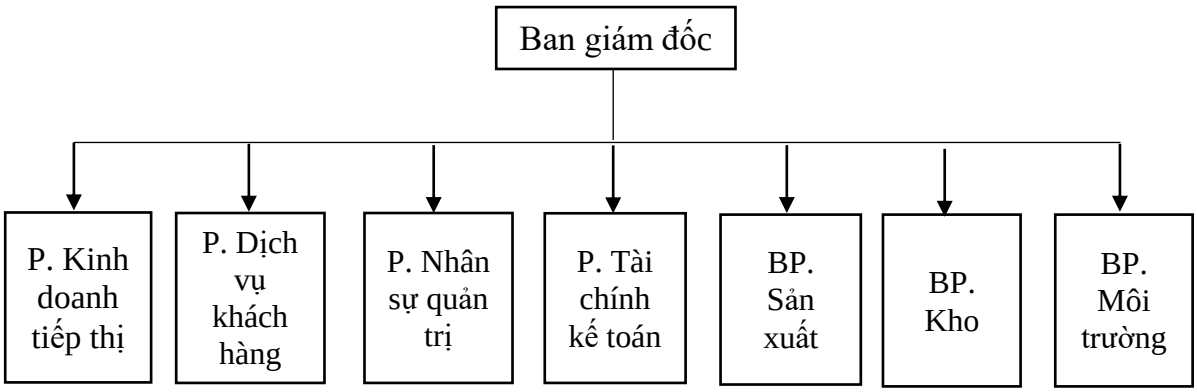

Hình 1.5. Sơ đồ tổ chức quản lý cơ sở

❖ ***Nguồn nhân lực***

Nguồn lực phục vụ cơ sở trong giai đoạn hoạt động như sau:

Bảng 1.8. Nhu cầu lao động tại cơ sở

Stt	Nguồn lực	Nhu cầu	Chuyên môn
1	Lao động gián tiếp	5 người	- Quản lý và điều hành. - Bố trí 01 nhân viên phụ trách công tác quản lý môi trường. Trình độ đại học và cao đẳng. - Còn lại là nhân viên hành chính nhân sự.
2	Lao động trực tiếp	46 người	Công nhân sản xuất.
Tổng cộng		**51 người**	

Nguồn: Công ty TNHH TM-SX Giấy và Bao bì giấy Trường Sơn

❖ ***Chế độ làm việc*:** Số ca làm việc 1 ca/ngày, 8 giờ/ca, 6 ngày/tuần, 300 ngày/năm.

Chương 2. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

Nội dung này hoàn toàn không thay đổi so với Đề án bảo vệ môi trường chi tiết đã được phê duyệt, do đó báo cáo không thể hiện nội dung này.

Chương 3. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

3.2.1. Thu gom, thoát nước mưa

Chủ cơ sở xây dựng hoàn thiện hệ thống, công trình thu gom, thoát nước mưa tại cơ sở. Hệ thống thoát nước mưa với quy cách như sau:

Bảng 3.1. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa tại cơ sở

Thu gom nước mưa trên mái nhà xưởng	Nước mưa trên mái các khu nhà xưởng được thu gom bằng ống xối nhựa PVC ϕ90mm, dẫn thẳng xuống gố ga dưới mặt đất
Thu gom mước mưa chảy tràn	Mương hở có nắp đậy: BxH = 300x300mm. Chiều dài tuyến ống thu gom: Tổng chiều dài 590m chạy dọc quanh các nhà xưởng, nhà văn phòng và khuôn viên cơ sở.
Hệ thống thoát nước	Dẫn vào 02 hố ga thu nước mưa tập trung nằm trong khuôn viên cơ sở, sau đó dẫn theo đường ống uPVC D300mm thoát ra mương Công Cộng (tiếp giáp phía Đông cơ sở), sau đó tự chảy thoát ra kênh Thủ Thừa.
Tọa độ vị trí đấu nối *(theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 105°45', múi chiếu 3°)*	Tọa độ vị trí 1: X_1= 1208776, Y_1= 0576493 và tọa độ vị trí 2: X_2= 1208587, Y_2= 0576399.

– *Số lượng:* 1 hệ thống.

– *Phương thức xả:* Tự chảy theo thiết kế.

– *Sơ đồ minh họa:*

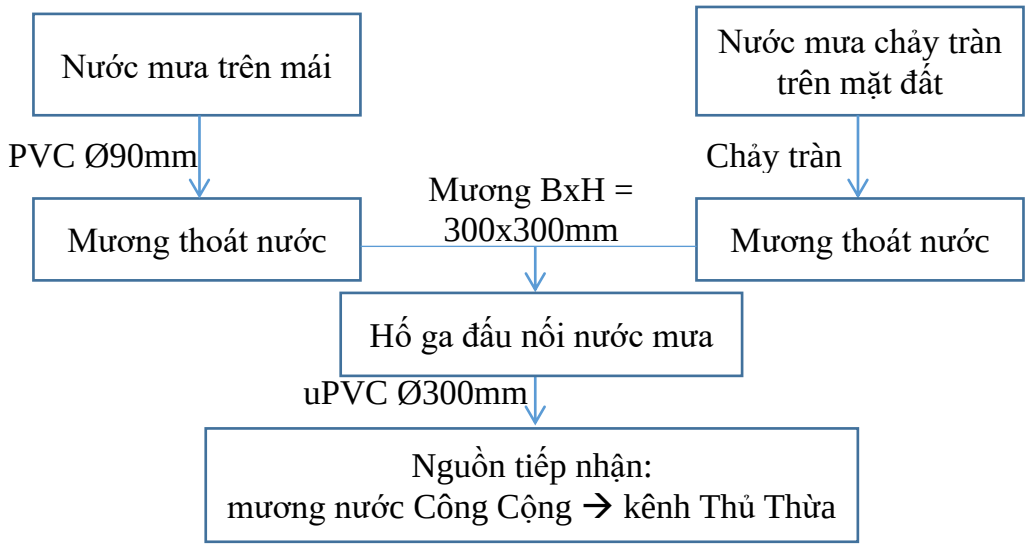

Hình 3.1. Sơ đồ thu gom, thoát nước mưa tại cơ sở

3.2.2. Thu gom, thoát nước thải

a. Quy mô

Xử lý toàn bộ nước thải phát sinh tại cơ sở bao gồm nước thải sinh hoạt; nước thải từ hoạt động sản xuất; nước thải từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi; nước thải xả đáy, vệ sinh lò hơi và nước thải rửa lọc cho hệ thống làm mềm nước lò hơi. Lưu lượng nước thải phát sinh ổn định tại cơ sở như sau:

+ Nước thải sinh hoạt: 4,08 m^3/ngày.

+ Nước thải từ hoạt động sản xuất: 195,72 m^3/ngày.

+ Nước thải từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi: 3,75 m^3/lần/tuần.

+ Nước thải xả đáy, vệ sinh lò hơi: 0,5 m^3/lần/tháng.

+ Nước rửa lọc cho hệ thống làm mềm nước lò hơi: 0,2 m^3/lần/tháng.

→ Tổng lượng nước thải phát sinh tại dự án là 204,25 m^3/ngày.đêm. Toàn bộ nước thải phát sinh tại cơ sở chứa các thành phần gây ô nhiễm cao như các chất BOD_5, COD, TSS, các chất dinh dưỡng Nitơ, phospho, Amoni, cặn bẩn và các vi sinh vật gây bệnh,… nồng độ các chất ô nhiễm vượt giới hạn quy định, gây mất mỹ quang xung quanh. Do đó, chủ cơ sở có biện pháp khống chế ô nhiễm nguồn nước thải phát sinh tại cơ sở cụ thể được thể hiện mục sau của báo cáo.

b. Công trình thu gom nước thải

Hệ thống thu gom, thoát nước thải được tách riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước mưa. Toàn bộ nước thải phát sinh được thu gom theo hệ thống thoát nước thải nội bộ:

– Nước thải sinh hoạt phát sinh từ 02 khu nhà vệ sinh bố trí trong khuôn viên cơ sở có diện tích mỗi khu 15m^2/khu *(với tổng lưu lượng phát sinh là 4,08 m^3/ngày.đêm)* được thu gom và xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại *(01 bể tự hoại, dung tích 18 m^3)*, sau đó theo đường ống uPVC D90 mm dẫn về HTXL nước thải sinh hoạt tại cơ sở để tiếp tục xử lý.

– Nước thải phát sinh từ hoạt động sản xuất (*với lưu lượng phát sinh khoảng 195,72 m^3/ngày.đêm)* được thu gom bằng đường ống uPVC D168 mm dẫn về HTXL nước thải sản xuất tại cơ sở để tiếp tục xử lý.

– Nước thải phát sinh từ khu vực lò hơi (vệ sinh, xả đáy lò hơi + nước thải từ HTXL khí thải lò hơi + rửa lọc hệ thống làm mềm nước cấp lò hơi) *(với lưu lượng phát sinh khoảng 4,45 m^3/ngày)* được thu gom bằng mương dẫn + đường ống uPVC D168mm dẫn về HTXL nước thải sản xuất tại cơ sở để tiếp tục xử lý.

c. Công trình thoát nước thải

Toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh tại cơ sở sẽ được dẫn về HTXL nước thải sinh hoạt có công suất thiết kế 10 m^3/ngày.đêm để đảm bảo xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, Cột A, Kq= 1,2, Kf= 1,2 tự chảy ra 01 hố ga giám sát nước thải của

cơ sở, sau đó theo đường ống uPVC 900mm, dài 10m thoát ra nguồn tiếp nhận là mương nước Công Cộng có tọa độ X= 1208776, Y= 0576493 *(theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 105°45', múi chiếu 3°)*, tiếp tục tự chảy ra kênh Thủ Thừa.

Toàn bộ nước thải sản xuất và nước thải từ khu vực lò hơi phát sinh tại cơ sở sẽ được dẫn về HTXL nước thải sản xuất có công suất thiết kế 250 m^3/ngày.đêm để đảm bảo xử lý đạt QCVN 12-MT:2015/BTNMT, cột B1 và tuần hoàn, tái sử dụng 100% cho quá trình sản xuất, không xả thải vào môi trường.

d. Điểm xả nước thải sau xử lý

– *Vị trí xả nước thải:*

+ Nước thải sinh hoạt: Tại 01 hố ga giám sát nước thải của cơ sở.

+ Nước thải sản xuất: Cơ sở không thực hiện xả thải.

– *Yêu cầu kỹ thuật:*

+ Nước thải sinh hoạt: Nước thải sau xử lý đảm bảo đạt QCVN 40:2011/BTNMT, Cột A, Kq= 1,2, Kf= 1,2 trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

+ Nước thải sản xuất: Tuần hoàn tái sử dụng, không xả thải vào môi trường.

– *Nguồn tiếp nhận nước thải:*

+ Nước thải sinh hoạt: Mương nước Công Cộng, sau đó tự chảy ra kênh Thủ Thừa.

+ Nước thải sản xuất: Không có.

e. Sơ đồ minh họa tổng thể mạng lưới thu gom, thoát nước thải

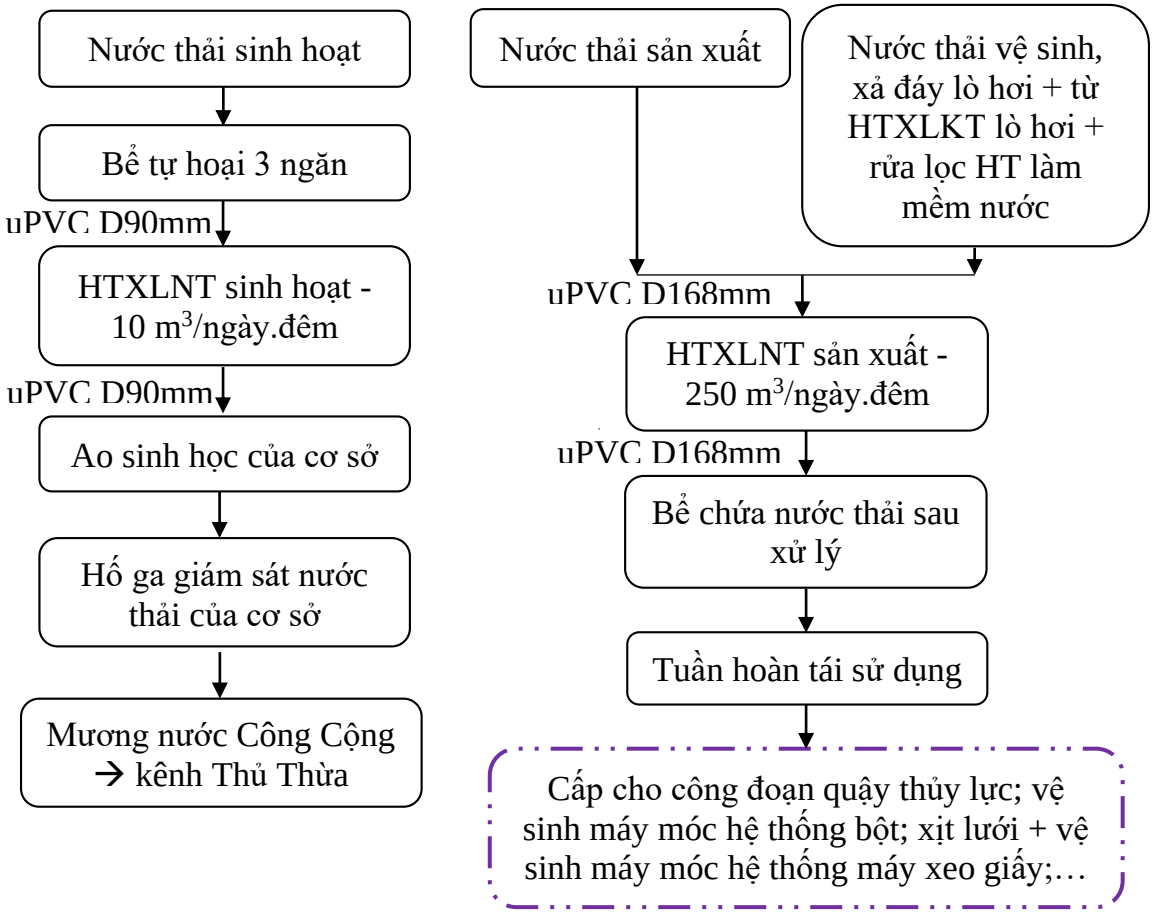

Hình 3.2. Sơ đồ hệ thống thu gom nước thải tại cơ sở

3.2.3. Xử lý nước thải

a. Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt

❖ ***Tên đơn vị thiết kế, thi công xây dựng***

Chủ cơ sở: Công ty TNHH TM-SX Giấy và Bao bì giấy Trường Sơn

– Đại diện nghiệm thu hệ thống: Ông. Nguyễn Công Trường; Chức danh: Giám đốc.

– Địa chỉ: Ấp 3 Nhà Thương, Thị trấn Thủ Thừa, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An, Việt Nam.

❖ ***Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 10 m^3/ngày.đêm***

– *Chức năng:* Xử lý toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt phát sinh từ 02 khu nhà vệ sinh bố trí trong khuôn viên của cơ sở.

– *Công suất hệ thống:* 01 bể tự hoại 3 ngăn có thể tích 18m^3 và 01 hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt có công suất 10 m^3/ngày.đêm.

– *Quy trình công nghệ xử lý:*

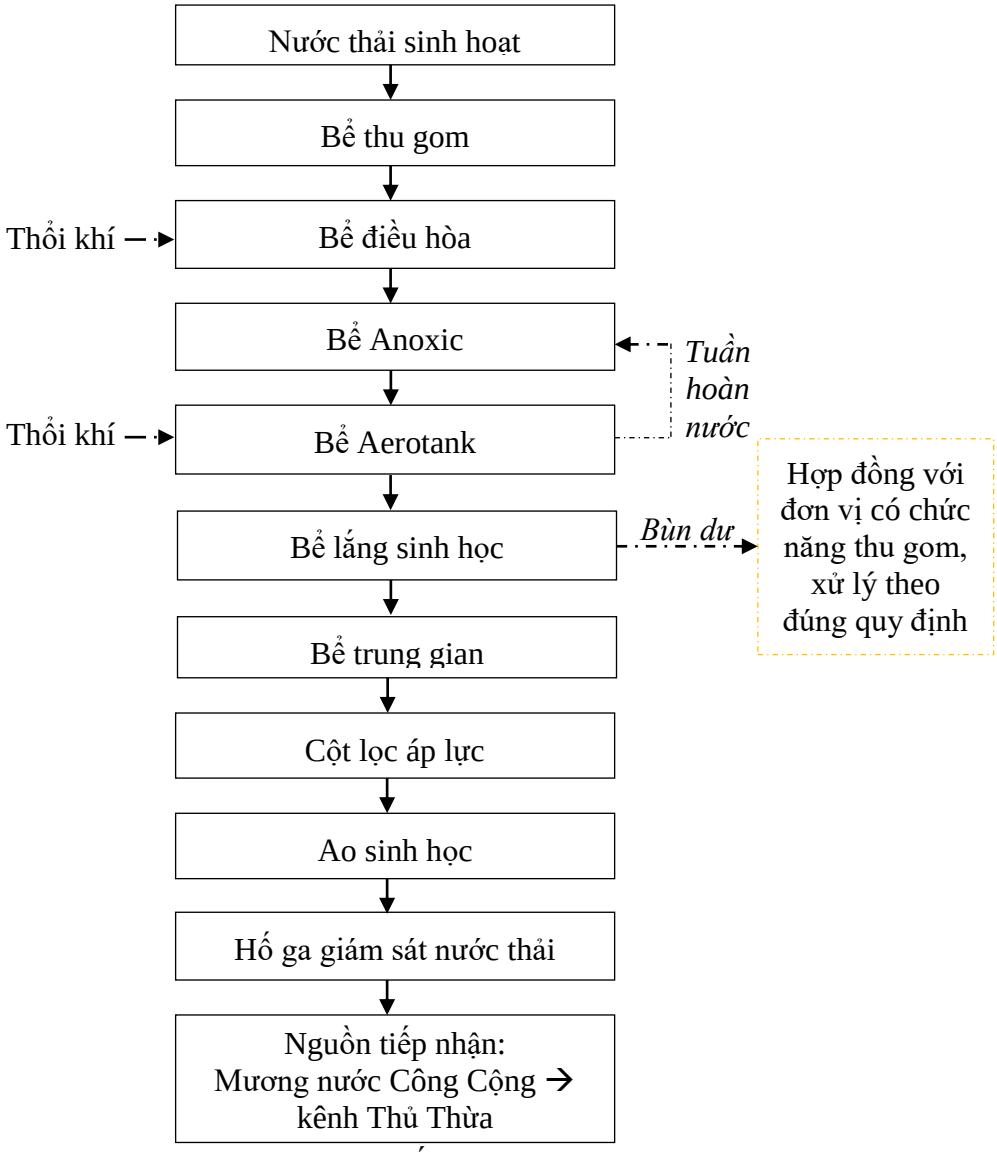

Hình 3.3. Quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tại cơ sở

❖ ***Thuyết minh quy trình:***

Bể thu gom:

Toàn bộ nước thải phát sinh tại cơ sở được thu gom dẫn vào bể thu gom. Ở bể thu gom có lắp thêm song chắn rác có nhiệm vụ giữ lại các rác thô kích thước lớn lẫn trong nước thải trước khi nước thải chảy vào bể điều hòa.

Bể điều hòa:

Nước từ bể gom được bơm sang bể điều hòa. Tại bể điều hòa nước thải được điều hòa lưu lượng và nồng độ nước thải. Trong bể điều hòa có lắp đặt hệ thống phân phối khí đáy bể. Hệ thống này có tác dụng đảo trộn nước thải, đồng nhất nồng độ nước thải tại mọi thời điểm. Mặt khác, lượng không khí được cấp vào bể nhằm hạn chế mùi hôi, thối phát sinh trong quá trình kỵ khí và đồng thời khử một phần chất hữu cơ (10%). Hơn nữa, trong giờ cao điểm, lưu lượng nước thải dư sẽ được giữ lại trong bể điều hòa để xử lý sau.

Bể Anoxic:

Bể sinh học thiếu khí được sử dụng nhằm khử nito từ sự chuyển hóa nitrate thành nito tự do. Lượng nitrate này được tuần hoàn từ lượng bùn tuần hoàn từ Bể lắng và lượng nước thải từ Bể sinh học hiếu khí (đặt sau Bể sinh học thiếu khí). Nước thải sau khi khử nito sẽ tiếp tục tự chảy vào Bể sinh học hiếu khí kết hợp nitrate hóa.

Thông số quan trọng ảnh hưởng tới hiệu quả khử nito là (1) thời gian lưu nước của Bể thiếu khí; (2) nồng độ vi sinh trong bể; (3) tốc độ tuần hoàn nước và bùn từ Bể sinh học hiếu khí và Bể lắng; (4) nồng độ chất hữu cơ phân hủy sinh học; (5) phần nồng độ chất hữu cơ dễ phân hủy sinh học; (6) nhiệt độ. Trong các thông số trên, phần nồng độ chất hữu cơ dễ phân hủy sinh học đóng vai trò cực kì quan trọng trong việc khử nito. Nghiên cứu cho thấy nước thải cùng một nồng độ hữu cơ có khả năng phân hủy sinh học (bCOD) nhưng khác về thành phần nồng độ chất hữu cơ dễ phân hủy sinh học (rbCOD). Trường hợp nào có rbCOD càng cao, tốc độ khử nito càng cao.

Hai hệ enzyme tham gia vào quá trình khử nitrate:

1. Đồng hóa (assimilatory): $NH_3 \rightarrow NO_3^-$, tổng hợp tế bào, khi $N\text{-}NO_3^-$ là dạng nito duy nhất tồn tại trong môi trường.

2. Dị hóa (dissimilatory) → quá trình khử nitrate trong nước thải.

+ Quá trình đồng hóa: $3NO_3^- + 14CH_3OH + CO_2 + 3H^+ \rightarrow 3C_5H_7O_2N + H_2O$

+ Quá trình dị hóa:

Bước 1: $6NO_3^- + 2CH_3OH \rightarrow 6NO_2^- + 2CO_2 + 4H_2O$

Bước 2: $2NO_2^- + 2CH_3OH \rightarrow 3N_2 + 2CO_2 + 3H_2O + 6OH^-$

$6NO_3^- + 5CH_3OH \rightarrow 5CO_2 + 3N_2 + 7H_2O + 6OH^-$

+ Tổng quá trình khử nitrate

$NO_3^- + 1,08CH_3OH + H^+ \rightarrow 0,065C_5H_7O_2N + 0,47N_2 + 0,76CO_2 + 2,44H_2O$

Bể thiếu khí được khuấy trộn bằng máy khuấy chìm nhằm giữ bùn ở trạng thải lơ lửng và nhằm tạo sự tiếp xúc giữa nguồn thức ăn và vi sinh. Hoàn toàn không được cung cấp oxy cho bể này vì oxy có thể gây ức chế cho vi sinh khử nitrate.

Bể Aerotank:

Bể sinh học hiếu khí (Aerotank) rất hiệu quả và tiết kiệm được nhiều chi phí và quá trình vận hành cũng đơn giản. Bể sinh học hiếu khí (Aerotank) hoạt động liên tục theo cơ chế tăng trưởng lơ lửng và khuấy trộn hoàn toàn, quá trình phân hủy xảy ra khi nước thải tiếp xúc với bùn trong điều kiện sục khí liên tục, các vi sinh vật sẽ phân hủy các chất ô nhiễm thành các chất vô cơ như: CO_2, H_2O,… và tạo thành các sinh khối mới, góp phần làm giảm COD, BOD_5 của nước thải. Cơ chế quá trình xử lý hiếu khí gồm 03 giai đoạn:

- *Giai đoạn 1:* Oxy hóa toàn bộ chất hữu cơ có trong nước thải để đáp ứng nhu cầu năng lượng tế bào

$C_xH_yO_zN + (x + y/4 + z/3 + ¾) O_2 \rightarrow xCO_2 + ((y-3)/2)H_2O + NH_3$

- *Giai đoạn 2* (Quá trình đồng hóa) Tổng hợp để xây dựng tế bào

$C_xH_yO_zN + NH_3 + O_2 \rightarrow xCO_2 + C_5H_7NO_2$

- *Giai đoạn 3* (Quá trình dị hóa) Hô hấp nội bào

$C_5H_7NO_2 + 5O_2 \rightarrow xCO_2 + H_2$

Tại bể sinh học hiếu khí (Aerotank) được lắp hệ thống phân phối khí cố định dưới đáy bể. Hệ thống này thông qua máy thổi khí có tác dụng cung cấp oxy cho quá trình phát triển của vi sinh vật. Ngoài ra có tác dụng đảo trộn nước thải với vi sinh vật trong bể và giúp oxy hòa tan trong nước thải dễ dàng hơn. Nồng độ các chất ô nhiễm sau bể Aerotank đã giảm đáng kể 60-70%.

Bể lắng sinh học:

Tại bể lắng sinh học, hầu hết bùn hoạt tính được tuần hoàn trở lại bể hiếu khí để tiếp tục duy trì hàm lượng bùn ở bể hiếu khí, chỉ một lượng nhỏ bùn dư được tách ra và đưa về bể chứa bùn. Phần nước sau lắng được tiếp tục xử lý tại bể trung gian.

Bể trung gian:

Nước thải sau bể lắng sinh học được thu gom về bể chứa trung gian. Bể chứa trung gian có nhiệm vụ tập trung nước thải từ các nguồn qua, điều hòa nồng độ và lưu lượng, điều chỉnh pH nước thải.

Bồn lọc áp lực:

Phần nước sau khi qua bồn chứa nước trung gian sẽ được bơm vào Bồn lọc áp lực. Tại đây, thiết bị có chức năng lọc tách các thành phần có tạp chất còn sót lại trong nước thải.

Ao sinh học:

Nước thải sau xử lý đảm bảo đạt QCVN 40:2011/BTNMT, Cột A, Kq= 1,2, Kf= 1,2 được xả ra ao sinh học trong khuôn viên cơ sở trước khi dẫn ra hố ga giám sát, sau đó xả ra mương nước Công Cộng và tiếp tục thoát ra kênh Thủ Thừa.

❖ ***Thông số kỹ thuật của HTXL nước thải sinh hoạt***

Bảng 3.2. Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tại cơ sở

Stt	Hạng mục	Đơn vị	Số lượng	Đặc tính kỹ thuật
1	Bể thu gom	Bồn	01	- Thể tích: V= 3.000 lít. - Vật liệu: Bồn nhựa.
2	Bể điều hòa	Bồn	01	- Thể tích: V= 3.000 lít. - Vật liệu: Bồn nhựa.
3	Bể Anoxic	Bồn	01	- Thể tích: V= 3.000 lít. - Vật liệu: Bồn nhựa.
4	Bể Aerotank	Bồn	01	- Thể tích: V= 5.000 lít. - Vật liệu: Bồn nhựa.
5	Bể lắng sinh học	Bồn	01	- Thể tích: V= 3.000 lít. - Vật liệu: Bồn nhựa.
6	Bể trung gian	Bồn	01	- Thể tích: V= 100 lít. - Vật liệu: Bồn nhựa.
7	Cột lọc áp lực	Cột	01	- Kích thước: DxH= 0,5m×2m. - Vật liệu: Thép không gỉ.

Nguồn: Công ty TNHH TM-SX Giấy và Bao bì giấy Trường Sơn

– *Chế độ vận hành:* Liên tục (theo thời gian hoạt động của cơ sở).

– *Hóa chất sử dụng:* Chất dinh dưỡng.

– *Định mức tiêu hao điện năng sử dụng:*

2.000 VNĐ/kWx4,08 m^3/ngày.đêmx0,5kW/m^3= 4.080 VNĐ/ngày.đêm

– *Định mức tiêu hao hóa chất sử dụng:*

– *Yêu cầu về quy chuẩn, tiêu chuẩn:* Nước thải sau xử lý đảm bảo đạt QCVN 40:2011/BTNMT, Cột A, Kq= 1,2, Kf= 1,2.

– *CO/CQ của hệ thống thiết bị xử lý nước thải đồng bộ, hợp khối (nếu có):* Không có.

b. Hệ thống xử lý nước thải sản xuất

❖ ***Tên đơn vị thiết kế, thi công xây dựng***

Chủ cơ sở: Công ty TNHH TM-SX Giấy và Bao bì giấy Trường Sơn

– Đại diện nghiệm thu hệ thống: Ông. Nguyễn Công Trường; Chức danh: Giám đốc.

– Địa chỉ: Ấp 3 Nhà Thương, Thị trấn Thủ Thừa, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An, Việt Nam.

❖ ***Hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất 250 m^3/ngày.đêm***

– *Chức năng:* Xử lý toàn bộ lượng nước thải từ hoạt động sản xuất; nước thải vệ sinh, xả đáy lò hơi; nước thải từ HTXLKT lò hơi và rửa lọc HT làm mềm nước.

– *Công suất hệ thống:* 250 m^3/ngày.đêm.

– *Quy trình công nghệ xử lý:*

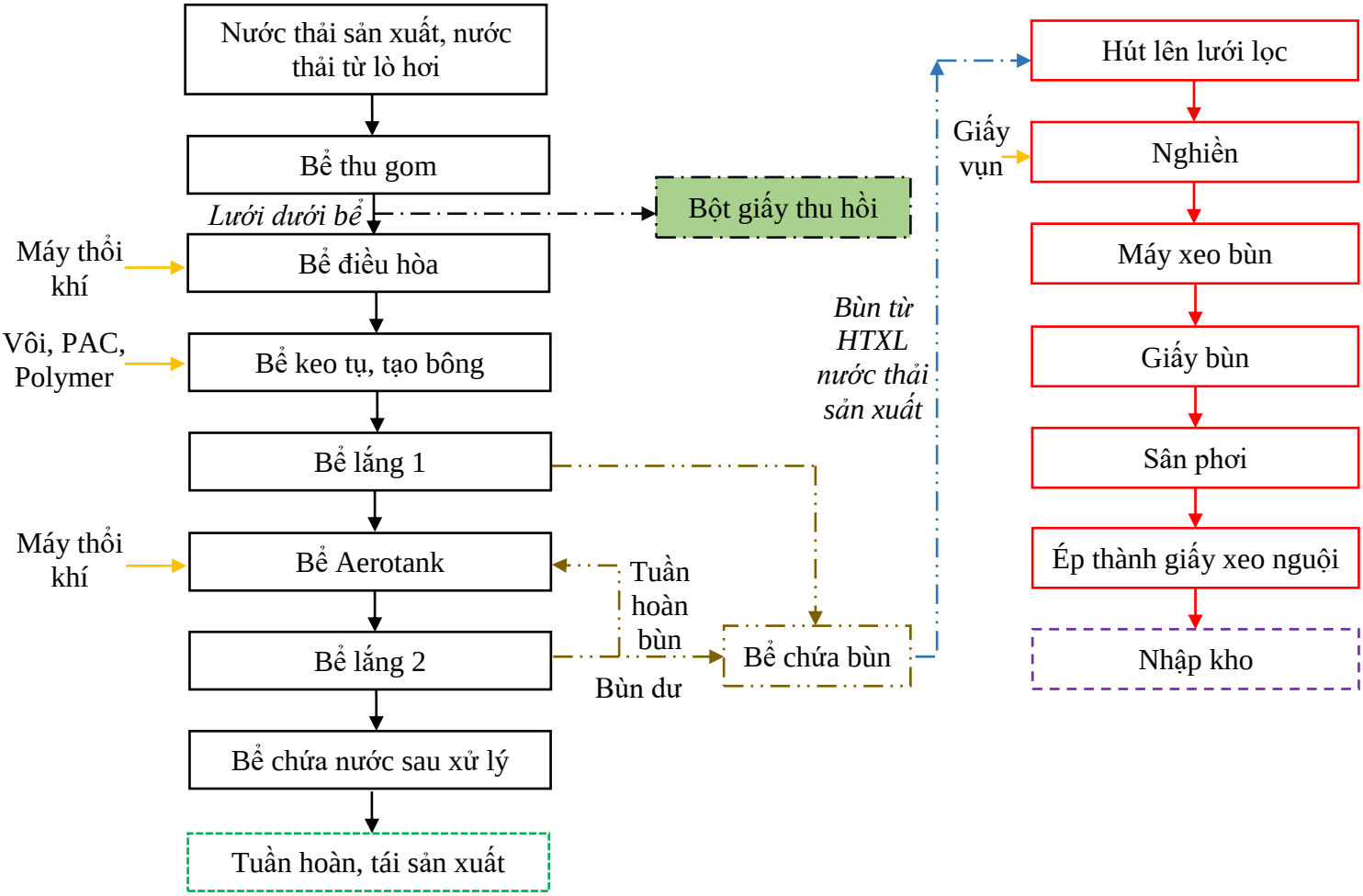

Hình 3.4. Quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải sản xuất tại cơ sở

Thuyết minh quy trình

Nước thải phát sinh từ hoạt động sản xuất; nước thải trong quá trình vệ sinh, xả đáy lò hơi; nước thải từ HTXL khí thải; nước thải rửa lọc hệ thống làm mềm nước cấp lò hơi được thu gom về bể thu gom của công trình xử lý nước thải.

Bể thu gom

Tại đây, nước thải sẽ được thu gom tập trung, phía trước bể thu gom có đặt lưới chắn rác thô có khe hở 2-3 mm. Đây là công đoạn được thiết kế nhằm mục đích tách rác và các tạp chất không tan có kích thước lớn ra khỏi nước thải, nhờ đó tránh làm tắc bơm và gãy cánh bơm. Phần chất thải rắn tách ra khỏi nước thải thu gom và thải bỏ nơi quy định.

Sau đó nước thải được bơm lên bể dưới lưới. Tại đây, cơ sở có bố trí 01 thiết bị lọc vách nghiêng để tách thu hồi bột giấy. Lượng bột giấy thu hồi khoảng 80% lượng bột giấy có trong nước thải. Lượng bột giấy thu hồi sẽ được tái sử dụng cho quá trình sản xuất.

Nước thải sau bể dưới lưới được bơm qua bể điều hòa.

Bể điều hòa

Bể điều hòa nước thải được điều hòa lưu lượng và nồng độ nước thải. Trong bể điều hòa có lắp đặt hệ thống phân phối khí đáy bể. Hệ thống này có tác dụng đảo trộn nước thải, đồng nhất nồng độ nước thải tại mọi thời điểm. Mặt khác, lượng không khí được cấp vào bể nhằm hạn chế mùi hôi, thối phát sinh trong quá trình kỵ khí và đồng thời khử một phần chất hữu cơ (10%). Hơn nữa, trong giờ cao điểm, lưu lượng nước thải dư sẽ được giữ lại trong bể điều hòa để xử lý sau.

Bể keo tụ + tạo bông

Trong bể keo tụ, hóa chất vôi và PAC được bơm định lượng đưa vào nhằm thực hiện quá trình keo tụ. Quá trình keo tụ thực chất là quá trình nén lớp điện tích kép. Quá trình này đòi hỏi thêm vào nồng độ cao các ion trái dấu để trung hòa điện tích, giảm thế điện động Zeta. Các ion mang điện tích trái dấu này sẽ phá vỡ tính bền của hệ keo, thu hẹp điện thế Zeta về mức thế 0. Khi đó lực đẩy tĩnh điện giữa các hạt bằng không, tăng khả năng kết dính của các hạt keo, tạo ra các hạt có kích thước lớn hơn.

Để tách các cặn nhỏ sinh ra ở quá trình keo tụ dễ dàng hơn, tại bể tạo bông, dung dịch Polymer sẽ được thêm vào nhằm tạo ra các cầu nối để bắt giữ các bông cặn nhỏ, tạo thành các bông cặn lớn hơn, dễ tách loại ra khỏi nước.

Bể lắng 1

Nước thải tiếp tục chảy qua bể lắng 1. Tại đây, bể lắng được thiết kế đặc biệt có tác dụng tạo môi trường tĩnh cho các bông keo lắng xuống.

Nước thải được phân phối thông qua ống trung tâm ở giữa bể và phân bố đều từ tâm ra thành bể, toàn bộ bông bùn, các chất lơ lửng, các chất vô cơ có trong nước thải sẽ lắng xuống đáy bể dưới tác dụng của tấm hướng dòng tại ống lắng trung tâm, bùn tập trung ở đáy bể, được tách bỏ dễ dàng hơn. Phần bùn thu ở đáy bể được đưa đến bể thu gom bùn bằng bơm bùn.

Nước thải từ bể lắng 1 được chảy tràn sang bể sinh học Aerotank.

Bể Aerotank

Do đặc trưng nước thải từ quá trình sản xuất của cơ sở có hàm lượng BOD_5 cao. Với hàm lượng các hợp chất hữu cơ của dòng nước thải, thì việc sử dụng bể Aerotank rất hiệu quả và tiết kiệm được nhiều chi phí và quá trình vận hành cũng đơn giản.

Bể sinh học hiếu khí Aerotank hoạt động liên tục theo cơ chế tăng trưởng lơ lửng và khuấy trộn hoàn toàn, quá trình phân hủy xảy ra khi nước thải tiếp xúc với bùn

trong điều kiện sục khí liên tục, các vi sinh vật sẽ phân hủy các chất ô nhiễm thành các chất vô cơ như: CO_2, H_2O,… và tạo thành các sinh khối mới, góp phần làm giảm COD, BOD_5 của nước thải. Cơ chế quá trình xử lý hiếu khí gồm 3 giai đoạn:

Giai đoạn 1: Oxy hóa toàn bộ chất hữu cơ có trong nước thải để đáp ứng nhu cầu năng lượng tế bào

$$C_xH_yO_zN + (x + y/4 + z/3 + ¾)\ O_2 \longrightarrow xCO_2 + ((y-3)/2)H_2O + NH_3$$

Giai đoạn 2: (Quá trình đồng hóa) Tổng hợp để xây dựng tế bào

$$C_xH_yO_zN + NH_3 + O_2 \longrightarrow xCO_2 + C_5H_7NO_2$$

Giai đoạn 3: (Quá trình dị hóa) Hô hấp nội bào

$$C_5H_7NO_2 + 5O_2 \longrightarrow xCO_2 + H_2$$

Tại bể Aerotank được lắp hệ thống phân phối khí cố định dưới đáy bể. Hệ thống này thông qua máy thổi khí có tác dụng cung cấp oxy cho quá trình phát triển của vi sinh vật. Ngoài ra, có tác dụng đảo trộn nước thải với vi sinh vật trong bể và giúp oxy hòa tan trong nước thải dễ dàng hơn. Nồng độ các chất ô nhiễm sau bể Aerotank đã giảm đáng kể 60 – 70%. Sau đó, nước thải có lẫn bùn sinh học được dẫn tự chảy sang bể lắng 2.

Bể lắng 2

Để nước thải được trong, loại bỏ được lượng bùn hoạt tính và các chất lơ lửng còn sót lại, thì bồn lắng là bể đóng vai trò quan trọng sau khi xử lý bằng Aerotank. Tại bồn lắng, nước thải được phân phối thông qua ống trung tâm ở giữa bể và phân bố đều từ tâm ra thành bể, toàn bộ bông bùn, các chất lơ lửng, các chất vô cơ có trong nước thải sẽ lắng xuống đáy bể dưới tác dụng của tấm hướng dòng tại ống lắng trung tâm, bùn tập trung ở đáy bể, được tách bỏ dễ dàng hơn. Phần bùn thu ở đáy bể, một phần bùn được đưa về bể Aerotank nhằm đảm bảo cung cấp đủ lượng chất hữu cơ cho vi sinh vật sử dụng, một phần bùn khác được đưa đến bể thu gom bùn.

Bể chứa nước sau xử lý

Nước thải sau bể lắng 2 được chảy vào bể chứa nước thải sau xử lý. Từ đây, nước thải sẽ được bơm tuần hoàn lại cho các công đoạn sản xuất.

Nước thải sau hệ thống xử lý đảm bảo đạt QCVN 12-MT:2015/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp giấy và bột giấy, cột B1 (cơ sở sản xuất giấy) và tuần hoàn, tái sử dụng.

Cơ sở không thực hiện xả thải vào môi trường.

Bể chứa bùn

Phần bùn dư phát sinh từ bể lắng 2 cùng với bùn từ bể lắng 1 sẽ được dẫn về bể chứa bùn. Bể chứa bùn có nhiệm vụ chứa và ổn định độ ẩm của bùn trước khi đưa vào xử lý qua các công trình tiếp theo.

Toàn bộ lượng bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải sản xuất tại co sở được thu gom tận dụng hoàn toàn, không thải ra môi trường. Cụ thể quy trình tận dụng bùn thải như sau:

+ Lượng bùn sinh ra chứa tại bể chứa bùn sẽ được bơm bút lên lưới lọc nhằm giảm bớt lượng nước có trong bột bùn.

+ Lượng bùn sau khi đã ráo nước được đưa vào máy nghiền và cho thêm một ít giấy vụn vào cùng nghiền chung, tiếp đó hỗn hợp được chuyển vào máy xeo bùn và ép thành giấy bùn.

+ Giấy bùn được đem phơi ở sân phơi bùn, sau khi phơi khô thì tiếp tục đưa chúng vào máy ép và ép thành giấy xeo nguội. Cuối cùng sản phẩm được đem vào kho và chờ xuất hàng.

❖ ***Thông số kỹ thuật của HTXL nước thải sản xuất***

Bảng 3.3. Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý nước thải sản xuất tại cơ sở

Stt	Hạng mục	Đơn vị	Số lượng	Đặc tính kỹ thuật
1	Bể thu gom	Bể	02	- Kích thước: L×B×H= 2,7×1,8×1,2 m. - Vật liệu: + Đáy BTCT, M250 + Tường bê tông. - Phủ composite chống thấm mặt trong.
2	Bể điều hòa	Bể	01	- Kích thước: L×B×H= 7,3×2,8×3,0m. - Vật liệu: + Đáy BTCT, M250 + Tường bê tông. - Phủ composite chống thấm mặt trong.
3	Bể keo tụ, tạo bông	Bể	01	- Kích thước: L×B×H= 1,7×1,1×3,0m. - Vật liệu: + Đáy BTCT, M250 + Tường bê tông. - Phủ composite chống thấm mặt trong.
4	Bể lắng 1	Bể	01	- Kích thước: L×B×H= 3,6×2,8×3,0m. - Vật liệu: + Đáy BTCT, M250 + Tường bê tông. - Phủ composite chống thấm mặt trong.
5	Bể Aerotank	Bể	02	- Kích thước: L×B×H= 7,3×2,8×3,0m. - Vật liệu:

Stt	Hạng mục	Đơn vị	Số lượng	Đặc tính kỹ thuật
				+ Đáy BTCT, M250 + Tường bê tông. - Phủ composite chống thấm mặt trong.
6	Bể lắng 2	Bể	01	- Kích thước: L×B×H= 3,7×2,8×3,0m. - Vật liệu: + Đáy BTCT, M250 + Tường bê tông. - Phủ composite chống thấm mặt trong.
7	Bể chứa	Bể	01	- Kích thước: L×B×H= 5,6×2,8×3,0m. - Vật liệu: + Đáy BTCT, M250 + Tường bê tông. - Phủ composite chống thấm mặt trong.
8	Sân phơi bùn	Sân	01	- Diện tích: DxR= 30×20m. - Thời gian phơi: 8h-16h hàng ngày trừ những ngày mưa. - Vật liệu: BTCT.

Nguồn: Công ty TNHH TM-SX Giấy và Bao bì giấy Trường Sơn

– *Chế độ vận hành:* Vận hành theo mẻ. Khi cơ sở vận hành sản xuất, nước thải từ bể chứa nước thải sau xử lý sẽ được cấp vào cho các công đoạn sản xuất. Nước thải sẽ được bơm theo hình thức cuốn chiếu từ bể này sang bể khác. Tùy theo mẻ sản xuất mà tần suất mẻ xử lý trung bình từ 10-15 ngày.

– *Hóa chất sử dụng:* Vôi, PAC, Polymer.

– *Định mức tiêu hao điện năng sử dụng:*

2.000 VNĐ/kWx200,17 m^3/ngày.đêmx0,5kW/m^3= 200.170 VNĐ/ngày.đêm.

– *Định mức tiêu hao hóa chất sử dụng:*

+ Vôi: 3.500 VNĐ/kg × 2,0 kg/ngày.đêm = 7.000 VNĐ/ngày.đêm.
+ PAC: 8.000 VNĐ/kg × 1,5 kg/ngày.đêm = 12.000 VNĐ/ngày.đêm.
+ Polymer: 85.000 VNĐ/kg × 1,0 kg/ngày.đêm = 85.000 VNĐ/ngày.đêm.

– *Yêu cầu về quy chuẩn, tiêu chuẩn:* Nước thải sau hệ thống xử lý đảm bảo đạt QCVN 12-MT:2015/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp giấy và bột giấy, cột B1 (cơ sở sản xuất giấy) và tuần hoàn, tái sử dụng cho các công đoạn sản xuất. Cơ sở không thực hiện xả thải vào môi trường.

– *CO/CQ của hệ thống thiết bị xử lý nước thải đồng bộ, hợp khối (nếu có):* Không có.

3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

3.2.1. Biện pháp quản lý ô nhiễm không khí từ phương tiện vận chuyển

- *Quy mô/công suất:* Không có.
- *Quy trình vận hành:*

Để hạn chế đến mức thấp nhất, ảnh hưởng của bụi và khí thải phát sinh, chủ cơ sở đang và sẽ thực hiện các biện pháp giảm thiểu như sau:

+ Vệ sinh, quét dọn sân, đường sau khi bốc dỡ hàng hóa.

+ Trồng cây xanh hạn chế bụi, có bóng mát và tạo cảnh quan cho nhà máy đảm bảo đạt tỷ lệ 20% tổng diện tích đất cơ sở.

+ Các phương tiện vận tải phục vụ hoạt động của nhà máy là phương tiện chuyên dụng. Tất cả các phương tiện phục vụ cho cơ sở phải đạt các tiêu chuẩn quy định của Cục đăng kiểm mới được phép lưu thông.

+ Các phương tiện vận chuyển các loại hàng hóa phủ bạt kín.

+ Nhiên liệu sử dụng cho các phương tiện vận chuyển là nhiên liệu có nguồn gốc rõ ràng.

+ Chế độ xe ra vào nhà máy phù hợp, tắt máy khi không cần thiết.

- *Chế độ vận hành:* Liên tục (theo thời gian hoạt động của cơ sở).
- *Các loại hóa chất, xúc tác sử dụng:* Không có.
- *Định mức tiêu hao điện năng, hóa chất sử dụng:* Không có.
- *Yêu cầu về quy chuẩn, tiêu chuẩn:* Không có.
- *CO/CQ của hệ thống thiết bị xử lý khí thải đồng bộ, hợp khối (nếu có):* Không có.

3.2.2. Biện pháp quản lý ô nhiễm không khí từ quá trình bốc dỡ, nhập, xuất hàng

- *Quy mô/công suất:* Không có.
- *Quy trình vận hành:*

Chủ cơ sở đang và sẽ áp dụng một số biện pháp nhằm giảm thiểu bụi phát sinh trong quá trình bốc dỡ, xuất, nhập nguyên liệu/hóa chất như sau:

+ Không nhập kho vào thời tiết xấu, gió mạnh, chỉ nhập kho các nguyên liệu đã chọn vào vị trí chứa thích hợp.

+ Không nhập và xuất nguyên vật liệu quá nhiều, các loại nguyên vật liệu cần thiết sẽ được xuất và nhập kho đủ dùng trong 1 tuần sản xuất.

+ Bố trí nhà kho và nhà chứa phải hợp lý: Đường nội bộ vào kho chứa phải đảm bảo phân phối sản phẩm, khu vực sản xuất có trang thiết bị, máy móc phải đảm bảo hai bên các thiết bị trống ít nhất khoảng 10m để xe vào.

+ Quá trình nhập kho và xuất kho nguyên vật liệu sử dụng xe nâng nên giảm ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe công nhân sản xuất.

+ Khu vực kho chứa thành phẩm: Nhà kho thông thoáng, trang bị hệ thống quạt thông gió theo đúng quy định. Đảm bảo kho chứa gọn, hàng hóa được bố trí hợp lý, có biển báo và phiếu kiểm soát.

+ Thường xuyên vệ sinh sàn tại kho chứa.

+ Bốc xếp nguyên liệu lên pallet cân bằng theo từng lô, gọn gàng, cẩn thận tránh lệch tâm, rơi đổ;

+ Thao tác bốc dỡ cần nhẹ nhàng tránh rơi vỡ, va đập gây hỏng bao bì chứa.

– *Chế độ vận hành:* Liên tục (theo thời gian hoạt động của cơ sở).

– *Các loại hóa chất, xúc tác sử dụng:* Không có.

– *Định mức tiêu hao điện năng, hóa chất sử dụng:* Không có.

– *Yêu cầu về quy chuẩn, tiêu chuẩn:* Không có.

– *CO/CQ của hệ thống thiết bị xử lý khí thải đồng bộ, hợp khối (nếu có):* Không có.

3.2.3. Biện pháp quản lý ô nhiễm từ hoạt động lưu chứa hóa chất

- *Quy mô/công suất:* Không có.
- *Quy trình vận hành:*

Để giảm ảnh hưởng của nhiệt độ và độ ẩm cao tới sức khỏe của công nhân lao động trong khu vực kho chứa hóa chất. Trong quá trình đi vào hoạt động, Chủ cơ sở đang và sẽ áp dụng các biện pháp như sau:

+ Nhà kho được xây dựng đạt yêu cầu kỹ thuật, có diện tích cửa số lớn để tận dụng thông gió tự nhiên, lắp đặt hệ thống thông gió theo yêu cầu vệ sinh công nghiệp.

+ Bố trí quạt hút công nghiệp và tận dụng thông gió tự nhiên qua hệ thống cửa mái, giúp không khí trong nhà xưởng được trao đổi liên tục.

+ Thường xuyên hút bụi hoặc quét dọn vệ sinh khu vực kho và khu vực xung quanh nhà kho để hạn chế tối đa bụi phát tán từ mặt đất.

+ Thường xuyên kiểm tra, bảo trì hệ thống cách nhiệt để phát hiện ra những sai phạm và kịp thời sửa chữa.

+ Cung cấp đầy đủ thông tin về vệ sinh, an toàn lao động cho công nhân Kho chứa. Dán các bảng nội quy, thông tin cần thiết về các biện pháp ứng phó cần thiết … để công nhân dễ dàng xử lý khi có sự cố xảy ra.

+ Thiết kế nhà xưởng thông thoáng, đảm bảo thoát khí tốt.

+ Hàng hóa trong kho được sắp xếp đều trên Pallet, nhằm thuận lợi cho việc vận chuyển số lượng hàng lớn, bốc xếp nhanh, khâu giao nhận đơn giản và tránh tiếp xúc của hàng hóa với sàn ẩm thấp.

+ Các hàng hóa xếp trên pallet được xếp xen kẽ về các chiều nhằm đảm bảo tính đứng vững và ổn định của khối hàng.

+ Kho chứa hóa chất đảm bảo các yêu cầu của QCVN 05A:2020/BCT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển hóa chất nguy hiểm; và Thông tư số 48/2020/TT-BCT ngày 21/12/2020 của Bộ Công thương ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển hóa chất nguy hiểm.

+ Kho có nội quy an toàn lao động, có trang bị và sử dụng trang thiết bị bảo đảm an toàn lao động khi tiếp xúc với hóa chất, có tủ hóa chất và dụng cụ sơ cứu.

– *Chế độ vận hành:* Liên tục (theo thời gian hoạt động của cơ sở).

– *Các loại hóa chất, xúc tác sử dụng:* Không có.

– *Định mức tiêu hao điện năng, hóa chất sử dụng:* Không có.

– *Yêu cầu về quy chuẩn, tiêu chuẩn:* Không có.

– *CO/CQ của hệ thống thiết bị xử lý khí thải đồng bộ, hợp khối (nếu có):* Không có.

3.2.4. Biện pháp quản lý ô nhiễm trong quá trình sản xuất

- *Quy mô/công suất:* Không có.
- *Quy trình vận hành:*

Để giảm thiểu tối đa ảnh hưởng đến công nhân trực tiếp sản xuất, chủ cơ sở đang và sẽ áp dụng các biện pháp sau:

+ Bố trí mặt bằng sản xuất phù hợp với quy trình sản xuất.

+ Sử dụng các thiết bị sản xuất hiện đại, các máy móc, thiết bị được bảo dưỡng định kỳ đảm bảo được hoạt động tối ưu.

+ Hướng dẫn kỹ năng cần thiết trong sản xuất cho công nhân để hạn chế thấp nhất thất sản phẩm lỗi, hư hỏng.

+ Xây dựng quy trình sản xuất và hướng dẫn công nhân thực hiện đúng quy trình sản xuất. Chủ cơ sở đã bố trí cán bộ giám sát sản xuất theo dõi việc tuân thủ quy trình sản xuất.

+ Trang bị tốt cho các phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân như khẩu trang, quần áo, găng tay, hạn chế tác động của bụi đến sức khỏe đồng thời có kế hoạch kiểm tra việc mang bảo hộ lao động của công nhân khi làm việc, tránh trường hợp có bảo hộ lao động mà không sử dụng.

+ Thường xuyên vệ sinh nhà xưởng nhằm hạn chế bụi phát sinh.

+ Tận dụng thông thoáng nhà xưởng tự nhiên.

+ Bên cạnh đó, để giảm thiểu nhiệt thừa từ dây chuyền xeo giấy, chủ cơ sở đã lắp đặt 06 quạt thông gió tự nhiên để giảm thiểu nhiệt thừa cho 03 dây chuyền này (ứng với mỗi dây chuyền lắp 02 quạt gió).

– *Chế độ vận hành:* Liên tục (theo thời gian hoạt động của cơ sở).

– *Các loại hóa chất, xúc tác sử dụng:* Không có.

– *Định mức tiêu hao điện năng, hóa chất sử dụng:* Không có.

– *Yêu cầu về quy chuẩn, tiêu chuẩn:* Không có.

– *CO/CQ của hệ thống thiết bị xử lý khí thải đồng bộ, hợp khối (nếu có):* Không có.

3.2.5. Biện pháp xử lý bụi, khí thải từ lò hơi

a. Công trình thu gom khí thải trước khi được xử lý

Hiện tại, cơ sở đã đầu tư 01 lò hơi công suất 6 tấn hơi/giờ sử dụng nhiên liệu đốt là trấu và vận hành 01 hệ thống xử lý bụi, khí thải lò hơi với công suất thiết kế 15.000 m^3/giờ để xử lý bụi, khí thải phát sinh từ lò hơi.

Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình hoạt động của lò hơi được dẫn qua hệ thống ống dẫn vào hệ thống xử lý thông qua quạt hút. Thông số đường ống thu gom trước khi dẫn về HTXL như sau:

– Vật liệu: Thép CT3;

– Kích thước: D700 mm;

– Chiều dài: khoảng 5-10m.

b. Công trình xử lý khí thải đã được xây dựng

❖ ***Tên đơn vị thiết kế, thi công xây dựng***

Chủ cơ sở: Công ty TNHH TM-SX Giấy và Bao bì giấy Trường Sơn

– Đại diện nghiệm thu hệ thống: Ông. Nguyễn Công Trường; Chức danh: Giám đốc.

– Địa chỉ: Ấp 3 Nhà Thương, Thị trấn Thủ Thừa, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An, Việt Nam.

❖ ***Hệ thống xử lý bụi, khí thải lò hơi***

– *Chức năng:* thu gom và xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động lò hơi.

– *Công suất hệ thống:* 15.000 m^3/giờ.

– *Quy trình công nghệ:*

Công nghệ xử lý như sau:

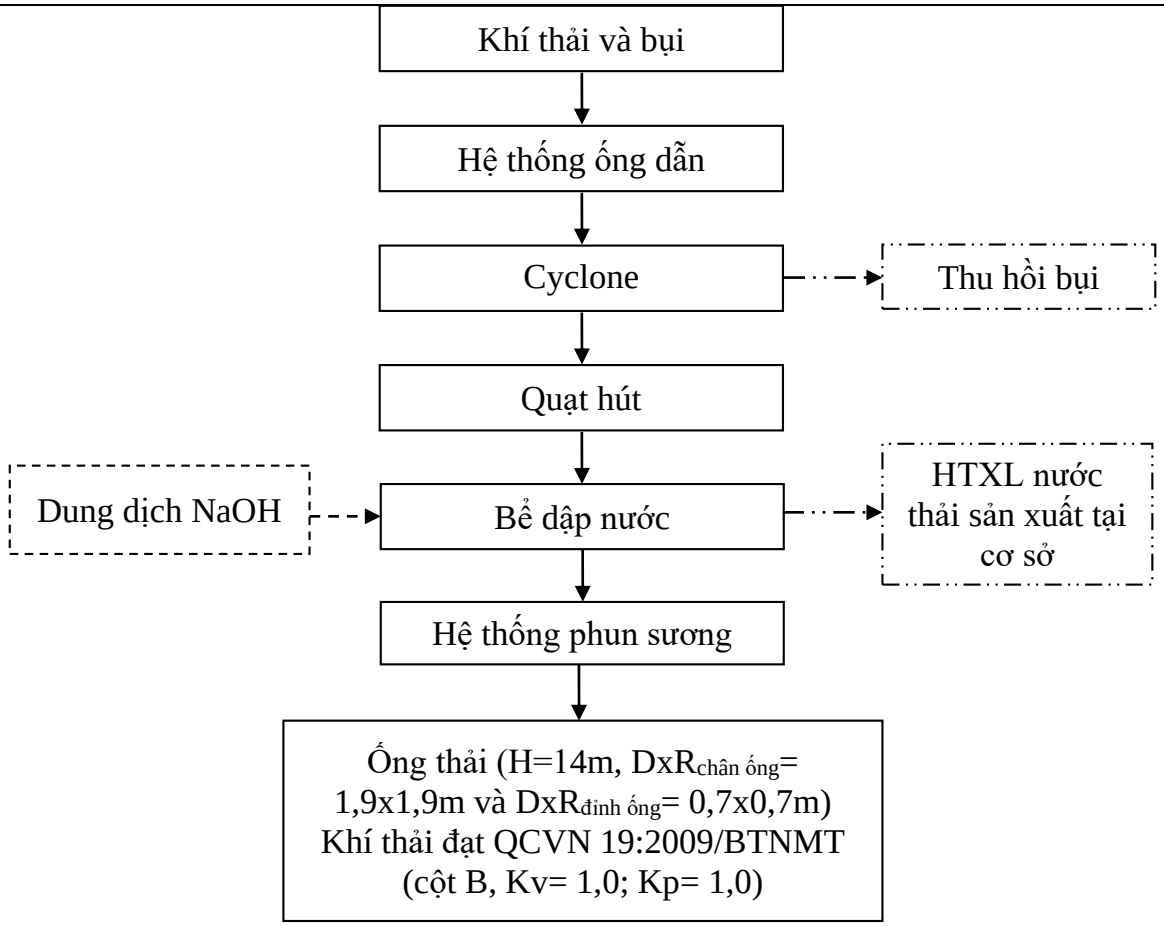

Hình 3.5. Sơ đồ hệ thống xử lý bụi, khí thải lò hơi

✓ ***Thuyết minh quy trình:***

Buồng đốt được thiết kế hoàn lưu 2 thành phần (Cháy tầng sôi, đốt hoàn lưu) giúp nhiên liệu cháy triệt để đạt hiệu suất cao > 90%, tiết kiệm được nhiên liệu.

Vít tải đưa nhiên liệu từ hố liệu vào phễu nạp liệu trước buồng đốt, liệu từ phễu nạp liệu được đưa vào buồng đốt bằng vít tải liệu có điều chỉnh tốc độ tăng giảm nhiên liệu đốt theo công suất mong muốn. Cơ cấu thổi liệu được lắp ngay đầu ra của vít tải liệu để trải đều liệu khắp tiết diện buồng đốt.

Gió cấp cho quá trình cháy được lấy từ quạt gió cấp 1, được sấy nóng nhờ bộ sấy gió và được đưa vào buồng đốt từ nhiệt độ 30°C lên đến 60°C, nhiên liệu được tác động của dòng khí từ bên dưới sàn ghi thổi lên và chuyển sang trạng thái chuyển động hai chiều, chiều lên do lực nâng của dòng khí và chiều xuống do trọng lực nhiên liệu đốt. Khi đó bên trong buồng đốt hình thành một lớp vật liệu rắn chuyển động như trạng thái sôi của chất lỏng, và được gọi là lớp sôi. Quá trình cháy của nhiên liệu đốt trong khi đang chuyển động theo trạng thái trên được gọi là quá trình cháy tầng sôi.

Khí nóng từ sau buồng đốt đi qua 3 pass (lượng trao đổi nhiệt tốt nhất) làm nước trong ống nước và balong sôi từ thể lỏng chuyển sang thể hơi và ra khỏi thân lò nhiệt độ trong thân lò tăng lên 170 – 200°C. Khí nóng tiếp tục được cung cấp qua cho các thiết bị trao đổi nhiệt (bộ hâm nước) và sấy khí. Bên cạnh đó tại các tiếp điểm xoáy

gió được thiết kế mặt ram chuyển hướng nhằm giảm được áp lực gió giúp chống ăn mòn tại các tiếp điểm gió xoáy giúp bảo vệ tuổi thọ đường ống lò lâu hơn.

Cyclone thu bụi: Dòng khí thoát ra khỏi bộ sấy khí sẽ theo hệ thống đường ống dẫn vào cyclone thu bụi.

Thiết bị cyclone thực hiện trên nguyên tắc kết hợp lực ly tâm, lực quán tính với trọng lực để tách tro bụi ra khỏi khói cho rơi xuống đáy lò. Định kỳ các nhân viên vận hành lò có thể xả tro 2-3 giờ/lần bằng vít tải kín. Khói thải chuyển động thẳng vuông góc với các miệng hút của cyclone khói theo đường cong tiếp tuyến với vách ống nhỏ bên trong. Ở gần vách trong thì áp suất nhỏ còn ở càng xa vách áp suất khói càng lớn; chênh lệch áp này tạo nên chuyển động quay của dòng khói. Do lực ly tâm bụi văng ra đập vào thành ống và rơi xuống, định kỳ lấy có thể lấy bụi ra ngoài bằng vít tải kín.

Hiệu quả xử lý của cyclone phụ thuộc đường kính của cyclone và kích thước hạt bụi. Khí thải ra khỏi hệ thống cyclone được dẫn qua bể dập nước nhờ quạt hút ly tâm.

Bể dập nước, hệ thống phun sương

Sau khi khói bụi đi vào bể dập nước, lúc này bụi sẽ được hấp thụ vào nước cùng dung dịch NaOH và lắng xuống đáy chỉ cho khói lò bay ra ngoài. Bên trong bể dập bụi được ngăn ba vách nhằm tạo đường dẫn gió để cho bụi bám vào nước và đọng lại trong bể. Ống khói được làm bằng thép không gỉ tránh bị mài mòn. Nước cuốn theo tro chảy vào một bể lắng. Sau khi để lắng tự nhiên tại đây, nước được tuần hoàn tái sử dụng. Định kỳ với tần suất khoảng 1 lần/tháng, nhân viên vận hành sẽ tiến hành xả bỏ lượng nước trong bể nước và thay nước mới.

Lượng nước thải từ bể dập nước này sẽ được thu gom và dẫn về hệ thống xử lý nước thải sản xuất của cơ sở để xử lý theo đúng quy định.

Khí sạch sau khi xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B, Kv = 1,0; Kp = 1,0 được phát thải ra ngoài môi trường thông qua ống thải có chiều cao H= 14m, kích thước $DxR_{chân\ ống}$= 1,9x1,9m và $DxR_{đỉnh\ ống}$= 0,7x0,7m).

Lượng tro đốt thu hồi từ cyclone được cơ sở thu gom, chứa vào bao PE tập trung tại khu vực lò hơi, ký hợp đồng thu gom với đơn vị có chức năng.

Lượng cặn thu gom từ bể lắng sẽ được chưa vào các bao chống thấm và hợp đồng xử lý với đơn vị chức năng theo đúng quy định.

❖ ***Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý bụi, khí thải lò hơi***

Thông số kỹ thuật của hệ thống cụ thể như sau:

Bảng 3.4. Thông số kỹ thuật của HTXL bụi, khí thải lò hơi

TT	Tên hạng mục thiết bị	Thông số kỹ thuật
1	Hệ thống ống dẫn	- Đường kính D= 700mm. - Số lượng: 01 hệ thống. - Vật liệu: thép CT3. - Chiều dài khoảng 5-10m.
2	Cyclone	- Kích thước: D×R×C = 2,0m×2,0m×4,0m; - Kiểu chế tạo: lắng bụi kiểu ly tâm loại đa cấp. - Số lượng: 02 bộ. - Vật liệu: thép SS400.
3	Quạt hút	- Kiểu: cánh lồng sóc, truyền động đai. - Lưu lượng Q = 15.000 m^3/h.
4	Bể dập nước	- Bể dập nước: + Kiểu chế tạo: phun màng nước dập bụi. + Kích thước: • Bể 1: DxRxH = 3,8mx3,6mx3,2m. • Bể 2: DxRxH = 3,7mx3,0mx2,1m. • Bể 3: DxRxH = 3,6mx3,2mx1,0m. + Số lượng: 03 bể nối tiếp nhau. + Vật liệu: BTCT. - Hệ thống ống phun sương: 01 ống thép không gỉ, được bố trí ở đầu bể.
5	Ống thải	- Kích thước: • Phần chân ống thải: DxR= 1,9mx1,9m; • Phần đỉnh ống thải: DxR= 0,7mx0,7m; - Chiều cao H= 14m; - Vật liệu: BTCT.

Nguồn: Công ty TNHH TM-SX Giấy và Bao bì giấy Trường Sơn

– *Chế độ vận hành:* Liên tục (theo thời gian hoạt động của cơ sở)

– *Hoá chất, vật liệu sử dụng:* Dung dịch NaOH.

– *Định mức tiêu hao điện năng sử dụng:* 3.000 VNĐ/kW x 15.000 m^3/giờ x 0,01 kW/m^3= 450.000 VNĐ/giờ.

– *Định mức tiêu hao hóa chất sử dụng:* Không có.

– *Yêu cầu về quy chuẩn, tiêu chuẩn:* Bụi, khí thải sau xử lý đảm bảo đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B, Kp=1, Kv=1.

– *CO/CQ của hệ thống thiết bị xử lý khí thải đồng bộ, hợp khối (nếu có):* Không có.

3.2.6. Biện pháp quản lý mùi hôi từ các khu vực khác

- *Quy mô/công suất:* Không có.
- *Quy trình vận hành:*

Mùi phát sinh sẽ ảnh hưởng đến sức khoẻ và hoạt động sinh hoạt của các đối tượng liên quan đến cơ sở, mùi chủ yếu phát sinh từ hệ thống thoát nước thải, tại các hố ga thoát nước, tại trạm xử lý nước thải và các vị trí thùng rác, khu tập trung CTNH.

Giảm thiểu mùi hôi từ khu vực lưu chứa rác:

+ Cơ sở đã bố trí các thùng rác có nắp đậy, bố trí nhân viên thu gom thường xuyên, không để thời gian lâu gây bốc mùi.

+ Tại khu chứa CTNH chủ cơ sở bố trí nhân lực thường xuyên quét dọn, bố trí các thùng chứa có nắp đậy, xây dựng gờ chống tràn.

+ Đối với rác thải sinh hoạt, Chủ cơ sở thực hiện nghiêm túc và đầy đủ các biện pháp quản lý chặt chẽ từ quá trình thu gom, lưu chứa và vận chuyển, xử lý rác, tránh tình trạng ứ đọng rác thải lâu ngày. Quá trình lưu chứa rác thải tại khu vực chứa, Chủ cơ sở đã, đang và sẽ thực hiện các biện pháp sau:

- Ngăn cách khu vực chứa rác với các khu vực lân cận.
- Sử dụng các chế phẩm sinh học để hạn chế mùi phát sinh từ rác thải.
- Cơ sở đã hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom rác sinh hoạt, tần suất thu gom hàng ngày.
- Rác thải phát sinh được lưu chứa trong các thùng chứa có nắp đậy kín, không tập trung rác thải lộ thiên, phân loại rác tại nguồn nhằm giảm thiểu tối đa ô nhiễm mùi hôi phát sinh.

Giảm thiểu mùi hôi từ khu vực xử lý nước thải:

Để giảm thiểu mùi hôi phát sinh, cơ sở đã, đang và sẽ thực hiện các biện pháp như sau:

+ Thu gom và xử lý triệt để nước thải sinh hoạt phát sinh từ cơ sở.

+ Tại các vị trí hố ga nước thải: các hố ga phải có nắp đậy, khi có dấu hiệu hư hỏng cơ sở đã cho sửa chữa và thay thể tức thời;

+ Các hố ga được nạo vét thường xuyên tránh tình trạng bùn lắng đọng lên men kỵ khí gây ra mùi, tần suất nạo vét khoảng 3 tháng/lần.

+ Hố thu gom được xây ngầm dưới đất và bố trí nắp đậy.

+ Cơ sở cung cấp đủ lượng khí cho các bể xử lý sinh học, không để tình trạng thiếu oxy dẫn đến phân hủy kỵ khí và phát sinh mùi.

+ Bùn phát sinh từ HTXL được ép khô và lưu chứa trong bể chứa bùn. Định kỳ hoặc khi bể chứa bùn đầy, chủ cơ sở sẽ thu gom, xử lý với các đơn vị có chức năng theo đúng quy định.

+ Bố trí nhân viên vận hành HTXL nước thải đúng quy định.

+ Hệ thống xử lý nước thải của cơ sở được xây dựng đảm bảo các yêu cầu của QCVN 01:2021/BXD, cụ thể như sau:

- Trong phạm vi khoảng cách an toàn về môi trường chỉ quy hoạch đường giao thông, bãi đỗ xe, công trình cấp điện, trạm trung chuyển CTR và không bố trí các công trình dân dụng.
- Cơ sở đã trồng cây xanh cách ly quanh khu vực trạm XLNT.

– *Chế độ vận hành:* Liên tục (theo thời gian hoạt động của cơ sở).

– *Các loại hóa chất, xúc tác sử dụng:* Không có.

– *Định mức tiêu hao điện năng, hóa chất sử dụng:* Không có.

– *Yêu cầu về quy chuẩn, tiêu chuẩn:* Không có.

– *CO/CQ của hệ thống thiết bị xử lý khí thải đồng bộ, hợp khối (nếu có):* Không có.

3.3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

3.3.1 Chất thải rắn sinh hoạt

– Cơ sở đã bố trí công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường có diện tích 5,0m^2 (LxB=2,5mx2,0m), có mái che.

– Công trình xử lý chất thải sinh hoạt:

+ *Chức năng:* Lưu giữ, quản lý chất thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh, văn phòng do hoạt động của công nhân viên làm việc trong nhà máy.

+ *Quy mô:*

Với lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trung bình của mỗi người là 0,5 kg/người.ngày thì tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt của công nhân và nhân viên ước tính khoảng 25,5 kg/ngày (tương ứng với 51 người).

Công ty bố trí các thùng rác PVC có nắp đậy loại 20 lít đặt tại khu nhà vệ sinh, 50 lít đặt tại khu vực nhà văn phòng, 120 lít đặt tại nhà xưởng sản xuất có nắp đậy tại khu vực nhà vệ sinh, văn phòng và tại nhà xưởng sản xuất, sau đó tập trung vào các thùng rác PVC (có nắp đậy) loại 240 lít tại khu vực lưu chứa chất thải sinh hoạt có diện tích 5,0m^2 (LxB=2,5mx2,0m), có mái che.

+ *Công nghệ xử lý:* Cơ sở đã ký hợp đồng với Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Thủ Thừa thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải sinh hoạt tại Nhà máy theo Hợp đồng kinh tế ký ngày 02/01/2024.

+ *Quy trình vận hành:* Chất thải sinh hoạt phát sinh hằng ngày tại nhà máy được thu gom và phân loại lưu chứa tạm trong các thùng chứa tạm tại nhà vệ sinh, văn phòng và nhà xưởng sản xuất, cuối ca công nhân phân loại và đưa về khu chứa chất thải sinh

hoạt tập trung của công ty, định kỳ chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo đúng quy định. Với quy trình quản lý, vận hành chất thải sinh hoạt tại cơ sở theo đúng quy định hiện hành của pháp luật, cụ thể:

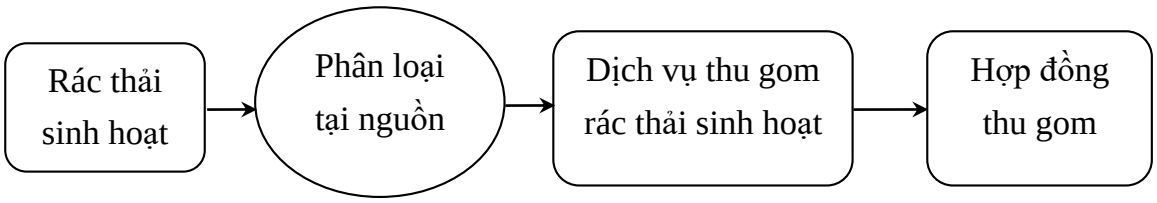

Hình 3.6. Sơ đồ quản lý chất thải sinh hoạt tại cơ sở

3.3.2 Chất thải rắn công nghiệp thông thường

– Cơ sở đã bố trí công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường có diện tích 30m^2 (LxB=10mx3m), chiều cao công trình H=3,0m.

– Công trình xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường:

+ *Chức năng:* Lưu giữ, quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh tại cơ sở.

+ *Quy mô:*

• Nhóm chất thải và khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh tại cơ sở được tính qua bảng sau:

Bảng 3.5. Khối lượng chất thải công nghiệp không nguy hại phát sinh

Stt	Tên chất thải	Công đoạn phát sinh	Khối lượng (kg/tháng)
1	Băng keo, ghim kẹp, tạp chất từ nguyên liệu sản xuất	Nguyên liệu sản xuất	5.645
2	Tro xỉ thải từ lò hơi	Hoạt động lò hơi	75.000
3	Bùn thải	Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt	5,0
Tổng cộng			**80.650**

Nguồn: Công ty TNHH TM-SX Giấy và Bao bì giấy Trường Sơn

Ghi chú:

+ Độ tro của trấu đốt lò hơi là 22,5%.

+ Tỷ lệ băng keo, ghim kẹp, tạp chất từ nguyên liệu sản xuất phát sinh khoảng 0,5% nguyên liệu sản xuất đầu vào tại cơ sở.

• Bố trí các thùng nhựa PVC có nắp đậy loại 120 lít và các bao PP chống thấm trong khu vực chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường có diện tích 30m^2 (LxB=10mx3m), chiều cao công trình H=3,0m.

+ *Công nghệ xử lý:* Cơ sở đã ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng về việc thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải công nghiệp thông thường, cụ thể: Công ty TNHH Giải pháp & Công nghệ Môi trường Thiên Trường theo Hợp đồng kinh tế số HĐKT/TS-LB ký ngày 01/01/2023 và Công ty TNHH Dalico theo Hợp đồng kinh tế số 01/HĐKT/GTV-DLG/2024 ngày 01/01/2024.

+ *Quy trình vận hành:* Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh hằng ngày tại nhà máy được thu gom và phân loại cuối mỗi ngày sản xuất để đưa về khu vực lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường, định kỳ Công ty chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo đúng quy định. Với quy trình quản lý, vận hành chất thải rắn công nghiệp thông thường tại cơ sở theo đúng quy định hiện hành của pháp luật, cụ thể:

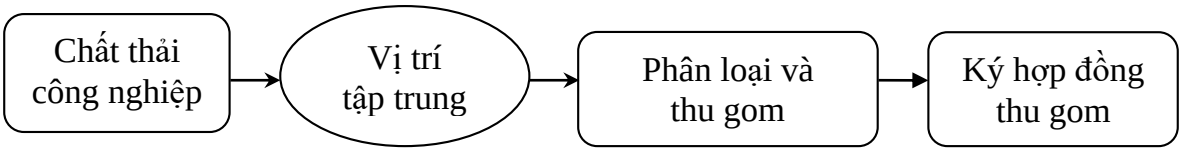

Hình 3.7. Sơ đồ quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường

3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

– Cơ sở đã bố trí công trình lưu giữ chất thải nguy hại đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường có diện tích 10m^2 (LxB=5,0mx2,0m), chiều cao công trình H=3,0m bố trí trong khuôn viên cơ sở có nền bê tông, có mái che, có gắn biển dấu hiệu cảnh báo, bố trí thiết bị thiết bị PCCC, xây dựng gờ chống tràn và các thiết bị ứng cứu sự cố tràn đổ: giẻ lau, cát khô, bao tay, ủng, dụng cụ quét và hốt rác tại khu vực lưu chứa chất thải nguy hại.

– Công trình xử lý chất thải nguy hại:

+ *Chức năng:* Lưu giữ, quản lý chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở.

+ *Quy mô:*

- Nhóm chất thải nguy hại và khối lượng phát sinh được ước tính qua bảng sau:

Bảng 3.6. Bảng tổng hợp loại chất thải nguy hại và khối lượng phát sinh

Stt	Thành phần rác thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng phát sinh (kg/năm)		Mã chất thải	Ký hiệu phân loại
			Chứng từ thu gom chất thải 2023	Đăng ký sau khi lập GPMT		
1	Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	Rắn	20	30	08 02 04	KS

Stt	Thành phần rác thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng phát sinh (kg/năm)		Mã chất thải	Ký hiệu phân loại
			Chứng từ thu gom chất thải 2023	Đăng ký sau khi lập GPMT		
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	29	40	16 01 06	NH
3	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	0	30	18 01 01	KS
4	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	0	20	18 01 03	KS
5	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	103	150	18 02 01	KS
6	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	11	20	17 02 03	NH
	Tổng cộng		**163**	**290**		

Nguồn: Công ty TNHH TM-SX Giấy và Bao bì giấy Trường Sơn

- Bố trí các thùng PVC có nắp đậy loại 120 lít màu vàng có dán nhãn mã số CTNH và các bao PP chống thấm trong khu vực chứa chất thải nguy hại có diện tích 10m^2 (LxB=5,0mx2,0m), chiều cao công trình H=3,0m.

+ *Công nghệ xử lý:* Cơ sở đã ký hợp đồng với Công ty TNHH Một thành viên Môi trường Đô thị TP. HCM theo Hợp đồng kinh tế số 1832/HĐ.MTĐT-NH/24.4.VX ký ngày 26/4/2024 về việc thu gom, vậnc huyển và xử lý chất thải nguy hại.

+ *Quy trình vận hành:* Chất thải nguy hại phát sinh hằng ngày tại nhà máy được thu gom và phân loại lưu chứa tạm trong các thùng chứa tạm tại nhà máy, cuối ca công nhân đưa về nhà chứa chất thải nguy hại tập trung của công ty; các chất thải nguy hại được phân loại, bảo quản theo chủng loại trong các thùng chứa, bao bì chuyên dùng đáp ứng các yêu cầu về an toàn, kỹ thuật, bảo đảm không rò rỉ, rơi vãi hoặc phát tán ra môi trường, định kỳ chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý theo đúng quy định.

Với quy trình quản lý, vận hành chất thải nguy hại tại cơ sở theo đúng quy định hiện hành của pháp luật, cụ thể:

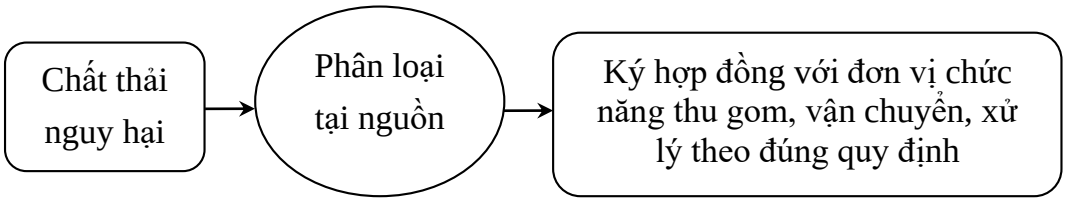

Hình 3.8. Sơ đồ quản lý chất thải rắn nguy hại tại cơ sở

3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

– *Quy mô:*

Tiếng ồn:

Nguồn ồn phát sinh do những nguyên nhân sau:

+ Tiếng ồn khi vận hành nhà xưởng phát sinh chủ yếu từ quá trình hoạt động của các máy nghiền thủy lực, dây chuyền xeo giấy,... Ngoài ra, tiếng ồn phát sinh từ quá trình hoạt động của các công trình bảo vệ môi trường như hệ thống xử lý nước thải, hệ thống xử lý bụi, khí thải lò hơi,…

+ Một số nguồn gây tiếng ồn đáng kể nữa là tiếng ồn từ phương tiện giao thông xe máy, xe tải ra vào vận chuyển hàng hóa.

+ Do đó, tiếng ồn tại cơ sở ảnh hưởng trực tiếp đến công nhân, tiếng ồn không ảnh hưởng nhiều đến môi trường xung quanh.

Độ rung:

Trong quá trình hoạt động sản xuất, độ rung phát sinh chủ yếu từ hoạt động của máy móc thiết bị và phương tiện giao thông.

– *Biện pháp giảm thiểu:*

Để hạn chế ảnh hưởng tới mức thấp nhất đến sức khỏe của người lao động, chủ cơ sở đã, đang và sẽ áp dụng các biện pháp sau nhằm khống chế tác động của nguồn ô nhiễm này như sau:

Đối với tiếng ồn, độ rung do phương tiện giao thông:

+ Xe ra vào yêu cầu đi với tốc độ chậm 5km/h, không bóp còi.

+ Không cho các xe nổ máy trong lúc chờ nhận hàng.

+ Thường xuyên kiểm tra và bảo trì các phương tiện vận chuyển, đảm bảo tình trạng kỹ thuật tốt.

+ Ngoài các xe chuyên chở nguyên vật liệu, sản phẩm và thu gom chất thải, các loại phương tiện đều phải gửi ngoài bãi xe.

Đối với tiếng ồn, độ rung do hoạt động tập kết, bốc dỡ nguyên vật liệu, sản phẩm:

+ Quá trình nhập kho và xuất kho nguyên vật liệu sử dụng xe nâng nên giảm bớt số lượng công nhân tập trung tại khu vực bốc dỡ nguyên vật liệu, sản phẩm.

+ Không bốc dỡ nguyên vật liệu, sản phẩm vào những thời điểm nhạy cảm như vào ban đêm, giờ nghỉ trưa.

+ Quy định chế độ vận hành của xe vận chuyển và chế độ bốc dỡ thiết bị hợp lý, tránh vận chuyển vào giờ cao điểm để tránh gây tiếng ồn và độ rung cộng hưởng tại cơ sở.

Đối với tiếng ồn, độ rung trong sản xuất:

+ Khu vực sản xuất được bố trí cách ly với khu vực văn phòng.

+ Các chân đế, bệ bồn được gia cố bằng bê tông, lắp đệm chống ồn cho các máy có khả năng gây ồn và thường xuyên kiểm tra độ cân bằng và hiệu chỉnh khi cần thiết.

+ Bố trí các máy móc thiết bị trong các dây chuyền sản xuất một cách hợp lý đồng thời thường xuyên bảo trì máy móc, thay mới các phụ tùng cũ, hư hỏng;

+ Công nhân trực tiếp sản xuất phải được trang bị bảo hộ lao động: nút tai, bao tai chống tiếng ồn có hiệu quả.

+ Có kế hoạch kiểm tra và theo dõi chặt chẽ việc sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động thường xuyên của công nhân, tránh hiện tượng có phương tiện bảo hộ mà không sử dụng.

+ Máy móc thiết bị thường xuyên sử dụng dầu bôi trơn nhằm giảm ma sát và giảm phát sinh tiếng ồn.

+ Công ty thường xuyên tổ kiểm tra, đo đạc định kỳ môi trường lao động ở khu vực xưởng sản xuất và cả khu vực văn phòng.

3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hàn thử nghiệm và khi cơ sở đi vào vận hành

a. Biện pháp phòng chống cháy nổ

Để phòng ngừa khả năng gây cháy nổ trong quá trình hoạt động sản xuất, các biện pháp áp dụng bao gồm:

- Các máy móc, thiết bị làm việc ở nhiệt độ cao sẽ được quản lý thông qua các hồ sơ lý lịch được kiểm tra, đăng kiểm định kỳ tại các cơ quan chức năng nhà nước. Các thiết bị này sẽ được lắp đặt các đồng hồ đo nhiệt độ, áp suất, mức dung dịch trong thiết bị, ... nhằm giám sát các thông số kỹ thuật; Các công nhân vận hành máy móc sản xuất được huấn luyện cơ bản về quy trình kỹ thuật vận hành.

- Hệ thống cứu hoả được kết hợp giữa khoảng cách của các phân xưởng lớn hơn 10m đủ điều kiện cho người và phương tiện di chuyển khi có cháy, giữ khoảng rộng cần thiết ngăn cách đám cháy lan rộng. Các họng lấy nước cứu hoả bố trí đều khắp phạm vi các nhà máy, kết hợp các dụng cụ chữa cháy như bình CO_2, bình bọt, ... trong từng bộ phận sản xuất và đặt ở những địa điểm thao tác thuận tiện. Hệ thống phun nước chữa cháy tự động theo giới hạn nhiệt độ 70^oC bố trí đều trên mái xưởng kết hợp hệ thống bơm điều khiển bằng áp lực trong đường ống;

- Trong các khu sản xuất, kho nguyên liệu và thành phẩm sẽ được lắp đặt hệ thống báo cháy, hệ thống thông tin, báo động. Đầu tư các thiết bị chống cháy nổ tại các khu vực kho chứa hàng hoá, nhiên liệu. Các phương tiện phòng cháy chữa cháy sẽ được kiểm tra thường xuyên và ở trong tình trạng sẵn sàng hoạt động; Bố trí hệ thống chống cháy nổ tại xung quanh khu vực cơ sở nhằm cứu chữa kịp thời khi sự cố xảy ra.
- Trong khu vực có thể gây cháy, công nhân không được hút thuốc, không mang bật lửa, diêm quẹt, các dụng cụ phát ra lửa do ma sát, tia lửa điện;
- Các loại chất thải có tính dễ bắt cháy giẻ lau dính hóa chất, dính dầu nhớt,... chủ đầu tư sẽ hợp đồng xử lý nhanh chóng không để tồn lưu số lượng lớn dễ gây cháy nổ tại Công ty.
- Trong các vị trí sản xuất thực hiện nghiêm ngặt quy phạm an toàn đối với từng công nhân trong suốt thời gian làm việc.
- Việc đưa ra các tác nhân chữa cháy được xem như là điều cơ bản cho thiết kế hệ thống chữa cháy:

Bảng 3.7. Các tác nhân chữa cháy

Tác nhân	Ứng dụng/khu vực sử dụng
Nước	- Nước sử dụng để dập lửa, kiểm soát ngọn lửa mạnh và chống lại sự gia tăng nhiệt độ các thiết bị do ảnh hưởng của bức xạ nhiệt.
Hóa chất khô	- Hóa chất khô sử dụng cho đám cháy nhỏ và cháy trên các vật cứng.
Halocarbon	- Halocacbon sử dụng để dập lửa trong không gian hẹp, nơi lắp đặt thiết bị điện, máy tính, cáp, máy móc đặc biệt mà nơi đó không cho phép dùng nước chữa cháy. - Halocacbon được yêu thích sử dụng trong không gian có người lái hơn là CO_2 vì an toàn cho con người.
Khí trơ	- Giống như Halocacbon. - Khi dùng hệ thống chữa cháy bằng CO_2 trong không gian khép kín có thể gây ngạt cho con người.

- Nguyên tắc chữa cháy:

Bảng 3.8. Các nguyên tắc chữa cháy

Tình huống xảy ra	Thiết lập kế hoạch chữa cháy
Tình huống chung	- Khi bị tác động thì các thiết bị xử lý sẽ được tắt, khóa chặt bên trong hay giảm áp suất để kiểm soát việc rò rỉ khí.

Tình huống xảy ra	Thiết lập kế hoạch chữa cháy
Tràn chất lỏng mà không xuất hiện lửa	- Trường hợp có 1 vụ tràn lớn xảy ra, hóa chất bị tràn được gom lại vào bể chứa. - Phải giới hạn việc sử dụng bọt chữa cháy và chất độn vì đội cứu hóa có thể đối mặt với nguy hiểm khi có tia lửa trở lại.
Xuất hiện vũng lửa	- Các thiết bị ở khu vực cạnh vũng lửa sẽ được làm mát bằng vòi phun cố định hoặc di chuyển được. - Yêu cầu cho các đường ống, thiết bị, giá treo ống và bồn chứa là phải có thiết bị chống cháy để chống lại ảnh hưởng nhiệt.
Xuất hiện tia lửa	- Khi xảy ra cháy khí gas thì phải tắt nguồn rò rỉ khí tránh trường hợp có tia lửa gây nổ. - Thiết bị hoặc cấu trúc bị ảnh hưởng trực tiếp bởi ngọn lửa được làm mát với dòng nước cứng nhanh nhất có thể bằng vòi phun di động hoặc cố định (không dùng hệ thống phun sương)
Cháy thiết bị điện nguy hiểm và hệ thống kiểm soát	- Hệ thống chữa cháy bằng CO_2 dùng để dập lửa trong không gian không có người, ngoài ra còn có thể sử dụng hệ thống nước sạch để chữa cháy.

❖ **Quy trình chữa cháy:**

1. *Dập lửa:* Ngay từ khi phát hiện có cháy, lực lượng chữa cháy tại các công trường và các lực lượng khác cần tiến hành ngay các công tác dập lửa. Sử dụng các dụng cụ như: bình chữa cháy, nước để dập lửa.

2. *Dọn dẹp:* Sau khi ngọn lửa được dập tắt, điều động nhân công dọn dẹp sạch sẽ khu vực bị cháy, các chi tiết, thiết bị, máy móc bị hỏng cũng được tháo dỡ và vận chuyển ra khỏi khu vực.

3. *Báo cáo điều tra nguyên nhân và rút kinh nghiệm:* Ngay sau khi phát hiện cháy, cần báo cáo ngay với cơ quan hữu quan để phối hợp trong công tác chữa cháy. Sau đó Chủ cơ sở sẽ cùng với cơ quan chức năng tiến hành công tác điều tra xác định nguyên nhân và lập thành báo cáo gửi các bên có liên quan. Ngoài ra Chủ cơ sở sẽ tiến hành công tác đánh giá thiệt hại, xác định những hư hại và phần cần sửa chữa để có kế hoạch cụ thể khắc phục.

❖ **Sơ đồ ứng cứu sự cố cháy nổ:**

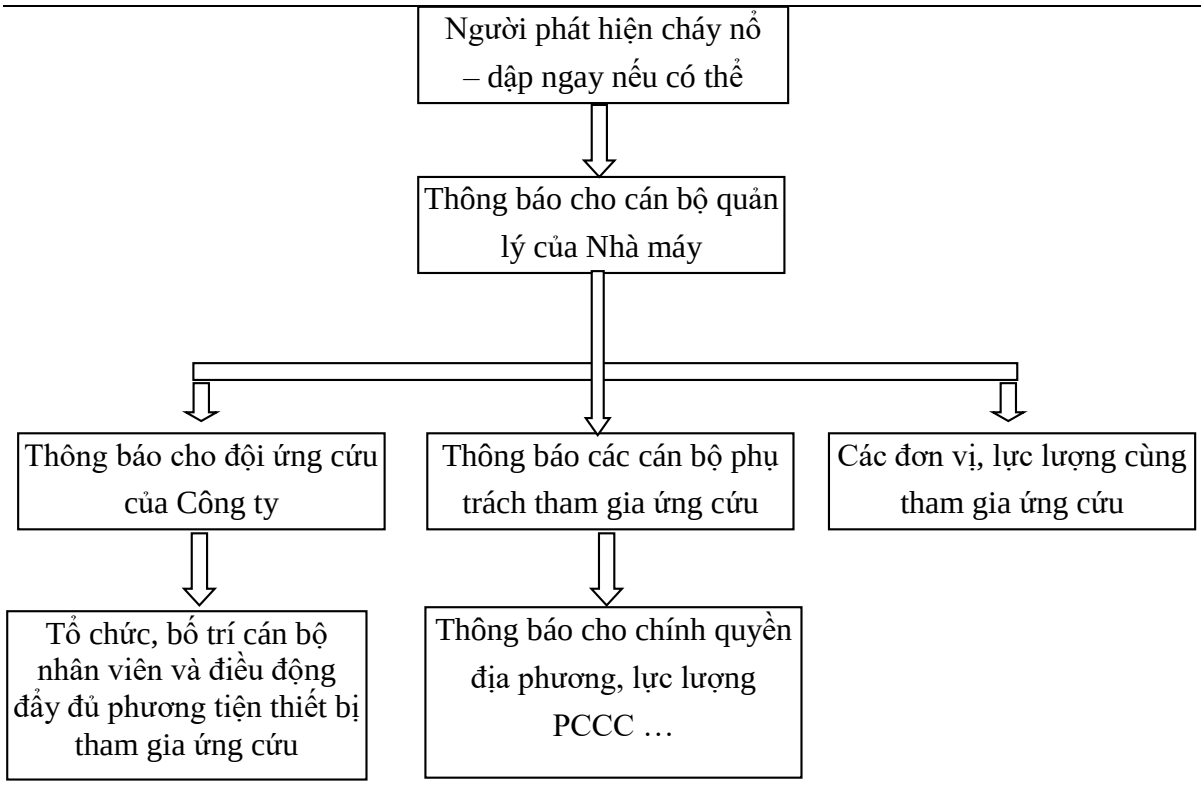

Hình 3.9. Sơ đồ ứng cứu sự cố khi cháy nổ của Nhà máy

b. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

b.1. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố từ bể tự hoại

– *Quy mô/công suất*:

+ Nguyên nhân: Tắc nghẽn bồn cầu; Tắc đường ống dẫn do có rác kích thước lớn thải vào; Tắc đường ống dẫn khí; Bùn bể tự hoại đầy mà không tiến hành thu gom, xử lý.

+ Tác động: Phân, nước tiểu không tiêu thoát được gây ứ đọng gây mùi hôi thối trong nhà vệ sinh hoặc có thể gây nổ hầm cầu; Bùn bể tự hoại đầy gây ứ đọng và khó phân hủy dẫn đến tràn bùn qua ngăn lọc và ra hố ga thoát nước sau xử lý.

– *Quy trình vận hành:*

Phương án phòng ngừa từ bể tự hoại tại cơ sở sẽ được thực hiện nghiêm túc với các biện pháp đảm bảo an toàn như sau:

+ Thường xuyên theo dõi hoạt động của bể tự hoại, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ;

+ Bể tự hoại đầy phải tiến hành hút hầm cầu.

→ *Các biện pháp ứng phó sự cố:* Trường hợp ứng phó các sự cố từ bể tự hoại như sau:

+ Trường hợp bị tắc nghẽn bồn cầu hoặc tắc đường ống dẫn dẫn đến phân, nước tiểu không tiêu thoát được. Do đó, phải thông bồn cầu và đường ống dẫn để tiêu thoát phân và nước tiểu.

+ Trường hợp bị tắc đường ống thoát khí bể tự hoại gây mùi hôi thối trong nhà vệ sinh hoặc có thể gây nổ hầm cầu. Do đó, phải tiến hành thông ống dẫn khí nhằm hạn chế mùi hôi cũng như đảm bảo an toàn cho nhà vệ sinh.

– *Các thông số kỹ thuật cơ bản của công trình:* Không có.

b.2. Sự cố rò rỉ, vỡ đường ống cấp thoát nước

– *Quy mô/công suất:*

+ Nguyên nhân: Phương tiện đi lại nhiều tại khu vực lắp đặt hệ thống thoát nước; Rơi, vãi dụng cụ có trọng lượng lớn trên đường ống thoát nước nổi trên mặt bằng nhà máy; Do quá trình lắp đặt đường ống không đúng kỹ thuật gây rò rỉ nước thải.

+ Tác động: sự cố rò rỉ, vỡ đường ống trên xảy ra sẽ dẫn đến toàn bộ các chất ô nhiễm và vi sinh vật trong nước thải phát thải toàn bộ vào môi trường với nồng độ chưa đạt quy chuẩn quy định gây ô nhiễm môi trường. Nước thải chảy tràn trên mặt bằng nhà xưởng gây mất mỹ quan và tạo mùi hôi thối gây ảnh hưởng đến công nhân sản xuất.

– *Quy trình vận hành:*

Phương án phòng ngừa sự cố rò rỉ, vỡ đường ống cấp thoát nước tại cơ sở sẽ được thực hiện nghiêm túc với các biện pháp đảm bảo an toàn như sau:

+ Đường ống cấp, thoát nước phải có đường cách ly an toàn.

+ Thường xuyên kiểm tra và bảo trì những mối nối, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn đảm bảo tất cả các tuyến ống có đủ độ bền và độ kín khít an toàn nhất.

+ Không có bất kỳ các công trình xây dựng trên đường ống dẫn nước.

→ *Các biện pháp ứng phó sự cố:* Trường hợp đường ống cấp thoát nước bị rò rỉ, vỡ chủ cơ sở phải khắc phục ngay lập tức bằng cách khóa van đường ống, bịt kín tạm thời nơi tuyến đường ống bị vỡ, rò rỉ và gọi ngay cho đơn vị có chức năng đến kiểm tra, sửa chữa, khắc phục.

– *Các thông số kỹ thuật cơ bản của công trình:* Không có.

b.3. Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải

– *Quy mô/công suất*:

+ Nguyên nhân: Rơi, vãi dụng cụ có trọng lượng lớn trên đường ống thoát nước nổi trên mặt bằng nhà máy; Do quá trình lắp đặt đường ống không đúng kỹ thuật gây rò rỉ nước thải trong quá trình vận hành; Hệ thống bơm ngưng hoạt động; Nghẹt bơm do nước thải chứa rác, nghẹt van khí,…

+ Tác động: Sự cố HTXL nước thải xảy ra sẽ dẫn đến toàn bộ các chất ô nhiễm và vi sinh vật trong nước thải phát thải toàn bộ vào môi trường với nồng độ chưa đạt quy chuẩn quy định gây ô nhiễm môi trường. Nước thải chảy tràn trên mặt bằng nhà xưởng gây mất mỹ quan và tạo mùi hôi thối gây ảnh hưởng đến công nhân sản xuất.

– *Quy trình vận hành:*

+ Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải, tuân thủ nghiêm ngặt các yêu cầu vận hành, và bảo trì, bảo dưỡng HTXLNT.

+ Thường xuyên kiểm tra đường ống công nghệ, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắt nghẽn.

+ Hàng ngày khi vận hành cần kiểm tra máy khi có tiếng kêu hay rung động lạ.

+ Thường xuyên làm vệ sinh đầu dò pH, kiểm tra mức dầu trong máy thổi khí, châm thêm khi lượng dầu ở dưới vạch quy định và thay dầu định kỳ 6 tháng/lần.

+ Định kỳ kiểm tra bơm định lượng, vệ sinh màng bơm.

+ Sơn lại các kết cấu bằng kim loại hàng năm.

+ Nhân viên vận hành phải có trình độ để thực hiện đúng các yêu cầu vận hành và nhận biết các sự cố phát sinh.

+ Có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với HTXLNT.

+ Luôn trang bị các thiết bị dự phòng cho hệ thống xử lý như máy bơm,… Trong trường hợp sự cố thiết bị, nhanh chóng khắc phục sự cố và sử dụng thiết bị dự phòng cho hệ thống trong khi khắc phục sự cố.

+ Khi xảy ra sự cố, nước thải sẽ được lưu chứa tại các bể xử lý. Trường hợp sự cố lâu cơ sở cam kết ngưng hoạt động đến khi khắc phục xong sự cố mới hoạt động sản xuất.

+ Hiện tại, cơ sở vẫn thường xuyên châm thêm nước sạch vào hệ thống xử lý nước thải, không để xảy ra tình trạng nước thải cô đặc đến không còn khả năng tái sử dụng.

Bảng 3.9. Một số sự cố và biện pháp khắc phục sự cố từ HTXLNT

Sự cố	Nguyên nhân	Biệp pháp khắc phục
Bể xử lý		
Nước thải sau xử lý đục	Bùn già	Tăng lượng thải bùn, giảm bùn hồi lưu
	Nước thải đầu vào có chứa chất độc	- Phân lập lại vi sinh vật nếu có thể - Dừng thải bùn; hồi lưu lại toàn bộ bùn trong bể lắng và thiết lập lại quần thể vi sinh
Đệm bùn quá dày trong bể lắng thứ cấp có thể trôi dòng ra	Tốc độ bơm bùn hồi lưu, bơm bùn dư không đủ	- Kiểm tra bơm bùn và đường ống dẫn bùn. - Tăng lưu lượng bơm bùn hồi lưu (nếu có thể), bơm bùn dư và giám sát độ sâu đệm bùn thường xuyên
	Lưu lượng tăng quá cao làm quá tải bể lắng	- Thiết lập lưu lượng ở điều kiện cân bằng

Sự cố	Nguyên nhân	Biệp pháp khắc phục
		- Tính toán lại chế độ vận hành của hệ thống
Lớp bùn chảy tràn qua một phần của máng tràn của bể lắng thứ cấp	Lưu lượng phân phối vào bể lắng không đều	- Điều chỉnh mức dòng ra trong máng tràn - Kiểm tra và điều chỉnh tấm chắn
Nước chảy ngược vào lại công trình.	1. Tê thu nước bị nghẹt bùn. 2. Bể khử trùng quá nhiều bùn.	1. Vệ sinh lại các tê thu nước. 2. Bơm nước vệ sinh bể khử trùng.
Máy bơm		
Máy bơm không làm việc	Không có nguồn điện cung cấp đến	Kiểm tra nguồn điện, cáp điện
Máy bơm làm việc nhưng có tiếng kêu gầm	- Điện nguồn mất pha đưa vào motor - Cánh bơm bị chèn bởi các vật cứng - Hộp giảm tốc bị thiếu dầu mỡ, mòn… - Bị chèn các vật lạ có kích thước lớn vào buồng bơm, trục vít	- Kiểm tra và khắc phục lại nguồn điện - Tháo các vật bị chèn cứng ra khỏi cánh bơm - Kiểm tra và bổ sung thêm hoặc thay nhớt mới - Kiểm tra vệ sinh sạch sẽ
Máy bơm hoạt động nhưng không lên nước	- Ngược chiều quay - Van đóng mở bị nghẹt hoặc hư hỏng - Đường ống bị tắt nghẽn - Chưa mở van - Rách màng bơm	- Đảo ngược chiều quay - Kiểm tra phát hiện và khắc phục lại, nếu hư hỏng phải thay van mới - Kiểm tra phát hiện chỗ bị nghẹt và khắc phục lại - Mở van - Thay màng bơm khác
Lưu lượng bơm bị giảm	- Bị nghẹt ở cánh bơm, van, đường ống - Mực nước bị cạn - Nguồn điện cung cấp không đúng - Màng bơm bị đóng cặn	- Kiểm tra khắc phục lại - Tắt máy bơm - Kiểm tra nguồn điện và khắc phục - Tháo và rửa sạch bằng xà phòng hoặc dung dịch đặc biệt

Sự cố	Nguyên nhân	Biệp pháp khắc phục
Máy bơm làm việc với dòng điện vượt quá giá trị ghi trên nhãn máy	- Điện áp thấp dưới quy định - Độ cách điện của bơm giảm quá quy định - Bị sự cố về cơ khí: bánh rang, vòng bi…	- Tắt máy, khắc phục lại tình trạng điện áp - Sấy nâng cao độ cách điện - Phát hiện chỗ hư hỏng về cơ để khắc phục
Máy thổi khí		
Máy làm việc nhưng có tiếng kêu	- Điện nguồn mất pha đưa vào motor - Bị chèn các vật cứng cánh quạt khí - Vòng bi khô dầu mỡ hoặc vòng bi bị hư	- Kiểm tra và khắc phục lại nguồn điện - Tháo các vật chèn cứng ra khỏi cánh quạt khí - Châm dầu mỡ cho vòng bị hoặc thay mới
Máy hoạt động nhưng không có khí thoát ra	- Ngược chiều quay - Van đóng mở bị nghẹt hoặc hư hỏng - Đường ống bị tắc nghẽn - Chưa mở van	- Đảo lại chiều quay - Kiểm tra phát hiện và khắc phục lại, nếu hư hỏng phải thay van mới - Kiểm tra phát hiện chỗ bị nghẹt và khắc phục lại - Mở van
Lưu lượng khí bị giảm	- Bị tắc nghẽn van, đường ống - Nguồn điện cung cấp không đúng - Bộ phận lọc khí bị tắc nghẽn	- Kiểm tra, khắc phục lại - Kiểm tra nguồn điện và khắc phục - Tháo và rửa sạch bằng xà phòng hoặc dung dịch đặc biệt, làm khô bằng khí nén
Máy làm việc với dòng điện vượt quá giá trị ghi trên nhãn máy	- Điện áp thấp dưới quy định - Độ cách điện của bơm giảm quá quy định - Bị sự cố về cơ khí: bánh rang, vòng bi… - Dây coroa quá căng hoặc bị lệch	- Tắt máy, khắc phụ lại trình trạng điện áp - Làm khô nâng cao độ cách điện - Phát hiện chỗ hư hỏng về cơ để khắc phục - Cân chỉnh lại đúng vào vị trí và có độ võng 5 – 10 mm

– *Các thông số kỹ thuật cơ bản của công trình:* không có.

b.4. Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố hệ thống xử lý khí thải

– *Quy mô/công suất*:

+ Nguyên nhân: Các thiết bị như: hệ thống quạt, dung dịch hấp thụ,… rò rỉ đường ống dẫn, cúp điện không vận hành đươc hệ thống xử lý khí thải.

+ Tác động: Bụi không được thu hồi thoát ra ngoài môi trường gây ô nhiễm môi trường không khí. Hệ thống hư hỏng phải ngưng để sửa chữa gây ảnh hưởng đến quá trình sản xuất của nhà máy làm ảnh hưởng đến các cơ sở lân cận.

– *Quy trình vận hành*:

+ Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng hệ thống xử lý khí thải, định kỳ thu gom bụi từ hệ thống nhằm đảm bảo hiệu suất xử lý.

+ Có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với hệ thống như: Luôn trang bị các thiết bị dự phòng cho hệ thống xử lý như quạt hút, phụ kiện,…

+ Trong trường hợp sự cố thiết bị, nhanh chóng khắc phục sự cố và sử dụng thiết bị dự phòng cho hệ thống trong khi khắc phục sự cố.

Bảng 3.10. Một số sự cố và biện pháp khắc phục sự cố từ HTXLKT

Thiết bị	Sự cố	Nguyên nhân	Biệp pháp khắc phục
Quạt hút	Máy không làm việc nhưng nóng	Điện nguồn mất pha đưa vào motor	Kiểm tra khắc phục
	Máy làm việc nhưng có tiếng kêu gầm	Máy bị ngược chiều quay	Kiểm tra khắc phục
Hệ thống xử lý khí thải	Hoạt động không hiệu quả	- Dung dịch hấp thụ bão hòa. - Đường ống thu gom khí bị rò rỉ, vỡ - Cyclone không còn khả năng chứa bụi	- Thay dung dịch hấp thụ mới. - Sửa chữa hoặc thay đường ống mới - Xả bỏ lượng bụi và thu gom chờ xử lý

– *Các thông số kỹ thuật cơ bản của công trình:* không có.

b.5. Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố từ khu vực lưu chứa chất thải nguy hại

– *Quy mô/công suất*:

+ Nguyên nhân: Chất thải nguy hại nếu không được lưu trữ theo quy định sẽ phát sinh mùi hôi phát tán ra môi trường không khí xung quanh; Bị rò rỉ, tràn đổ hoặc bị cuốn theo nước mưa chảy tràn; Kho chứa không đảm bảo yêu cầu về phòng chống cháy nổ.

+ Tác động: Gây ô nhiễm môi trường nước, đất và không khí cho nguồn tiếp nhận. Mặt khác, có thể xảy ra sự cố cháy nổ gây tác động rất lớn đến môi trường, con người và tài sản.

– *Quy trình vận hành*:

Trong công tác thu gom và dán nhãn chất thải nguy hại thải bỏ:

+ *Thu gom:* Quá trình thu gom chất thải tại nguồn được thực hiện bởi các công nhân sản xuất tại dây chuyền sản xuất phát sinh chất thải nguy hại. Thu gom và chuyển tới nhà lưu trữ chất thải nguy hại ngay khi chất thải phát sinh. Lượng chất thải nguy hại được thu gom theo tính chất của từng loại chất thải, tùy theo tính chất hóa học và trạng thái vật lý (rắn, lỏng) để có phương án thu gom thích hợp.

+ *Dán nhãn:* Trên các thùng chứa, bao chứa chất thải nguy hại được dán nhãn để đơn vị thu gom dễ dàng trong công tác vận chuyển và bảo quản.

Trong công tác lưu giữ chất thải nguy hại:

+ Vị trí khu vực lưu trữ: tạo điều kiện thuận lợi cho xe ra vào vận chuyển chất thải đi xử lý. Các thùng chứa chất thải nguy hại có nắp đậy.

+ Bố trí chất thải trong kho: tuân thủ các quy định an toàn trong lưu trữ: có khoảng trống giữa tường với các thùng lưu giữ chất thải gần tường nhất và chừa lối đi lại bên trong để kiểm tra, chữa cháy.

+ Không để rác thông thường trong khu vực lưu trữ chất thải nguy hại.

Vận chuyển, thải bỏ và xử lý chất thải nguy hại: Công tác vận chuyển, thải bỏ và xử lý chất thải nguy hại thải bỏ được chuyển giao cho đơn vị chức năng theo định kỳ vận chuyển xử lý đúng quy định.

– *Các thông số kỹ thuật cơ bản của công trình*: không có.

3.7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

Không có

3.8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

❖ ***Về hệ thống xử lý nước thải***

Bảng 3.11. Các điều chỉnh, thay đổi về hệ thống xử lý nước thải

Stt	Nội dung	Theo ĐABVMT đã được phê duyệt	Điều chỉnh, thay đổi	Ghi chú
I	**Công trình, biện pháp xử lý nước thải sinh hoạt**			
1	Số lượng	0	01	Nhằm xử lý triệt để ô nhiễm có trong nước thải sinh hoạt và dễ dàng kiểm soát chất lượng nước sau xử lý đạt quy chuẩn xả thải trước khi xả ra
2	Công suất hệ thống	0	10 m^3/ngày.đêm	
3	Công nghệ xử lý	Nước thải sinh hoạt phát sinh → Bể tự hoại 3 ngăn → Hệ thống thoát nước của khu vực.	Nước thải sinh hoạt sau bể tự hoại 3 ngăn → Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể Anoxic → Bể Aerotank → Bể lắng	

Stt	Nội dung	Theo ĐABVMT đã được phê duyệt	Điều chỉnh, thay đổi	Ghi chú
			sinh học → Bể trung gian → Cột lọc áp lực → Ao sinh học → Hố ga giám sát nước thải → Nguồn tiếp nhận (mương nước Công Cộng → kênh Thủ Thừa).	ngoài môi trường, thực tế tại cơ sở đã lắp đặt 01 HTXL nước thải sinh hoạt có công suất thiết kế 10 m^3/ngày.đêm.
II	**Công trình, biện pháp xử lý nước thải sản xuất**			
1	Số lượng	01	01	Thời điểm lập Đề án bảo vệ môi trường tại cơ sở, do tính toán dự trù lượng nước thải phát sinh còn sai sót dẫn đến thông tin đề xuất công suất HTXLNT sản xuất chưa chính xác, do đó cơ sở xin điều chỉnh lại công suất hệ thống xử lý theo đúng với thực tế đã lắp đặt đảm bảo khả năng tiếp nhận, xử lý lượng nước thải sản xuất phát sinh tại cơ sở.
2	Công suất hệ thống	25 m^3/ngày.đêm	250 m^3/ngày.đêm	
3	Công nghệ xử lý	Nước thải phát sinh → Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể keo tụ, tạo bông → Bể lắng 1 → Bể Aerotank → Bể lắng 2 → Bể chứa nước sau xử lý → Tuần hoàn, tái sử dụng cho sản xuất. *Bùn thải từ HTXL nước thải sản xuất → Hút lên lưới lọc → Nghiền → Máy xeo bùn → Giấy bùn → Sân phơi → Ép thành giấy xeo nguội → Nhập kho.*	Không thay đổi so với ĐABVMT đã được phê duyệt	

❖ ***Về hệ thống xử lý bụi, khí thải***

Bảng 3.12. Các điều chỉnh, thay đổi về hệ thống xử lý bụi, khí thải

Stt	Nội dung	Theo ĐABVMT đã được phê duyệt	Điều chỉnh, thay đổi	Ghi chú
1	Số lượng	01	01	Về nhiên liệu đốt và công nghệ xử lý bụi, khí thải từ lò hơi tại cơ sở không thay đổi so với đề án bảo vệ môi trường đã được phê duyệt. Sau khi lập hồ sơ môi trường, Cơ sở cập nhật bổ sung thông tin về công suất lò hơi và công suất hệ thống xử lý bụi, khí thải từ lò hơi theo đúng thực tế.
2	Công suất lò hơi và HTXL khí thải.	- Công suất lò hơi: Không thể hiện. - Lưu lượng khói thải: 755 m^3/giờ.	- Công suất lò hơi: 6 tấn hơi/h; - Công suất HTXL: 15.000 m^3/giờ.	
3	Nhiên liệu đốt	Trấu	Trấu	
4	Công nghệ xử lý bụi, khí thải	Bụi, khí thải → Cyclone → Quạt hút → Tháp hấp thụ → Ống khói → Thải ra môi trường.	Bụi và khí thải → Hệ thống đường ống dẫn → Cyclone → Quạt hút → Bể dập nước → Hệ thống phun sương → Ống thải.	

❖ ***Về chương trình quan trắc môi trường***

Các thay đổi cụ thể như sau:

Bảng 3.13. Các thay đổi về chương trình quan trắc môi trường

Nội dung	Theo đề án đã được phê duyệt	Sau khi lập hồ sơ xin cấp phép môi trường	Ghi chú
Giám sát không khí xung quanh	- *Vị trí quan trắc*: Khu vực xung quanh cuối hướng gió. - *Thông số quan trắc:* Độ ồn, nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió, ánh sáng, bụi, SO_2, NO_2, CO. - *Tần suất quan trắc:* 06 tháng/lần. - *Quy chuẩn so sánh:* Không thể hiện.	- Không thuộc đối tượng quan trắc.	
Khí thải	- *Vị trí quan trắc*: + Xưởng sản xuất; + Khói thải lò hơi.	- Không thuộc đối tượng quan trắc.	Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện

Nội dung	Theo đề án đã được phê duyệt	Sau khi lập hồ sơ xin cấp phép môi trường	Ghi chú
	- *Thông số quan trắc:* Bụi, SO_2, NO_2, CO. - *Tần suất quan trắc:* 03 tháng/lần. - *Quy chuẩn so sánh:* Không thể hiện.		quan trắc khí thải định kỳ theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.
Nước thải	- *Vị trí quan trắc*: Tại ao trong khuôn viên Công ty trước khi thải ra kênh Thủ Thừa. - *Thông số quan trắc:* pH, BOD_5, COD, TSS, Tổng N, Tổng P, Coliforms. - *Tần suất quan trắc:* 06 tháng/lần. - *Quy chuẩn so sánh:* Không thể hiện.	- Không thuộc đối tượng quan trắc.	Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải định kỳ theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.
Chất thải rắn	- *Vị trí quan trắc*: Nhà chứa rác về từng loại rác thảim khối lượng phát sinh và hiện trạng lưu trữ, thu gom, vận chuyển và xử lý. - *Thông số quan trắc:* + Rác thải sinh hoạt; + Chất thải công nghiệp không nguy hại; + Chất thải nguy hại. - *Tần suất quan trắc:* 01 tháng/lần và 06 tháng/lần (đối với CTNH). - *Quy chuẩn so sánh:* Không thể hiện.	- Không thuộc đối tượng quan trắc.	

3.9. Các nội dung thay đổi so với giấy phép môi trường đã được cấp

Cơ sở chưa được cấp giấy phép môi trường trước đây, do đó cơ sở không có nội dung thay đổi so với giấy phép môi trường.

3.10. Kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học

Cơ sở không thuộc đối tượng thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học.

Chương 4. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

4.1. Nội dung cấp phép xả thải vào nguồn nước và yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý nước thải

4.1.1 Nội dung cấp giấy phép xả thải

a. Nguồn phát sinh nước thải

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu nhà vệ sinh.

b. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

b.1. Nguồn tiếp nhận nước thải

Mương nước Công Cộng, sau đó thoát ra kênh Thủ Thừa tại Ấp 3 Nhà Thương, Thị trấn Thủ Thừa, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

b.2. Vị trí xả nước thải

– Vị trí xả nước thải tại 1 hố ga giám sát nước thải của cơ sở.

– Tại tọa độ vị trí xả nước thải: X = 1173571; Y = 0580829 *(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105°45', múi chiếu 3°).*

b.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất:

Lưu lượng xả nước thải lớn nhất 4,08 m^3/ngày.đêm; 0,51 m^3/giờ.

b.3.1. Phương thức xả nước thải:

– Nước thải sau xử lý sẽ được bơm ra ao sinh học trong khuôn viên cơ sở theo đường ống uPVC D90mm, sau đó nước thải dẫn ra hố ga giám sát bên ngoài tường rào của cơ sở với toạ độ X = 1173571; Y = 0580829 *(theo hệ toạ độ VN 2000, kinh tuyến trục 105°45', múi chiếu 3°),* sau đó nước thải từ hố ga giám sát tự chảy ra mương nước Công Cộng, cuối cùng xả ra nguồn tiếp nhận là kênh Thủ Thừa.

– Hình thức xả: Bơm, tự chảy, xả mặt, xả ven bờ.

b.3.2. Chế độ xả nước thải

Nước thải sau xử lý được xả ra môi trường bên ngoài, xả liên tục.

b.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận

Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận tại cơ sở đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 40:2011/BTNMT, Cột A, Kq= 1,2, Kf= 1,2 – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp, cụ thể như sau:

Bảng 4.1. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm trong nước thải

Stt	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	6 – 9	Cơ sở không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải định kỳ	Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí
2	BOD_5	mg/l	30		

Stt	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
3	COD	mg/l	75	theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.	thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
4	Chất rắn lơ lửng	mg/l	50		
5	Tổng Nitơ	mg/l	20		
6	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/l	4		
7	Coliform	mg/l	3.000		

Trường hợp khi có văn bản pháp luật quy định quy chuẩn mới thay thế hoặc bổ sung quy chuẩn hiện hành thì Chủ cơ sở phải tuân thủ việc áp dụng các quy chuẩn mới.

4.1.2 Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý nước thải

a. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có)

a.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

❖ ***Mạng lưới thu gom nước mưa***

Hệ thống thoát nước mưa đã được công ty xây dựng tách riêng biệt với hệ thống thu gom nước thải.

Nước mưa trên mái nhà xưởng được thu gom bằng các máng xối, dẫn bằng ống nhựa PVC đường kính Φ90mm xuống mặt đất và chảy tràn vào các mương thu gom nước mưa. Các mương hở bê tông có nắp đậy có kích thước BxH = 300x300mm, dài 590m chạy dọc quanh các nhà xưởng, nhà văn phòng và khuôn viên cơ sở. Toàn bộ nước mưa được thu gom theo mương thoát nước mưa nội bộ, dẫn vào 02 hố ga thu nước mưa tập trung nằm trong khuôn viên cơ sở có tọa độ vị trí số 1: X_1= 1208776, Y_1= 0576493 và tọa độ vị trí 2: X_2= 1208587, Y_2= 0576399 (*Theo hệ toạ độ VN 2000, kinh tuyến trục 105°45', múi chiếu 3°*), sau đó dẫn theo đường ống uPVC D300mm thoát ra mương nước Công Cộng (tiếp giáp phía Đông cơ sở), sau đó tự chảy thoát ra kênh Thủ Thừa.

❖ ***Mạng lưới thu gom nước thải***

Hệ thống thu gom, thoát nước thải được tách riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước mưa. Toàn bộ nước thải phát sinh được thu gom theo hệ thống thoát nước thải nội bộ.

– Nước thải sinh hoạt phát sinh từ 02 khu nhà vệ sinh bố trí trong khuôn viên cơ sở có diện tích mỗi khu 15m^2/khu được thu gom và xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại *(01 bể*

tự hoại, dung tích 18 m^3), sau đó theo đường ống uPVC D90 mm dẫn về HTXL nước thải sinh hoạt tại cơ sở để tiếp tục xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, Cột A, Kq= 1,2, Kf= 1,2 tự chảy ra 01 hố ga giám sát nước thải của cơ sở, sau đó theo đường ống thoát ra nguồn tiếp nhận là mương nước Công Cộng có tọa độ X= 1208776, Y= 0576493 *(theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 105°45', múi chiếu 3°)*, tiếp tục tự chảy ra kênh Thủ Thừa.

– Nước thải phát sinh từ hoạt động sản xuất (*với lưu lượng phát sinh khoảng 195,72 m^3/ngày.đêm)* được thu gom bằng đường ống uPVC D168 mm dẫn về HTXL nước thải sản xuất tại cơ sở để tiếp tục xử lý.

– Nước thải phát sinh từ khu vực lò hơi (vệ sinh, xả đáy lò hơi + nước thải từ HTXL khí thải lò hơi + rửa lọc hệ thống làm mềm nước cấp lò hơi) *(với lưu lượng phát sinh khoảng 4,45 m^3/ngày)* được thu gom bằng mương dẫn + đường ống uPVC D168mm dẫn về HTXL nước thải sản xuất tại cơ sở để tiếp tục xử lý.

Toàn bộ nước thải sản xuất và nước thải từ khu vực lò hơi phát sinh tại cơ sở sẽ được dẫn về HTXL nước thải sản xuất có công suất thiết kế 250 m^3/ngày.đêm để đảm bảo xử lý đạt QCVN 12-MT:2015/BTNMT, cột B1 và tuần hoàn, tái sử dụng 100% cho quá trình sản xuất, không xả thải vào môi trường.

a.2. Công nghệ, thiết bị xử lý nước thải

– *Quy trình công nghệ:*

+ Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt sau bể tự hoại 3 ngăn → Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể Anoxic → Bể Aerotank → Bể lắng sinh học → Bể trung gian → Cột lọc áp lực → Ao sinh học → Hố ga giám sát nước thải → Nguồn tiếp nhận (mương nước Công Cộng → kênh Thủ Thừa).

+ Hệ thống xử lý nước thải sản xuất: Nước thải phát sinh → Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể keo tụ, tạo bông → Bể lắng 1 → Bể Aerotank → Bể lắng 2 → Bể chứa nước sau xử lý → Tuần hoàn, tái sử dụng cho sản xuất.

Bùn thải từ HTXL nước thải sản xuất → Hút lên lưới lọc → Nghiền → Máy xeo bùn → Giấy bùn → Sân phơi → Ép thành giấy xeo nguội → Nhập kho.

– *Công suất thiết kế:*

+ Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt: 10 m^3/ngày.đêm.

+ Hệ thống xử lý nước thải sản xuất: 250 m^3/ngày.đêm.

– *Hóa chất, vật liệu sử dụng*:

+ Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt: Chất dinh dưỡng.

+ Hệ thống xử lý nước thải sản xuất: Vôi, PAC, Polymer.

a.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động (nếu có)

Cơ sở không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục.

b. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt

b.1. Thời gian vận hành thử nghiệm

Trong 06 tháng kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

b.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm

– *Vị trí lấy mẫu:* 01 mẫu sau xử lý tại hố ga giám sát nước thải sinh hoạt của HTXL nước thải sinh hoạt.

– *Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:* Thực hiện theo nội dung được cấp phép tại Mục 4.1.1 của báo cáo này.

– *Tần suất lấy mẫu:* Bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

4.2. Nội dung cấp phép xả khí thải và yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý khí thải

4.2.1 Nội dung cấp phép khí thải

a. Nguồn phát sinh khí thải:

Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của lò hơi (công suất 6 tấn hơi/giờ).

b. Dòng khí thải, vị trí xả thải

b.1. Vị trí xả thải

– Dòng khí thải tương ứng với ống phát thải của hệ thống xử lý bụi, khí thải lò hơi. Tọa độ xả thải X = 1170032, Y= 572460 *(theo tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105°45', múi chiếu 3°).*

– Vị trí xả thải: Ấp 3 Nhà Thương, Thị trấn Thủ Thừa, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

b.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất

– Lưu lượng xả thải lớn nhất: 15.000 m^3/giờ.

– *Phương thức xả khí thải:* Bụi, khí thải sau khi xử lý được xả ra môi trường qua ống thải, xả liên tục theo thời gian hoạt động cơ sở.

– *Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí:*

Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí tại cơ sở đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT (cột B, Kp=1, Kv=1) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cụ thể như sau:

Bảng 4.2. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm trong khí thải của hệ thống xử lý khí thải

Stt	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
1	Lưu lượng	m^3/h	--	Không thuộc đối tượng	Công trình xử lý chất thải tại cơ sở **không** thuộc đối tượng phải quan trắc tự động, liên tục.
2	Bụi tổng	mg/Nm^3	**200**		
3	NO_x	mg/Nm^3	**850**		
4	SO_2	mg/Nm^3	**500**		
5	CO	mg/Nm^3	**1.000**		
6	Nhiệt độ	^oC	--		

Trường hợp có văn bản pháp luật quy định quy chuẩn mới thay thế hoặc bổ sung quy chuẩn hiện hành thì Chủ cơ sở sẽ tuân thủ việc áp dụng các quy chuẩn mới.

4.2.2 Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý khí thải

a. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có)

a.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải

Bụi và khí thải phát sinh từ lò hơi 6 tấn hơi/giờ được thu gom bằng hệ thống ống dẫn có đường kính D700 mm với kết cấu từ vật liệu thép CT3 dẫn về hệ thống xử lý bụi, khí thải lò hơi tại cơ sở để xử lý.

a.2. Công nghệ, thiết bị xử lý bụi, khí thải

– *Quy trình công nghệ:* Bụi và khí thải → Hệ thống đường ống dẫn → Cyclone → Quạt hút → Bể dập nước → Hệ thống phun sương → Ống thải (H=14m, $DxR_{chân\ ống}$= 1,9x1,9m và $DxR_{đỉnh\ ống}$= 0,7x0,7m) → Khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B, Kp=1,0, Kv=1,0.

– *Công suất thiết kế:* 15.000 m^3/giờ.

– *Hóa chất, vật liệu sử dụng:* Dung dịch NaOH.

a.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động (nếu có)

Cơ sở không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục.

b. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

b.1. Thời gian vận hành thử nghiệm

Trong 06 tháng kể từ ngày được cấp phép môi trường.

b.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm

– *Vị trí lấy mẫu:* Tại ống phát thải của hệ thống xử lý bụi, khí thải lò hơi có tọa độ xả thải X = 1170032, Y= 572460 *(theo tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105°45', múi chiếu 3°).*

– *Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:* Lưu lượng, bụi tổng, SO_2, NO_x, CO, nhiệt độ.

– *Tần suất lấy mẫu:*

+ Giai đoạn điều chỉnh hiệu quả của công trình xử lý bụi, khí thải: Không thuộc đối tượng phải thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

+ Giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý bụi, khí thải: bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

4.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và các yêu cầu bảo vệ môi trường

4.3.1 Nội dung cấp phép về tiếng ồn, độ rung

a. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

– Nguồn số 01: Tiếng ồn, độ rung từ hoạt động của các máy nghiền thủy lực.

– Nguồn số 02: Tiếng ồn, độ rung từ hoạt động của các dây chuyền xeo giấy.

– Nguồn số 03: Tiếng ồn, độ rung từ hoạt động của máy cuốn + cắt.

– Nguồn số 04: Tiếng ồn, độ rung từ hoạt động của máy phát điện.

– Nguồn số 05: Tiếng ồn, độ rung từ hoạt động quạt hút của HTXL khí thải lò hơi.

– Nguồn số 06: Tiếng ồn, độ rung từ hoạt động máy bơm, máy thổi khí của HTXL nước thải sinh hoạt.

– Nguồn số 07: Tiếng ồn, độ rung từ hoạt động máy bơm, máy thổi khí của HTXL nước thải sản xuất.

b. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

– Nguồn số 01 có tọa độ: X_1= 1173518, Y_1= 0581088.

– Nguồn số 02 có tọa độ: X_2= 1173185, Y_2= 0581166.

– Nguồn số 03 có tọa độ: X_3= 1173142, Y_3= 0580872.

– Nguồn số 04 có tọa độ: X_4= 1173422, Y_4= 0580965.

– Nguồn số 05 có tọa độ: X_5= 1173418, Y_5= 0580953.

– Nguồn số 06 có tọa độ: X_6= 1173416, Y_6= 0580946.

– Nguồn số 07 có tọa độ: X_7= 1173458, Y_7= 0580797.

c. Chất lượng tiếng ồn, độ rung

Chất lượng tiếng ồn và độ rung tại cơ sở đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

c.1. Tiếng ồn

Bảng 4.3. Thông số và giá trị giới hạn của ô nhiễm tiếng ồn

Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
70	55	--	Khu vực thông thường (Tất cả các điểm ngoài hàng rào nhà máy)

Trường hợp có văn bản pháp luật quy định quy chuẩn mới thay thế hoặc bổ sung quy chuẩn hiện hành thì cơ sở sẽ tuân thủ việc áp dụng các quy chuẩn mới.

c.2. Độ rung

Bảng 4.4. Thông số và giá trị giới hạn của ô nhiễm độ rung

Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
70	60	--	Khu vực thông thường (Tất cả các điểm ngoài hàng rào nhà máy)

Trường hợp có văn bản pháp luật quy định quy chuẩn mới thay thế hoặc bổ sung quy chuẩn hiện hành thì cơ sở sẽ tuân thủ việc áp dụng các quy chuẩn mới.

4.4. Nội dung cấp phép thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại và yêu cầu về bảo vệ môi trường

Không có.

4.5. Nội dung cấp phép nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất và yêu cầu bảo vệ môi trường

Không có.

4.6. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

4.6.1 Quản lý chất thải

a. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

a.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh cụ thể như sau:

Bảng 4.5. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở

Stt	Thành phần rác thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng phát sinh (kg/năm)	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại
1	Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	Rắn	30	08 02 04	KS
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	40	16 01 06	NH
3	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	30	18 01 01	KS
4	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	20	18 01 03	KS
5	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	150	18 02 01	KS
6	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	20	17 02 03	NH
	Tổng cộng		**290**		

a.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

Khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh gồm băng keo, ghim kẹp, tạp chất từ nguyên liệu sản xuất; tro xỉ thải từ hoạt động lò hơi; bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt,... phát sinh khoảng 80.650 kg/tháng.

a.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 25,5 kg/ngày, chủ yếu bao gồm chất thải hữu cơ (rau quả, thực phẩm thừa, giấy vụn,…), chất thải vô cơ (bao gồm nylon, vỏ lon, thủy tinh,…).

b. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

b.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

– *Thiết bị lưu chứa:*

+ Bố trí các thùng PVC loại 120 lít màu vàng có dán nhãn mã số CTNH và các bao PP chống thấm.

+ Bao bì đựng chất thải nguy hại và thiết bị lưu chứa phải đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại khoản 4 và khoản 5 Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày

10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

– *Khu vực lưu chứa:*

+ Diện tích: 10m^2 (LxB=5,0mx2,0m), chiều cao công trình H=3,0m.

+ Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: thiết kế có nền bê tông, có mái che, có gắn biển dấu hiệu cảnh báo, bố trí thiết bị PCCC, xây dựng gờ chống tràn và các thiết bị ứng cứu sự cố tràn đổ: giẻ lau, cát khô, bao tay, ủng, dụng cụ quét và hốt rác tại khu vực lưu chứa chất thải nguy hại.

b.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

– *Thiết bị lưu chứa:* Bố trí các thùng chứa chất thải công nghiệp thông thường bằng nhựa PVC (có nắp đậy) và các bao PP chống thấm để thu gom chất thải thông thường phát sinh từ cơ sở.

– *Khu vực lưu chứa:*

+ Diện tích: 30m^2 (LxB=10mx3m), chiều cao công trình H=3,0m.

+ Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: thiết kế có nền bê tông, có mái che, có gắn biển dấu hiệu.

b.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

– *Thiết bị lưu chứa:* Bố trí các thùng rác PVC loại 50 lít, 120 lít, có nắp đậy tại khu vực nhà vệ sinh, văn phòng và tại khu vực lưu chứa chất thải sinh hoạt.

– *Khu vực lưu chứa:* Diện tích: 5,0 m^2, có mái che.

c. Hoạt động tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải (nếu có)

Không có.

4.7. Các yêu cầu khác về bảo vệ môi trường

4.7.1 Yêu cầu về cải tạo, phục hồi môi trường (nếu có)

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

4.7.2 Yêu cầu về bồi hoàn đa dạng sinh học (nếu có)

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

4.7.3 Các nội dung chủ cơ sở tiếp tục thực hiện theo quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (hoặc văn bản tương đương với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

Không có.

4.7.4 Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường (nếu có)

Chủ cơ sở duy trì quy hoạch diện tích trồng cây xanh, thảm cỏ thích hợp với diện tích khoảng 20% tổng diện tích đất nhằm tạo cảnh quang xanh, sạch đẹp và mát mẻ cho nhà máy. Việc trồng cây xanh được tiến hành với tiêu chí trồng những cây

xanh thích hợp cho cảnh quan, tạo bóng mát và mặt khác giảm thiểu những tác động phát sinh từ nhà máy đến các khu vực lân cận.

Tuân thủ các quy định về an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp; phòng chống cháy nổ; bố trí nhận sự thực hiện công tác quản lý và bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện cơ sở.

Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an toàn hóa chất, phòng chống cháy nổ, đối với cán bộ, công nhân viên làm việc của cơ sở.

Chương 5. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

5.1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải

Không có.

5.2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải

– Ngày lấy mẫu:
  + Lần 1: ngày 18/05/2023;
  + Lần 2: ngày 19/07/2023;
  + Lần 3: ngày 13/10/2023.
– Vị trí lấy mẫu: Mẫu khí thải tại ống khói lò hơi, sau hệ thống xử lý.
– Chỉ tiêu phân tích: Lưu lượng, bụi tổng, nhiệt độ, NO_x, SO_2, CO.
– Kết quả quan trắc:

Bảng 5.1. Kết quả quan trắc thành phần, chất lượng khí thải năm 2023

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả phân tích			QCVN 19:2009/BTNMT, cột B, Kp=1, Kv=1
			Lần 1	Lần 2	Lần 3	
1	Bụi tổng	mg/Nm^3	81	23	69	**200**
2	CO	mg/Nm^3	34	795	394	**1.000**
3	NO_x	mg/Nm^3	<10	75	19	**850**
4	SO_2	mg/Nm^3	<10	<10	<10	**500**
5	Nhiệt độ	^oC	78,9	68,0	138	--
6	Lưu lượng	m^3/h	11.200	10.632	10.218	--

Nguồn: Công ty TNHH TM-SX Giấy và Bao bì giấy Trường Sơn

Nhận xét: qua kết quả quan trắc cho thấy chất lượng bụi, khí thải sau hệ thống xử lý bụi, khí thải lò hơi trong năm 2023 đều đạt theo QCVN 19:2009/BTNMT, cột B, Kp=1, Kv=1, điều này cho thấy bụi, khí thải lò hơi tại cơ sở đang hoạt động hiệu quả.

5.3. Kết quả quan trắc môi trường trong quá trình lập báo cáo (Chỉ áp dụng đối với cơ sở không phải thực hiện quan trắc chất thải theo quy định)

Không có.

Chương 6. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

Trên cơ sở đề xuất các công trình bảo vệ môi trường của cơ sở, chủ cơ sở đề xuất kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải, chương trình quan trắc môi trường trong giai đoạn cơ sở đi vào vận hành, cụ thể như sau:

6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của cơ sở

6.1.1 Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm các hệ thống tại cơ sở như sau:

Bảng 6.1. Bảng phân bố thời gian vận hành thử nghiệm

Công trình xử lý	Thời gian vận hành thử nghiệm	Công suất của hạng mục
Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt	06 tháng kể từ ngày được cấp phép	10 m^3/ngày.đêm
Hệ thống xử lý bụi, khí thải lò hơi		15.000 m^3/giờ

6.1.2 Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải

Việc quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải do chủ cơ sở tự quyết định nhưng phải đảm bảo quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định, cụ thể như sau:

a. Đối với nước thải

Bảng 6.2. Kế hoạch quan trắc mẫu nước thải giai đoạn vận hành thử nghiệm

Vị trí lấy mẫu	Thông số lấy mẫu	Số mẫu	Tần suất lấy mẫu	Quy chuẩn so sánh
NT: 01 mẫu sau xử lý tại hố ga giám sát nước thải của HTXL nước thải sinh hoạt.	pH, BOD_5, COD, TSS, tổng nitơ (N), tổng photphot (P), Coliform	3 mẫu đơn đầu ra	Ít nhất 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định	Đạt QCVN 40:2011/BTNMT (Cột A với Kq = 1,2; Kf = 1,2)

b. Đối với khí thải

Bảng 6.3. Kế hoạch quan trắc mẫu bụi, khí giai đoạn vận hành thử nghiệm

Vị trí lấy mẫu	Thông số lấy mẫu	Số mẫu	Tần suất lấy mẫu	Quy chuẩn so sánh
KT: Tại ống phát thải của hệ thống xử lý bụi, khí thải lò hơi.	Lưu lượng, bụi tổng, SO_2, NO_x, CO, nhiệt độ	3 mẫu đơn đầu ra	Ít nhất 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định	QCVN 19:2009/BTNM, cột B, Kp=1, Kv=1

c. Đối với chất thải rắn

– Tần suất giám sát: Thường xuyên và liên tục.

– Vị trí giám sát: Khu vực phát sinh chất thải, lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại.

– Giám sát khối lượng phát sinh; công tác phân loại, thu gom; hợp đồng vận chuyển, xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại; biên bản, chứng từ giao nhận chất thải.

– Quy định áp dụng: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

6.2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật

6.2.1 Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

a. Đối với nước thải

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải định kỳ theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

b. Đối với khí thải

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc khí thải định kỳ theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

c. Đối với chất thải rắn

– Tần suất giám sát: Thường xuyên và liên tục.

– Vị trí giám sát: Khu vực lưu chứa chất thải.

– Giám sát khối lượng phát sinh; công tác phân loại, thu gom; hợp đồng vận chuyển, xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại; biên bản, chứng từ giao nhận chất thải.

– Quy định áp dụng: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

6.2.2 Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

Công trình xử lý chất thải tại cơ sở **không** thuộc đối tượng phải quan trắc tự động, liên tục.

6.2.3 Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở

Không có.

6.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm

Kinh phí dự kiến trong giai đoạn vận hành thử nghiệm khoảng 50.000.000 đồng.

Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm khoảng 10.000.000 đồng.

Chương 7. KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CHỦ CƠ SỞ

Ngày 30/9/2015, Bộ Tài nguyên và Môi trường - Tổng cục môi trường ra Quyết định số 328/QĐ-XPVPHC ngày 30/9/2015 về việc xử phạt vi phạm hành vi về bảo vệ môi trường: Không có văn bản báo cáo cơ quan đã phê duyệt đề án bảo vệ môi trường về việc hoàn thành các biện pháp bảo vệ môi trường theo quy định, quy định tại Điểm a, Khoản 2 Điều 11 của Nghị định số 179/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường. *Công ty đã thực hiện nộp tiền phạt vào Kho bạc Nhà nước theo đúng quy định.*

Ngày 18/10/2017, Tổng cục môi trường – Đoàn thanh tra theo Quyết định số 999/QĐ-TCMT ngày 07/9/2017 và số 1157/QĐ-TCMT ngày 02/10/2017 ra Biên bản thanh tra về bảo vệ môi trường, nhắc nhở và yêu cầu khắc phục các tồn đọng như sau:

(1) Công ty chưa được kiểm tra, xác nhận hoàn thành nội dung đề án bảo vệ môi trường chi tiết (Tổng cục Môi trường đã ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường số 328/QĐ-XPVPHC ngày 30/9/2015 về hành vi không có báo cáo cơ quan phê duyệt đề án bảo vệ môi trường về việc hoàn thành các biện pháp bảo vệ môi trường và Công ty đã nộp tiền phạt theo quy định. *Hiện tại, tuân thủ theo Luật bảo vệ môi trường mới Công ty đang thực hiện lập Giấy phép môi trường tại cơ sở và dự kiến sẽ thực hiện báo cáo nghiệm thu hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường sau khi được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép môi trường theo đúng quy định.*

(2) Sau khi xem xét hồ sơ, tài liệu thu thập do Công ty cung cấp, kết quả phân tích mẫu chất thải tại Công ty và kết quả phân tích mẫu chất thải lấy đột xuất (nếu có), Đoàn thanh tra sẽ tiếp tục đánh giá, xác định các vi phạm mới (nếu có) và áp dụng các biện pháp xử lý theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. *Công ty cam kết định kỳ sẽ quan trắc lấy mẫu của các công trình bảo vệ môi trường tại cơ sở và thực hiện báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm theo quy định của pháp luật.*

Ngày 19/01/2018, Bộ Tài nguyên và Môi trường - Tổng cục môi trường ra Kết luận thanh tra số 185/KL-TCMT về việc chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường tại Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Giấy và bao bì giấy Trường Sơn, với các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với Công ty như sau: Trong quá trình hoạt động sản xuất Công ty phải thực hiện nghiêm túc các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường; thu gom và xử lý triệt để nước thải phát sinh đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia trước khi xả ra môi trường; thực hiện đúng các quy định về quản lý chất

thải rắn thông thường, CTNH và chương trình giám sát môi trường định kỳ; lập phương án và có kế hoạch cụ thể để phòng ngừa, ứng phó hiệu quả các sự cố môi trường có thể xảy ra trong quá trình hoạt động sản xuất; kê khai và nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải theo quy định. *Công ty cam kết sẽ tuân thủ các yêu cầu bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.*

Chương 8. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Công ty TNHH TM-SX Giấy và Bao bì giấy Trường Sơn cam kết đảm bảo tuân thủ Luật bảo vệ môi trường, các Nghị định, Thông tư và các quy định liên quan, thực hiện tốt các biện pháp khống chế và giảm thiểu các tác động xấu đã nêu trong báo cáo này, hoàn thành các công trình xử lý môi trường cụ thể là:

– Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.

– Cam kết xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan:

+ *Về môi trường nước:* Thực hiện các biện pháp khống chế và giảm thiểu ô nhiễm môi trường nước: Đảm bảo tách riêng hệ thống thu gom nước thải và nước mưa. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở, bảo đảm đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, Kq= 1,2, Kf= 1,2 không xả thải trực tiếp ra môi trường.

+ *Về môi không khí:* Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi, trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

+ *Về chất thải rắn:* Thực hiện các biện pháp thu gom, phân loại và xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại theo đúng Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

– Cam kết thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.

– Phối hợp với các cơ quan chức năng về quản lý môi trường để nhận được sự hỗ trợ và hướng dẫn kịp thời trong công tác quản lý môi trường.

– Cam kết thực hiện các công trình bảo vệ môi trường theo quy định pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường.

– Cam kết chậm nhất là 10 ngày sau khi được cấp giấy phép môi trường, Chủ dự án thực hiện công khai giấy phép môi trường trên trang thông tin điện tử của dự án hoặc tại trụ sở UBND cấp xã nơi hoạt động dự án.

– Cam kết lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm theo quy định tại Mẫu số 05.A Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

PHỤ LỤC
CÁC VĂN BẢN PHÁP LÝ LIÊN QUAN

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH LONG AN
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN

Mã số doanh nghiệp: 1100411598

Đăng ký lần đầu: ngày 16 tháng 09 năm 1999

Đăng ký thay đổi lần thứ: 3, ngày 23 tháng 02 năm 2022

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TM-SX GIẤY VÀ BAO BÌ GIẤY TRƯỜNG SƠN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt: TRUONG SON Co.,Ltd

2. Địa chỉ trụ sở chính

Ấp 3 Nhà Thương, Thị Trấn Thủ Thừa, Huyện Thủ Thừa, Tỉnh Long An, Việt Nam

Điện thoại: *0723.864958-612277* Fax: *0723.611747*

Email: Website:

3. Vốn điều lệ 45.982.000.000 đồng

Bằng chữ: Bốn mươi lăm tỷ chín trăm tám mươi hai triệu đồng

4. Danh sách thành viên góp vốn

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Phần vốn góp (VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN CÔNG TRƯỜNG	Việt Nam	151 Nguyễn Văn Luông, Phường 10, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	35.982.000.000	78,252	079071040389	
2	BÙI THANH TUYỀN	Việt Nam	Số 151 Nguyễn Văn Luông, Phường 10, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	10.000.000.000	21,748	079171009053	

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: NGUYỄN CÔNG TRƯỜNG Giới tính: *Nam*

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: *09/02/1971* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *079071040389*

Ngày cấp: *10/05/2021* Nơi cấp: *Cục trưởng Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Số 151, Nguyễn Văn Luông, Phường 10, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *151 Nguyễn Văn Luông, Phường 10, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH LONG AN
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

Phan Thành Kiệt

Chứng thực bản sao
đúng với bản chính
(Số: ...../CT.BS Quyển: ...)
Thị trấn ngày ... tháng ... năm
18 - 10 - 2021
CHỦ TỊCH UBND THỊ TRẤN THỦ THỪA

Võ Thanh Quân

SỞ XÂY DỰNG
CÔNG TY XÂY DỰNG LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc
===oOo===

HỢP ĐỒNG THUÊ TÀI SẢN

Số 43../99.HĐTTS/CTXDLA

- Căn cứ theo pháp lệnh hợp đồng kinh tế ngày 25/09/1989 và nghị định số 17/HĐBT ngày 16/01/1990 của Hội Đồng Độ Trưởng .

- Căn cứ theo quyết định của UBND tỉnh Long An số 1648 ngày 11/06/1999 V/v cho phép Công Ty Xây Dựng Long An cho thuê khu đất Lò vôi ở ấp 3, Nhà Thương, Thị Trấn Thủ Thừa, Huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An .

- Căn cứ theo yêu cầu và đơn xin của Ông Nguyễn Tăn Tam .

Địa chỉ : 173/2A đường Bình Thới, Phường 11, Quận 11, TP HCM

Hôm nay ngày 11 tháng 06 năm 1999. Hai bên gồm có :

1/ Bên cho thuê Công Ty Xây Dựng Long An gọi tắt là bên "A"

- Do Ông : Nguyễn Văn Luân Chức vụ: Giám đốc làm đại diện
- Địa chỉ : Số 02 Quốc lộ I, phường 4, TXTA, Long An .
- Số Tài khoản : 7301.0005C Tại Ngân Hàng ĐT&PT Long An .
- Điện thoại : 072 826497 - 072 823322

2/ Bên Thuê : Gọi tắt là bên "B"

- Do Ông : Nguyễn Văn Tam Làm đại diện
- CMND số: 020759186 cấp ngày 01/03/79 tại Công an Quận 11 TP HCM
- Địa chỉ 173/2A đường Bình Thới, Phường 11, Quận 11, TP HCM .

Hai bên cùng nhau thống nhất nội dung ký kết hợp đồng thuê tài sản theo những điều khoản sau :

ĐIỀU I :

Bên A đồng ý cho bên B thuê toàn bộ khu đất, nhà cửa vật kiến trúc, tài sản của lò vôi Thủ Thừa tại ấp 3, đường Nhà thương, Thị Trấn Thủ Thừa, Huyện Thủ Thừa, Tỉnh Long An.

1/ Diện tích : 31.000 m2 đã san lấp mặt bằng

2/ Các vật kiến trúc là tài sản bên trên khu đất có danh mục diện tích đính kèm để xây dựng nhà máy sản xuất giấy và bao bì bằng giấy .

ĐIỀU II :

Bên B trả cho bên A tiền thuê và tiền thuê tài sản là kho tàng, nhà làm việc ... với giá trị theo hội đồng định giá là : 194.000.000 đ/năm. Theo qui định của Bộ Tài Chính là cứ năm năm được tính lại một lần nhưng không vượt quá 15% giá trị thuê .

- Phương thức thanh toán :

+ Tiền thuê bên B thanh toán cho bên A một lần một năm (nếu có thay đổi phải được sự thỏa thuận của 2 bên) Sau khi ký kết hợp đồng không quá 10 ngày và những năm tiếp theo sẽ đúng theo ngày đã thanh toán lần đầu .

+ Bên B trả bằng tiền mặt tại văn phòng Công Ty Xây Dựng Long An .

+ Nếu tiền thuê không trả đúng ngày thì bên B sẽ chịu lãi suất 0.5% ngày trên tổng số tiền phải trả .

+ Công Ty xây Dựng sẽ xuất hoá đơn GTGT cho bên thuê .

+ Công Ty Xây Dựng chịu thuế VAT trên tiền thuê và thuế vốn 3.6% trên giá trị tài sản theo phương án tính toán của Hội đồng định giá .

ĐIỀU III :

- Thời gian thuê đất là 30 năm.

Bên B phải báo cho bên A biết để thực hiện việc chuyển giao tài sản cho thuê.

Trường hợp có thay đổi thời gian cho thuê phải có sự đồng ý của hai bên và thông qua cấp quyết định cho thuê phê duyệt .

Trước khi hết hạn hợp đồng hai bên phải thông báo cho nhau ít nhất là 06 tháng có xin ý kiến về việc có gia hạn hay không .

ĐIỀU IV :

Bên B khi tiếp nhận tài sản nếu có yêu cầu sửa chữa, thay đổi hình dạng kiến trúc của tài sản phải có sự đồng ý của bên A .

- Khi có yêu cầu xây dựng thêm bên B phải thực hiện đúng với trình tự XDCB mà nhà nước qui định .

- Về sử dụng tài sản để thành lập doanh nghiệp bên B phải chấp hành đúng theo qui định của nhà nước về qui định thành lập doanh nghiệp , chấp hành các qui định về an toàn lao động, báo cáo đánh giá tác động môi trường, phòng cháy chữa cháy. Trong quá trình sử dụng tài sản bên B có trách hiệm quản lý toàn bộ tài sản có trách nhiệm bảo quản và sửa chữa tài sản trong quá trình thuê để tránh xuống cấp hết thời gian thuê thì hiện trạng tài sản phải đảm bảo như lúc đầu tiên cho thê, phải mua bảo hiểm trên toàn bộ tài sản của bên A cho thuê sử dụng để khi có sự cố xảy ra Công ty bảo hiểm sẽ chịu trách nhiệm đền bù thiệt hại.

- Khi thay đổi chủ quyền người thuê hoặc có thay đổi về giấy phép kinh doanh , bên B phải báo cáo cho bên A biết để cùng các bên liên quan thỏa thuận cho, phép .

- Bất cứ có sự tranh chấp nào tại khu đất cho thuê, nếu trách nhiệm của bên nào thì bên đó có trách nhiệm giải quyết cụ thể .

- Các điều khoản khác ký trong hợp đồng này hai bên sẽ thực hiện rtheo quy định hiện hành

ĐIỀU V :

Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản đã ghi trong hợp đồng trên tinh thần hợp tác. Mọi tranh chấp xảy ra trong quá trình thực hiện hợp đồng hai bên sẽ gặp nhau thỏa thuận giải quyết và được thể hiện bằng các phụ kiện bổ sung kèm theo, mọi thay đổi đơn phương một bên đều không có giá trị. Bất cứ vì lý do nào đó một bên không thực hiện được hợp đồng gây thiệt hại cho phíabên kia thì bên đó phải bồi thường thiệt hại phát sinh của bên kia, ngoài ra còn phải chịu phát 5% trện giá trị hợp đồng .

Trong trường hợp có những ý kiến không thống nhất giữa hai bên thì sẽ đưa ra tòa án kinh tế Long An để xử lý và quyết định của toà án kinh tế Long an là cuối cùng và bắt buộc cả hai bên thi hành . Phí trọng tài do bên thua kiện chịu.

Hợp đồng này có hiệu lực thực hiện kể từ ngày ký, hai bên nghiêm chỉnh chấp hành theo những điều đã ký kết .

Hợp đồng lập thành 06 bản mỗi bên giữ 03 bản có giá trị ngang nhau .

ĐẠI DIỆN BÊN A
GIÁM ĐỐC

CÔNG TY XÂY DỰNG LONG AN

Nguyễn văn Thân

ĐẠI DIỆN BÊN B

Số: 192 TC SXD
ngày 22/6/99

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ XÂY DỰNG

Trần Văn Nghiên

CHỨNG THỰC BẢN SAO NÀY
ĐÚNG BẢN CHÍNH
Số 111098 Quyển 4
Ngày 24 tháng 12 năm 99

CÔNG CHỨNG VIÊN

Chứng thực [illegible]

CTY TNHH *TM_SX* GIẤY TRƯỜNG SƠN
ẤP 3 NHÀ THƯƠNG T.THỪA _L.AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập _Tự Do_Hạnh phúc

ĐƠN XIN ĐƯỢC MIỄN GIẢM TIỀN THUÊ NHÀ XƯỞNG

Tại Ấp 3 Nhà Thương – Thị Trấn Thủ Thừa Long An, từ 11/6/2001 đến 11/6/2002

KÍNH GỞI - SỞ CÔNG NGHIỆP LONG AN
- CÔNG TY XÂY DỰNG LONG AN

- Tôi tên Nguyễn văn Tam, hiện là Giám Đốc Công Ty TMHH TM-SX Giấy và Bao Bì Giấy Trường Sơn , trụ sở chính đặt tại Ấp 3 Nhà Thương _ Thị Trấn Thủ Thừa _ Long An.

- Công Ty được thành lập và đăng ký kinh doanh theo giấy đăng ký kinh doanh số 041216 do Sở KHĐT cấp ngày 16/9/99 . Đăng ký MST: 1100 411 598, ngày 01/10/1999

- Nay Công Ty chúng tôi làm đơn này kính trình lên Quý cơ quan như sau :

- Công Ty có ký hợp đồng hợp đồng thuê khu đất làm nhà xưởng tại khu Lò voi cũ thuộc Ấp 3 Nhà Thương Thị Trấn Thủ Thừa _ Long An, với diện tích là 31.000 m2, nhưng đến nay theo thực tế là 27.145 m2 (đính kèm theo sơ đồ) . Hợp đồng thuê nhà xưởng trong thời hạn là 30 năm, mỗi năm tiền thuê là 194.000.000 đ , do Công ty Xây Dựng Long An đứng tên trong hợp đồng cho thuê (đính kèm hợp đồng) .

- Đến nay công ty đã trả tiền thuê nhà xưởng và đất tất cả là 2 năm (tức thời giàntư ngày 11/6/99 đến ngày 11/6/2001), với số tiền là 388.000.000 đ.

- Trong thời gian hoạt động vừa qua công ty cũng gặp khó khăn, vì do nhà xưởng đã xây dựng từ năm 1987 quá cũ và đã xuống cấp trầm trọng và bị lũ lụt vừa qua, nên các nhà kho đã trốc nốc, dột nát xuống cấp không còn sử dụng được, chỉ còn nhà sản xuất và văn phòng còn sử dụng.

Do mới hoạt động sản xuất công ty cũng gặp khó khăn về vốn, nay công ty kính đề nghị Quý cơ quan xem xét và giải quyết cho công ty chúng tôi được miễn giảm tiền thuê đất và nhà xưởng 01 năm, từ 11/6/2001 đến 11/6/2002.

- Kính mong quý sở và công ty xây dựng xem xét và giải quyết cho công ty chúng tôi được miễn, giảm tiền thuê nhà 01 năm. Trong khi chờ đợi sự chấp thuận của Quý cơ quan, công ty chúng tôi thành thật cảm ơn.

- Kính chào trân trọng!

Ngày 10 tháng 10 năm 2001
Giám Đốc

CTY TNHH THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT GIẤY VÀ BAO BÌ GIẤY TRƯỜNG SƠN

Nguyễn Văn Tam

CTY TNHH SX-TM TRƯỜNG SƠN
ẤP 3 – NHÀ THƯƠNG – THỦ THỪA – LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP – TỰ DO – HẠNH PHÚC

ĐƠN XIN XÁC MINH THỰC TẾ LẠI NHÀ XƯỞNG

Tại Ấp 3 – Nhà Thương - Thủ Thừa – Long An, Khu Lò vôi cũ

KÍNH GỞI : **- UBND TỈNH LONG AN**
- CÔNG TY XÂY DỰNG LONG AN

Tôi: Nguyễn Văn Tam, Chức Vụ: Giám Đốc Công Ty Giấy và Bao Bì Giấy Trường Sơn, có văn phòng tại Ấp 3 – Nhà Thương – Thị Trấn Thủ Thừa – Long An.

- Công ty TNHH TM-SX Giấy và Bao Bì Giấy Trường Sơn được thành lập theo giấy phép số 2038/GP/TLDN-02, do UBND Tỉnh Long an cấp ngày 15/09/1999 và giấy CNĐKKD số 041 216 do sở Kế hoạch đầu tư tỉnh Long an cấp ngày 16/09/1999

- Căn cứ theo hợp đồng thuê tài sản số 43/99. HĐTTS, ngày 11/06/1999 tại Ấp 3 Nhà Thương - Thủ Thừa – Long An, Khu Lò vôi cũ.

- Nay Công ty chúng tôi kính trình lên Qúy cơ quan như sau:

- Theo hợp đồng, Công ty TNHH TM-SX Giấy và Bao Bì Giấy Trường Sơn thuê tài sản của Công ty Xây Dựng Long an trong thời hạn 30 năm với số tiền thuê là 194.000.000 đ/năm với diện tích ban đầu là 31.000 m2, nhưng thực tế còn là 27.145 m2 (đính kèm theo hồ sơ)

- Đến nay công ty đã trả tiền thuê nhà xưởng và đất tất cả là 4 năm (tức thời gian từ ngày 11/06/1999 đến ngày 11/06/2003), với tổng số tiền là 776.000.000 đ.

- Trong thời gian hoạt động vừa qua công ty cũng gặp khó khăn vì do nhà xưởng đã xây dựng quá lâu từ năm 1987 nên quá cũ và cũng đã xuống cấp trầm trọng và bị cơn lũ lụt năm 1999 và năm 2000 nên các nhà kho đã trốc nốc, dột nát xuống cấp không còn sử dụng được, chỉ còn nhà chứa Linke và nhà làm việc mới là còn sử dụng.

- Do đó Công ty chúng tôi kính đề nghị Qúy cơ quan cử đoàn kiểm tra đến để xác minh thực tế lại nhà xưởng để từ đó có cơ sở xác định lại giá trị thuê đất và nhà xưởng, đồng thời tạo điều kiện cho Công ty tôi được sửa chữa chống dột trước mắt để tiếp tục sản xuất.

- Trong khi chờ đợi sự chấp thuận của Qúy cơ quan, chúng tôi chân thành cảm ơn.

- Trân trọng kính chào!

Long An, Ngày 08 tháng 09 năm 2003

Giám Đốc

CTY TNHH THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT GIẤY VÀ BAO BÌ GIẤY TRƯỜNG SƠN

Nguyễn Văn Tam

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Công ty TNHH TM-SX giấy và bao bì giấy Trường Sơn
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số: 1100411598
Cấp ngày 16 tháng 9 năm 1999
Địa chỉ trụ sở chính: Ấp 3, Nhà Thương, thị trấn Thủ Thừa, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

BP 465805

II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thửa đất:

a) Thửa đất số: **1247** , tờ bản đồ số: 1

b) Địa chỉ: Thị trấn Thủ Thừa, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An

c) Diện tích: 28.989 m^2

(bằng chữ: Hai mươi tám ngàn chín trăm tám mươi chín mét vuông)

d) Hình thức sử dụng: riêng: 28.989 m^2; chung: Không m^2

đ) Mục đích sử dụng: Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh

e) Thời hạn sử dụng: Đến ngày 11 tháng 12 năm 2062

g) Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm

2. Nhà ở: -/-.

3. Công trình xây dựng khác: -/-.

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-.

5. Cây lâu năm: -/-.

6. Ghi chú:

Trong đó diện tích lộ giới là 700 m^2

Long An, ngày 11 tháng 5 năm 2014

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

TUQ.CHỦ TỊCH

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Nguyễn Thanh Cang

Số vào sổ cấp GCN: CT 19151

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

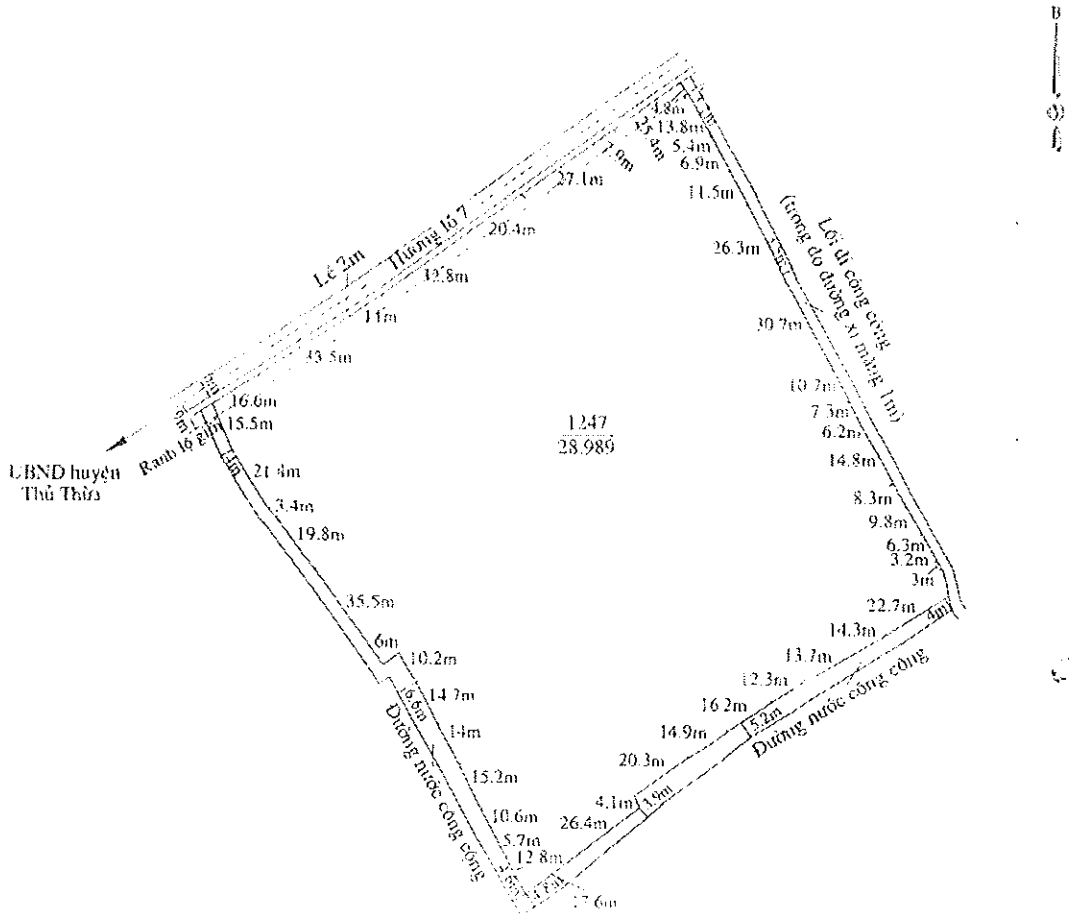

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
03/11/2016 - Chuyển hình thức sử dụng từ Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm sang hình thức **Nhà nước cho thuê đất trả tiền một lần** từ ngày 07/10/2016 theo Quyết định số 4081/QĐ-UBND ngày 07/10/2016 của UBND tỉnh và đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo quy định./.	PHÓ GIÁM ĐỐC VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI Nguyễn Thị Hoa
- Đã thế chấp bằng quyền sử dụng đất (diện tích 28.989 m^2) tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam-Chi nhánh Bến Lức theo Hợp đồng thế chấp số 35Q-2017/HDTC ngày 02/01/2018./.	03/01/2018 GIÁM ĐỐC VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI Phan Công Chiến

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
Ngày 27/10/2021 - Đã đăng ký thế chấp bằng quyền sử dụng đất tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam-Chi nhánh Bến Lức theo Hợp đồng số 08CA/2021/HĐBĐ/NHCT704 ngày 26/10/2021 được Văn phòng công chứng Phương Nam công chứng số 6289, quyển số 03/2021TP/CC-SCC/HĐGD ngày 26/10/2021./.	KT.GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC Huỳnh Anh Tuấn

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.

802803614000275

UBND TỈNH LONG AN
SỞ XÂY DỰNG
****

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
*****

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

(HỢP THỨC HÓA)

Số : 193 /HTH-XD

1/. Cấp cho : ÔNG NGUYỄN VĂN TAM.

Địa chỉ : Ấp 3 - Nhà Thương - Thị Trấn Thủ Thừa - Huyện Thủ Thừa.

Được phép hợp thức hóa XD : 2 NHÀ XƯỞNG SẢN XUẤT GIẤY BAO BÌ.

Theo thiết kế số : 21/11/VPTK.99. Do Văn Phòng Tư Vấn Thiết Kế Kiến Trúc Long An lập.

Đã được: Sở Xây Dựng Long An thẩm tra xét duyệt.

- Bao gồm các hạng mục sau đây : (Đính kèm danh sách mặt sau)

Tổng diện tích xây dựng : 1.089,20 m². (Không kể diện tích vi phạm).

Với các điều kiện :

- Nhà xây dựng cách tim Lộ Nhà Thương là : 32m và cách mí bờ kinh Thủ Thừa là : 45 m.
- Chủ đầu tư liên hệ và thỏa thuận với chủ sử dụng đất và chính quyền địa phương có liên quan về việc thoát nước từ công trình qua khu xử lý nước thải, khi thoát ra ruộng và sông rạch gần nhất.
- Việc vệ sinh môi trường theo qui định của Sở Khoa Học CN và Môi Trường Tỉnh Long An.
- Việc phòng cháy chữa cháy theo qui định của cơ quan Cảnh Sát PCCC Tỉnh Long An.

Trên thửa đất: Theo hợp đồng thuê tài sản số 43/99.HĐ.TTS/CTXDLA ngày 11/06/1999 của Công Ty Xây Dựng Long An và Ông Nguyễn Văn Tam.

Tọa lạc tại : Ấp 3 Đường: Lộ Nhà Thương.

Phường, Xã : Thị Trấn Thủ Thừa. Huyện: Thủ Thừa.

2/. Những điều cần lưu ý :

2.1/. Chủ đầu tư phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền lợi hợp pháp của người có liên quan.

2.2/. Chủ đầu tư phải thực hiện các điều sau đây :

- Hoàn thiện hồ sơ chất lượng công trình và tổ chức lưu trữ hồ sơ xây dựng theo qui định.
- Thực hiện việc quản lý chất lượng công trình theo đúng qui định tại quyết định số 498/BXD-GD ngày 18/ 9/1996 của Bộ Xây Dựng.

Ngày 20 tháng 12 năm 1999
THỪA ỦY QUYỀN CHỦ TỊCH UBND TỈNH.
KT. GIÁM ĐỐC

SỞ XÂY DỰNG

DANH SÁCH CÁC HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH HỢP THỨC HÓA XÂY DỰNG.

(Đính kèm giấy phép hợp thức hóa số : 193 /HTH-XD

Ngày 30 tháng 12 năm 1999)

****

1/. NHÀ XƯỞNG 1 :

- Phần nhà xây dựng vi phạm chỉ giới đường đỏ và chỉ giới xây dựng :

DTXD : (22m x 23m) = 506 m^2.

- Phần nhà xưởng còn lại hợp thức hóa xây dựng :

DTXD : (26m x 23m) = 598 m^2.

Nhà xưởng 1 xây dựng : Trệt, móng, đà bê tông cốt thép, cột thép, vì kèo thép, mái lợp tole sóng vuông. Nền láng Ciment. Nhà xây dựng cao 7,5 mét.

2/. NHÀ XƯỞNG 2 :

DTXD : (30,7m x 16m) = 491,2 m^2.

Nhà xây dựng : Trệt, móng, đà, cột bê tông cốt thép, vì kèo gỗ, đòn tay gỗ, mái lợp Fibrocimen. Nền láng Ciment. Nhà xây dựng cao 6 mét.

- TỔNG DIỆN TÍCH XÂY DỰNG :

TỔNG DTXD : 598 m^2 + 491,2 m^2 = 1089,2 m^2.

(Không kể phần diện tích nhà xưởng vi phạm chỉ giới đường đỏ và chỉ giới xây dựng).

****

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM. Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc.
Số: 3843/ QĐ-UB	Tân an, ngày 16 tháng 12 năm 1999.

QUYẾT ĐỊNH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

" V/v *phê chuẩn báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án xây dựng nhà máy sản xuất giấy và bao bì giấy của Công ty TNHH thương mại- sản xuất Trường Sơn*".

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 21/06/1994;

- Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường được Quốc hội Nước cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 27 tháng 12 năm 1993;

- Căn cứ Nghị định số 175/CP ngày 18 tháng 10 năm 1994 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường;

- Xét đơn xin thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Ông Nguyễn Văn Tam – chủ cơ sở " Dự án xây dựng nhà máy sản xuất giấy và bao bì giấy của Công ty TNHH thương mại - sản xuất Trường Sơn" vào ngày 10 tháng 11 năm 1999 và những nội dung bổ sung.

- Xét biên bản họp Hội đồng thẩm định báo đánh giá tác động môi trường của " Dự án xây dựng nhà máy sản xuất giấy và bao bì giấy của Công ty TNHH thương mại - sản xuất Trường Sơn" ngày 10 tháng 11 năm 1999.

QUYẾT ĐỊNH

Điều I: Phê chuẩn nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án xây dựng nhà máy sản xuất giấy và bao bì giấy của Công ty TNHH thương mại - sản xuất Trường Sơn toạ lạc tại Ấp 3, Nhà Thương, thị trấn Thủ Thừa, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An được Hội đồng thẩm định thông qua ngày 10 tháng 11 năm 1999 và những nội dung được bổ sung.

Điều II: Chủ cơ sở có trách nhiệm thực hiện đúng những nội dung đã được nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường và những yêu cầu đối với Chủ cơ sở kèm theo quyết định này.

Điều III: Báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ sở và những nội dung được bổ sung đã được phê chuẩn cùng những yêu cầu đối với Chủ cơ sở, là cơ sở để các cơ quan quản lý Nhà nước về môi trường kiểm tra việc thực hiện Bảo vệ môi trường của đơn vị.

Điều IV: Ủy nhiệm Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường theo dõi, giám sát việc thực hiện của đơn vị.

Nơi nhận:
- CT, PCT. UBND tỉnh.
- Chủ cơ sở; Sở Công nghiệp.
- Sở XD, Sở KH-ĐT, TT Y Tế Dự phòng.
- Sở LĐ-TBXH, Sở KH,CN & MT - Lưu VP
- Phòng Kinh tế huyện Thủ Thừa.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Thị Pha

NHỮNG YÊU CẦU ĐỐI VỚI CHỦ CƠ SỞ

Dự án xây dựng nhà máy sản xuất giấy và bao bì giấy của Công ty TNHH thương mại - sản xuất Trường Sơn, Huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

Kèm theo quyết định số: 3843 /QĐ-UB ngày 16/ 12 /1999 của UBND tỉnh.

1. Chủ Cơ sở cần phải thực hiện các công trình khống chế ô nhiễm như đã giải trình trong báo cáo, xử lý đạt tiêu chuẩn qui định (TCVN - 1995).

2. Tuân thủ Luật bảo vệ môi trường, Luật bảo vệ sức khoẻ nhân dân, Luật lao động, Luật dân sự, phòng cháy chữa cháy.

3. Định kỳ 3 tháng /lần, Chủ cơ sở phải tiến hành đo đạt các thông số: tiếng ồn, khí thải, nước thải, cập nhật và lưu trữ tại cơ sở và gởi báo cáo về Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường.

4. Các chất thải: Bụi, khí thải, nước thải, tiếng ồn, chất thải rắn phải được xử lý đạt tiêu chuẩn TCVN- 1995, riêng nước thải phải được xử lý đạt giới hạn loại A TCVN 5945 – 1995. Nếu mở rộng quy mô hoặc thay đổi phương án sản xuất, chủ Cơ sở phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường bổ sung và được thẩm định theo Luật định.

5. Khi thực hiện xong các công trình khống chế cơ sở phải thông báo cho Sở KH,CN & MT đến kiểm tra và cấp giấy xác nhận.

6. Sau khi hoàn chỉnh các công trình, thiết bị xử lý đạt yêu cầu và sau đó phải gởi đơn (theo phụ lục I thông tư 276/TT-MTg ngày 6/3/1997 của Bộ Khoa học, Công Nghệ và Môi trường hướng dẫn việc kiểm soát ô nhiễm đối với cơ sở sản xuất kinh doanh sau khi có quyết định phê chuẩn Báo cáo đánh giá tác động môi trường) để Sở KH,CN & MT tiến hành xem xét cấp giấy xác nhận kiểm soát ô nhiễm.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 3108 /QĐ-UBND	*Long An, ngày 04 tháng 9 năm 2013*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết của Nhà xưởng sản xuất các loại giấy xeo từ giấy tái chế, công suất 11.290 tấn sản phẩm/năm của Công ty TNHH TM - SX giấy và bao bì giấy Trường Sơn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 01/2012/TT-BTNMT ngày 16 tháng 3 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về lập, thẩm định, phê duyệt và kiểm tra, xác nhận việc thực hiện đề án bảo vệ môi trường chi tiết; lập và đăng ký đề án bảo vệ môi trường đơn giản;

Căn cứ Quyết định số 44/2009/QĐ-UBND ngày 11 tháng 8 năm 2009 của UBND tỉnh Long An về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Biên bản kiểm tra công tác bảo vệ môi trường của Nhà xưởng sản xuất các loại giấy xeo từ giấy tái chế, công suất 11.290 tấn sản phẩm/năm ngày 12 tháng 10 năm 2012;

Xét nội dung đề án bảo vệ môi trường chi tiết của Nhà xưởng sản xuất các loại giấy xeo từ giấy tái chế, công suất 11.290 tấn sản phẩm/năm đã được hoàn chỉnh gửi kèm văn bản số 0813/ĐA-BVMTTS ngày 7 tháng 8 năm 2013 của Công ty TNHH TM - SX giấy và bao bì giấy Trường Sơn;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại văn bản số 1035/STNMT-CCBVMT ngày 06 tháng 9 năm 2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết (sau đây gọi là Đề án) của Nhà xưởng sản xuất các loại giấy xeo từ giấy tái chế, công suất 11.290 tấn sản phẩm/năm (sau đây gọi là Cơ sở) được lập bởi **Công ty TNHH TM - SX giấy và bao bì giấy Trường Sơn** (sau đây gọi là Chủ cơ sở) với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Vị trí, quy mô/công suất hoạt động:

a) Cơ sở có vị trí tại ấp 3 Nhà Thương, thị trấn Thủ Thừa, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

b) Cơ sở có quy mô/công suất hoạt động: 11.290 tấn sản phẩm/năm.

2. Yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với cơ sở:

a) Thực hiện đúng và đầy đủ các giải pháp, biện pháp, cam kết về bảo vệ môi trường đã nêu trong đề án.

b) Phải đảm bảo các chất thải được xử lý đạt các tiêu chuẩn hiện đang còn bắt buộc áp dụng, các quy chuẩn kỹ thuật về môi trường hiện hành có liên quan trước khi thải ra môi trường.

c) Tuyệt đối không sử dụng các loại máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất và các vật liệu khác đã bị cấm sử dụng tại Việt Nam theo quy định của pháp luật hiện hành.

d) Trong thời hạn tối đa là **06 tháng** kể từ ngày ký Quyết định này phải hoàn thành việc xây dựng, thử nghiệm và nghiệm thu các biện pháp công trình bảo vệ môi trường; chỉ được phép đưa công trình bảo vệ môi trường vào hoạt động chính thức sau khi đã được cơ quan phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết này kiểm tra và cấp giấy xác nhận.

Điều 2. Trong quá trình thực hiện nếu nội dung hoạt động của cơ sở, nội dung của đề án có thay đổi, chủ cơ sở phải có văn bản báo cáo với UBND tỉnh Long An và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- CT, PCT.UBND tỉnh;
- Chủ dự án;
- Các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Xây dựng, Y tế;
- P.Cảnh sát PCTP về MT;
- UBND huyện Thủ Thừa;
- Phòng TNMT huyện Thủ Thừa;
- UBND thị trấn Thủ Thừa;
- Lưu: VT, STNMT,Nh.

DE AN – NHA MAY GIAY TRUONG SON

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Nguyên

BỘ CÔNG AN
CÔNG AN LONG AN
Số 55/PC23

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tân An ngày 13 tháng 12 năm 1999

GIẤY CHỨNG NHẬN

THỎA THUẬN VỀ THIẾT KẾ VÀ THIẾT BỊ PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY CÔNG TRÌNH

NHÀ MÁY SẢN XUẤT GIẤY VÀ BAO BÌ GIẤY.

- Căn cứ nghị định số 220/CP ngày 28-12-1961 của Hội đồng Chính phủ quy định nhiệm vụ, quyền hạn của lực lượng PCCC chuyên nghiệp.
- Căn cứ thông tư số 03-TTLB ngày 3-11-1989 của Liên bộ Nội vụ - Xây dựng quy định chế độ an toàn PCCC, phòng nổ trong xây dựng công trình.
- Căn cứ điều lệ về việc lập, thẩm tra, xét duyệt thiết kế các công trình xây dựng ban hành theo Nghị định số 237-HĐBT ngày 19-9-1985 của Hội đồng Bộ trưởng.

Trưởng phòng cảnh sát phòng cháy và chữa cháy Công an Tỉnh Long An

Thỏa thuận về thiết kế và thiết bị phòng cháy, chữa cháy và phòng nổ cho công trình:

NHÀ MÁY SẢN XUẤT GIẤY VÀ BAO BÌ GIẤY

thuộc Cty TNHH Thương mại sản xuất giấy và bao bì giấy Trường Sơn

Địa chỉ ấp 3 Nhà Thương, thị trấn Thủ Thừa, huyện Thủ Thừa, Long An

Theo các bản vẽ Họa đồ vị trí, Mặt bằng-Mặt chính, Mặt sau, mặt bên, Mặt cắt A-A, mặt cắt B-B, cấp nước chữa cháy, hệ thống chống s

và công văn số ..... ngày ..... tháng ..... năm 19 ..... của ông Nguyễn Văn Tam

Để đảm bảo an toàn về phòng cháy và chữa cháy cho công trình yêu cầu:

1) Lắp đặt hệ thống cấp nước chữa cháy, hệ thống chống sét theo đồ thiết kế được duyệt.

2) Trang bị phương tiện, dụng cụ chữa cháy chuyên dùng khác theo quy định.

Phòng cảnh sát PCCC sẽ cử cán bộ theo dõi việc thi công và làm thủ tục nghiệm thu về an toàn PCCC trước khi đưa công trình vào sử dụng.

Nơi nhận
- Cty TNHH thương mại SX giấy và BB giấy TS.
- Bộ Công An (C23) để báo cáo
- Lưu PC23

T/L GIÁM ĐỐC CÔNG AN TỈNH LONG AN
Trưởng phòng cảnh sát PCCC

THIẾU TÁ Nguyễn Văn Tâm

Mẫu số PC07

CÔNG AN TỈNH LONG AN
PHÒNG CS PCCC VÀ CNCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 56/TD-PCCC

GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số.....ngày 02 tháng 01 năm 2022 của: Công ty TNHH TM SX giấy và bao bì giấy Trường Sơn

Người đại diện theo pháp luật là ông/bà: ...Nguyễn Công Trường.....Chức vụ: .....Giám đốc.....

PHÒNG CẢNH SÁT PCCC VÀ CNCH

CHỨNG NHẬN:

Cải tạo, mở rộng nhà xưởng sản xuất giấy và bao bì giấy (diện tích: 9.133m^2).....

Địa điểm xây dựng/chế tạo/hoán cải: Ấp 3 Nhà Thương, thị trấn Thủ Thừa, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.....

Chủ đầu tư/chủ phương tiện: Công ty TNHH TM SX giấy và bao bì giấy Trường Sơn.....

Đơn vị tư vấn thiết kế: Công ty TNHH Kucons; Công ty TNHH XD và PCCC Phát Tài Lộc.....

Đã được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy các nội dung sau:

Quy mô công trình; Hạng sản xuất; Bậc chịu lửa; Lối thoát nạn;.....

Giao thông, Khoảng cách PCCC; Giải pháp ngăn cháy, chống cháy lan;.....

Hệ thống cấp nước chữa cháy bằng nước (họng vách tường, tự động Sprinkler);.....

Hệ thống báo cháy tự động; Hệ thống hút khói; Hệ thống chống sét;.....

Phương tiện chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn;.....

Bố trí hình chữa cháy;.....

Quy mô dự án/công trình/phương tiện và danh mục các tài liệu, bản vẽ được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy ghi tại trang 2/.

Long An, ngày 08 tháng 02 năm 2022

Nơi nhận:
- Công ty TNHH TM SX giấy và bao bì giấy Trường Sơn;
- C07;
- Lưu: PC07.

TRƯỞNG PHÒNG

Thượng tá Trương Văn Vũ

QUY MÔ DỰ ÁN/CÔNG TRÌNH/PHƯƠNG TIỆN VÀ DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ ĐƯỢC THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

(Kèm theo Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số: 116...../TD-PCCC ngày 08/02/2022 của Phòng CS PCCC và CNCH)

TT	Nội dung	Ghi chú
I	**QUY MÔ DỰ ÁN/CÔNG TRÌNH/PHƯƠNG TIỆN**	
01	- Công trình nhà máy sản xuất giấy và bao bì giấy gồm kho 1 (23m x 48m), kho 2 (16m x 30,7m) do Công ty TNHH TM SX giấy và bao bì giấy Trường Sơn làm chủ đầu tư đã được thẩm duyệt thiết kế về PCCC số 55/PC23 ngày 13/12/1999 và biên bản nghiệm thu về thiết kế và thiết bị phòng cháy chữa cháy số 85/BB.PC23 ngày 23/8/2001, nay chủ đầu tư cải tạo, mở rộng kho 1 (23m x 48m), kho 2 (16m x 30,7m) thành nhà xưởng sản xuất giấy và bao bì giấy (diện tích: 9.133m^2); - Công trình được xây dựng trên lô đất có diện tích 28.989m^2. - Các hạng mục công trình: + **Nhà xưởng:** 01 tầng, diện tích xây dựng: 9.133m^2.	
II	**DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ**	
01	Bản vẽ mặt bằng tổng thể	KT: 01/06 ÷ KT: 02/06
02	Bản vẽ kiến trúc Nhà xưởng sản xuất giấy và bao bì giấy (diện tích: 9.133m^2)	KT: 03/06 ÷ KT: 06/06
03	Bản vẽ các hệ thống chữa cháy bằng nước (họng vách tường, tự động Sprinkler); Hệ thống báo cháy tự động; Hệ thống hút khói; Bố trí bình chữa cháy; Đèn chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn; Hệ thống chống sét.	PCCC: 01/16 ÷ PCCC: 16/16

Lưu ý: *Thông tin tại Giấy chứng nhận này chỉ xác nhận bảo đảm các yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy, không có giá trị về quyền sử dụng đất và các chỉ tiêu về quy hoạch xây dựng./.*

CÔNG AN TỈNH LONG AN
PHÒNG CẢNH SÁT PCCC

Số 06.../BB.PC23

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tân An *ngày* 23 *tháng* 8 *năm* 2001

BIÊN BẢN NGHIỆM THU
VỀ THIẾT KẾ VÀ THIẾT BỊ PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY

Hồi .....10..... giờ ....00..... ngày ..23..... tháng ...8..... năm ...01.....
Chúng tôi gồm:
- Đại diện Phòng Cảnh sát PCCC
1) Đại úy ... Trương văn Vủ ... CB kiểm tra phòng CS PCCC .....
.....
.....
- Đại diện CTY TNHH thương mại sản xuất giấy và bao bì giấy Trường S
Ông ... Nguyễn văn Tam ... Giám đốc .....
.....
Tiến hành nghiệm thu về thiết kế và thiết bị PCCC công trình Nhà máy sản xuất giấy và bao bì giấy .....
thuộc CTY TNHH thương mại sản xuất giấy và bao bì giấy Trường Sơn
tại Ấp nhà Thương, Thị trấn Thủ Thừa, Huyện Thủ Thừa, Tỉnh Long An.
Căn cứ văn bản thỏa thuận thiết kế và thiết bị PCCC số 55/PC23
ngày 13.... tháng 12..... năm 2000..... của Phòng Cảnh sát PCCC Công an tỉnh Long An và hồ sơ công trình do Văn phòng tư vấn thiết kế kiến trúc Hội kiến trúc sư Long An ... lập .....
Chúng tôi có ý kiến:
1) Đã xây dựng các hạng mục công trình theo thiết kế đã được duyệ
2) Có trang bị phương tiện dụng cụ chữa cháy .....
.....
.....
.....
Phòng Cảnh sát PCCC Công an tỉnh Long An nghiệm thu về thiết kế và thiết bị PCCC công trình Nhà máy sản xuất giấy và bao bì giấy đủ điều kiện .....
..... đi vào hoạt động.
Biên bản kết thúc lúc 10..... giờ 20... ngày 23.. tháng 8..... năm 2001
Có đọc lại và cùng thống nhất nội dung trên.

CTY TNHH TM SX giấy và bao bì giấy Trường Sơn.

TRƯỞNG PHÒNG CẢNH SÁT PCCC

THƯỢNG TÁ Nguyễn Tấn Tài

Mẫu PC 1

CÔNG AN TỈNH LONG AN
PHÒNG CS PCCC VÀ CNCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN KIỂM TRA
VỀ PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY, CỨU NẠN, CỨU HỘ

Hồi 14 giờ 00 phút, ngày 05 tháng 12 năm 2022 Tại: Công ty TNHH SX TM giấy và bao bì giấy Trường Sơn

Địa chỉ: Ấp 3, Nhà Thương, thị trấn Thủ Thừa, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

Chúng tôi gồm:

Đại diện Đội công tác phòng cháy thuộc Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH

- Ông: Nguyễn Bảo Phúc - Chức vụ: Phó đội trưởng;

Đã tiến hành kiểm tra về phòng cháy và chữa cháy đối với công trình: Nhà xưởng sản xuất thuộc công ty SX TM giấy và bao bì giấy Trường Sơn.

Đại diện Công ty TNHH SX TM giấy và bao bì giấy Trường Sơn.

- Ông Nguyễn Công Trường - Chức vụ: Giám đốc;

Thực hiện kế hoạch số 653/KH-CAT-PC07, ngày 12/10/2022 của Công an tỉnh về Tổng rà soát, kiểm tra an toàn về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trên phạm vi toàn tỉnh. Đội công tác phòng cháy thuộc Phòng cảnh sát PCCC và CNCH tiến hành kiểm tra đối với Công ty TNHH SX TM giấy và bao bì giấy Trường Sơn

Tình hình và kết quả kiểm tra như sau:

I. Phần trình bày của cơ sở

Các giấy tờ liên quan đến quá trình hoạt động và các giấy phép liên quan đến PCCC:

- Cơ sở hoạt động trên lĩnh vực sản xuất giấy cuộn theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên mã số doanh nghiệp: 1100411598 đăng ký lần đầu: ngày 16/9/1999 và Đăng ký thay đổi lần thứ 2, ngày 03/8/2020.

- Công ty cấp giấy chứng nhận thỏa thuận về thiết kế và thiết bị phòng cháy chữa cháy số 55/PC23 ngày 13/12/1999, biên bản nghiệm thu về thiết kế và thiết bị phòng cháy chữa cháy số 85/BB.PC23 ngày 29/8/2001 do Phòng cảnh sát PCCC – Công an tỉnh Long An cấp

Về thành phần hồ sơ quản lý công tác PCCC:

- Cơ sở có lập hồ sơ quản lý, theo dõi về PCCC đảm bảo theo quy định tại điều 4, điều 5 Thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an. Hồ sơ quản lý theo dõi về CNCH bảo đảm theo quy định tại Điều 9, thông tư 08/2018/TT-BCA.

- Ban hành nội quy và biện pháp PCCC và CNCH; Thành lập Đội PCCC cơ sở gồm 50 thành viên; thường xuyên bổ sung, cập nhật,

- Phương án chữa cháy, CNCH có xây dựng và được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo đúng quy định

- Có duy trì chế độ tự kiểm tra an toàn PCCC tại cơ sở

- Có duy trì chế độ bảo trì, bảo dưỡng phương tiện PCCC và CNCH;

- Có thực hiện nghiêm túc chế độ huấn luyện nghiệp vụ PCCC,

- Có tổ chức thực tập phương án chữa cháy, phương án cứu nạn, cứu hộ theo quy định

- Có duy trình chế độ báo cáo công tác PCCC và CNCH định kỳ 6 tháng của cơ sở gửi báo về cơ quan Công an quản lý trực tiếp.

- Các hạng mục công trình đã xây dựng và đưa vào hoạt động gồm:

Công ty hoạt động trên khu đất có diện tích khoảng 28.000m^2 gồm hạng mục công trình sau:

Nhà xưởng sản xuất diện tích 9.133m^2, kết cấu công trình khung thép, phía trên ốp tole xung quanh cao đến mái.

Bên trong nhà xưởng lắp đặt dây chuyền sản xuất: nguyên liệu giấy (giấy vụn, phế liệu) → làm sạch sơ bộ → nghiền thủy lực → lọc cát → hồ quậy → máy xeo giấy → cắt cuộn – Bán thành phẩm; Công trình bố trí các lối thoát nạn đảm bảo theo quy định. Hiện tại, số lượng công nhân khoảng 100 người làm việc giờ hành chính.

II. Kiểm tra thực tế

1. Kiểm tra trách nhiệm của người đứng đầu cơ sở trong việc chấp hành pháp luật về PCCC và CNCH

11.1 Cơ sở có xây dựng kế hoạch tuyên truyền, phổ biến kiến thức pháp luật về PCCC và CNCH.

- Cơ sở có xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động phong trào toàn dân tham gia PCCC và CNCH;

- Cơ sở có lập sổ theo dõi và cập nhật tổ chức tuyên truyền, xây dựng phong trào.

1.2. Cơ sở có ban hành quyết định thành lập đội PCCC và CNCH cơ sở gồm 15 thành viên; quyết định ban hành quy chế hoạt động đội PCCC và CNCH và quy định về phân công chức trách, nhiệm vụ PCCC và CNCH.

- Cơ sở có duy trì hoạt động và các điều kiện cần thiết cho hoạt động của đội PCCC cơ sở,

- Trang bị phương tiện, thiết bị PCCC cho đội PCCC và CNCH gồm: Bình chữa cháy xách tay, búa tạ, kiềm cộng lực;

- Có thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng và trang bị phương tiện PCCC, CNCH cho cơ sở theo quy định.

- Cơ sở có cập nhật, thống kê phương tiện, thiết bị PCCC, CNCH cho đội PCCC và cho cơ sở vào sổ theo dõi.

1.3. Cơ sở có ban hành nội quy và biện pháp về PCCC, CNCH

- Có niêm yết nội quy an toàn, sơ đồ chỉ dẫn, biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC, CNCH tại những nơi dễ thấy để mọi người trong cơ sở biết và chấp hành theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 149/2020/TT-BCA.

1.4. Có xây dựng kế hoạch tự kiểm tra an toàn về PCCC và CNCH của cơ sở trong phạm vi quản lý;

- Có thường xuyên duy trì chế độ tự kiểm tra an toàn PCCC tại cơ sở hàng tháng và ghi nhận kết quả kiểm tra thông qua sổ (biên bản kiểm tra) và tổ chức thống kê,

- Có báo cáo định kỳ 06 tháng về tình hình phòng cháy, chữa cháy và Cứu nạn, cứu hộ cho cơ quan Công an quản lý trực tiếp.

- Có thực hiện cập nhật kết quả kiểm tra, báo cáo, biên bản kiểm tra, văn bản kiến nghị về công tác PCCC, biên bản vi phạm, quyết định xử lý vi phạm hành chính về PCCC.

1.5. Xây dựng, thực tập phương án chữa cháy; phương án CNCH

- Cơ sở có xây dựng phương án chữa cháy cơ sở (mẫu PC17) và được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định Điều 19 của Nghị định 136/2020/NĐ-CP

- Cơ sở có tổ chức phương án chữa cháy cơ sở (mẫu PC17) theo quy định khoảng 1, điều 10, thông tư 149/2020/TT-BCA.

- Cơ sở có gửi kế hoạch, báo cáo kết quả tổ chức thực tập phương án chữa cháy đến cơ quan Công an quản lý trực tiếp theo quy định Điểm d, khoản 10, điều19 nghị định 136/2020/NĐ-CP

- Cơ sở có xây dựng phương án cứu nạn, cứu hộ (mẫu số 04) và được Chủ đầu tư phê duyệt theo quy định khoản 6, điều 9, nghị định 83/2017/NĐ-CP.

- Cơ sở có tổ chức phương án CNCH cơ sở (mẫu số 04) theo quy định khoản 6, điều 9, nghị định 83/2017/NĐ-CP.

- Cơ sở có gửi kế hoạch, báo cáo kết quả tổ chức thực tập phương án CNCH đến cơ quan Công an quản lý trực tiếp theo quy định khoản 3, Điều 9, Nghị định 83/2017/NĐ-CP

1.6 Có xây dựng kế hoạch tổ chức huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC, CNCH cho lực lượng PCCC và CNCH cơ sở.

1.7. Kiểm tra điện trở nối đất chống sét: cơ sở có tổ chức kiểm tra điện trở nối đất hệ thống chống sét định kỳ hàng năm

1.8. Cơ sở đã tham gia mua bảo hiểm cháy nổ theo quy định

2. Kiểm tra điều kiện an toàn về PCCC và CNCH đối với cơ sở

2.1. Các hạng mục công trình: được duy trì theo thiết kế đã được chấp thuận và nghiệm thu. Tại thời điểm kiểm tra nhà xưởng và kho chứa hàng thành phẩm tạm ngưng hoạt động, hàng hóa bên trong không có.

2.2. Công ty có cung cấp bản vẽ tổng mặt bằng thể hiện giao thông, nguồn nước phục vụ chữa cháy.

2.3. Kiểm tra việc duy trì giao thông, nguồn nước, khoảng cách an toàn về PCCC

- Tại thời điểm kiểm tra đường giao thông dành cho chữa cháy: đảm bảo.

- Khoảng cách an toàn PCCC giữa các hạng mục công trình được duy trì đảm bảo tại thời điểm kiểm tra.

- Nguồn nước bên trong cơ sở: Cách 50m phía trước công ty là Kênh Thủ Thừa, lượng nước dồi dào quanh năm.

2.4. Kiểm tra mặt bằng, công năng sử dụng trong quá trình hoạt động của các hạng mục nhà:

Tại thời điểm tra, các hạng mục công trình bố trí công năng sử dụng hoạt động sản xuất giấy cuộn

2.5. Giải pháp ngăn cháy, chống cháy lan:

+ Kiểm tra việc bố trí, sắp xếp hàng hóa, nguyên phụ liệu trong các khu vực nhà xưởng: Tại thời điểm kiểm tra hàng hóa và các thiết bị máy móc được bố trí theo sơ đồ bố trí của cơ sở.

+ Hàng nguyên liệu phục vụ vừa đủ cho sản xuất không bố trí tập kết nhiều bên trong gây cản trở đường, lối thoát nạn.

+ Các hệ thống, thiết bị máy móc phục vụ sản xuất hoạt động bình thường tại thời điểm kiểm tra không có dấu hiệu chạm chập hay quá tải.

2.6. Giải pháp thoát nạn

- Tại thời điểm kiểm tra hoạt động của đèn chỉ dẫn lối thoát nạn: đảm bảo tại thời điểm kiểm tra.

2.7. Kiểm tra an toàn PCCC đối với hệ thống điện

- Tại thời điểm kiểm tra các hệ thống điện bảo vệ, điện sinh hoạt, kinh doanh sản xuất, điện phục vụ thoát nạn và chữa cháy, các thiết bị bảo vệ (cầu dao, aptômát), các thiết bị bảo vệ tự động tại đầu vào của các mạng điện, các mạch điện dự phòng, chiếu sáng sinh hoạt và sự cố hoạt động bình thường, không có dấu hiệu chạm chập.

2.8. Kiểm tra duy trì trang bị, hoạt động của hệ thống chữa cháy

* Phương tiện chữa cháy (02 máy bơm chữa cháy (01 động cơ xăng và 01 động cơ diesel) và các lăng và cuộn vòi kèm theo). Tại thời điểm kiểm tra hoạt động bình thường

2.9.Trong công ty có trang bị các loại bình chữa cháy gồm: Bình chữa cháy trang bị gồm 35 bình các loại.

2.10. Cơ sở có trang bị dụng cụ phá dỡ thông thường (cuốc, xẻng, phuy cát, xà beng, kềm cộng lực, búa tạ...): đảm bảo.

2.11. Ban lãnh đạo công ty có phân công trực bảo vệ và chữa cháy, hệ thống thông tin liên lạc phục vụ PCCC tại cơ sở đảm bảo.

III. Kết luận

Công ty TNHH SX TM giấy và bao bì giấy Trường Sơn có thực hiện theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn và các quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy đối với công trình nhà văn phòng và các nhà xưởng của công ty theo quy định.

IV. Ý kiến của cơ sở:

Tôi Nguyễn Công Trường - Chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH SX TM giấy và bao bì giấy Trường Sơn đồng ý với các nội dung tại biên bản kiểm tra và chấp

hành đúng các quy định của pháp luật về công tác đảm bảo an toàn PCCC trong quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh. Đồng thời thông báo đến Phòng cảnh sát PCCC và CNCH khi công ty hoạt động trở lại để tiếp tục nắm và quản lý theo quy định.

Biên bản được lập xong hồi 15 giờ 30 phút, cùng ngày gồm 04 trang được lập thành 02 bản, mỗi bên liên quan giữ 01 bản, đã đọc lại cho mọi người cùng nghe, công nhận và nhất trí ký tên dưới đây.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ	ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ LIÊN QUAN	ĐẠI DIỆN ĐOÀN KIỂM TRA
Nguyễn Công Trường		Nguyễn Bảo Phúc

Mẫu PC10
Ban hành kèm theo Nghị định số 136/2020/NĐ-CP, ngày 24/11/2020

CÔNG AN TỈNH LONG AN
PHÒNG CS PCCC VÀ CNCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN KIỂM TRA
VỀ PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY, CỨU NẠN, CỨU HỘ

Hồi 15 giờ 00 phút ngày 22 tháng 01 năm 2024 tại Công ty TNHH SX TM Giấy và bao bì giấy Trường Sơn.

Địa chỉ: Ấp 3 Nhà Thương, thị trấn Thủ Thừa, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

Chúng tôi gồm:

*** Đại diện Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an tỉnh Long An**

- Ông: Trần Nhân; Chức vụ: Cán bộ đội công tác phòng cháy.

Đã tiến hành kiểm tra an toàn về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ đối với Công ty TNHH SX TM Giấy và bao bì giấy Trường Sơn.

*** Đại diện Công ty TNHH SX TM Giấy và bao bì giấy Trường Sơn**

- Ông: Nguyễn Công Trường; Chức vụ: Giám đốc.

Thực hiện kế hoạch số 1462/KH-CAT-PC07, ngày 11/12/2023 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH Công an tỉnh Long An, đảm bảo an toàn PCCC và CNCH bảo vệ Tết Nguyên đán Giáp Thìn năm 2024, Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH đã tiến hành kiểm tra đối với Công ty TNHH SX TM Giấy và bao bì giấy Trường Sơn.

Tình hình và kết quả kiểm tra như sau:

I. PHẦN TRÌNH BÀY CỦA CƠ SỞ

- Người đại diện pháp luật: Nguyễn Công Trường
- Ngành nghề: Xạ cơ giấy cuộn.
- Lĩnh vực: Công nghiệp nhẹ.
- Vốn đầu tư: 100% tư nhân trong nước.
- Công ty TNHH SX TM Giấy và bao bì giấy Trường Sơn hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên; Mã số doanh nghiệp: 1100111598; Đăng ký lần đầu, ngày 16/09/1999; Đăng ký thay đổi lần thứ 9, ngày 23/02/2022 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Long An.
- Cơ sở hiện tại đang tạm ngưng hoạt động, nhà xưởng sản xuất để trống, không chất chứa hàng hóa, vật tư.
- Tại mọi thời điểm trong ngày, cơ sở luôn luôn có 02 bảo vệ bảo vệ trực tại chốt trong cơ sở.

Các giấy tờ liên quan đến quá trình hoạt động và các giấy phép liên quan đến PCCC:

- Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy, văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu hệ thống phòng cháy chữa cháy và các biên bản kiểm tra nghiệm thu kèm theo.
- Biên bản làm việc, biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực PCCC và quyết định xử phạt vi phạm hành chính về lĩnh vực PCCC, công văn kiến nghị về việc thực hiện các quy định về PCCC được lưu trữ trong hồ sơ theo dõi, quản lý PCCC.

Về thành phần hồ sơ quản lý công tác PCCC

- Công ty đã lập hồ sơ quản lý, theo dõi về PCCC theo quy định tại điều 4 Thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an.

- Người đứng đầu cơ sở đã ban hành nội quy và biện pháp PCCC, CNCH theo quy định tại điều 5 Thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an; thành lập Đội PCCC cơ sở gồm 15 đội viên; có tổ chức tập huấn, huấn luyện nghiệp vụ PCCC cho lực lượng PCCC cơ sở và đã được cấp giấy chứng nhận theo quy định.

- Cơ sở đã xây dựng phương án chữa cháy, CNCH theo mẫu PC17; có tổ chức tự kiểm tra an toàn PCCC tại cơ sở và bảo trì, bảo dưỡng phương tiện PCCC và CNCH.

Các hạng mục công trình đã xây dựng và đưa vào hoạt động gồm:

Công ty TNHH SX TM Giấy và bao bì giấy Trường Sơn được xây dựng trên khu đất có diện tích khoảng 28000 m^2.

- Nhà xưởng sản xuất: 01 tầng, diện tích xây dựng khoảng 6135 m^2. Kết cấu: công trình khung thép, phía trên ốp tole xung quanh cao đến mái. Đã được cấp Giấy chứng nhận thỏa thuận về thiết kế và thiết bị phòng cháy chữa cháy số 55/PC23 ngày 13/12/1999; Biên bản nghiệm thu về thiết kế và thiết bị phòng cháy chữa cháy số 85/BB.PC23 ngày 29/8/2001 do Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH Công an tỉnh Long An. Bố trí dùng để: Nhập nguyên liệu (giấy vụn, phế liệu) → làm sạch sơ bộ → nghiền thủy lực → lọc cát → hồ quậy → máy xeo giấy → cắt cuộn → đóng thành phẩm.

II. NỘI DUNG KIỂM TRA

1. Kiểm tra trách nhiệm của người đứng đầu cơ sở trong việc chấp hành pháp luật về PCCC và CNCH

1.1. Cơ sở đã xây dựng kế hoạch tuyên truyền, phổ biến kiến thức pháp luật về PCCC và CNCH tại cơ sở và kế hoạch tổ chức các hoạt động phong trào toàn dân tham gia PCCC và CNCH; lập sổ theo dõi và cập nhật tổ chức tuyên truyền, xây dựng phong trào.

1.2. Cơ sở đã ban hành quyết định thành lập đội PCCC cơ sở 15 thành viên; quyết định ban hành quy chế hoạt động đội PCCC và quy định về phân công chức trách, nhiệm vụ PCCC và CNCH.

- Cơ sở luôn duy trì hoạt động và các điều kiện cần thiết cho hoạt động của đội PCCC cơ sở, trang bị phương tiện, thiết bị PCCC cho đội PCCC, thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng và trang bị phương tiện PCCC, CNCH cho cơ sở theo quy định.

- Cơ sở thường xuyên cập nhật, thống kê phương tiện, thiết bị PCCC, CNCH cho đội PCCC vào sổ theo dõi.

1.3. Cơ sở đã ban hành nội quy và biện pháp về PCCC, CNCH theo đúng quy định của pháp luật và đã niêm yết nội quy an toàn, sơ đồ chỉ dẫn; biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC, CNCH trên đường, lối thoát nạn và những nơi dễ thấy để mọi người trong cơ sở biết và chấp hành theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 149/2020/TT-BCA và Điều 8 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP; Điều 5 Thông tư số 08/2018/TT-BCA.

1.4. Cơ sở đã xây dựng kế hoạch kiểm tra an toàn về PCCC và CNCH của cơ sở trong phạm vi quản lý; duy trì chế độ tự kiểm tra an toàn PCCC tại cơ sở theo định kỳ và ghi nhận kết quả kiểm tra thông qua sổ kiểm tra.

- Người đứng đầu cơ sở có nắm bắt kết quả tự kiểm tra về PCCC và CNCH của cơ sở; có báo cáo kết quả kiểm tra an toàn về PCCC và CNCH định kỳ 06 tháng gửi về Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH.

- Kết quả kiểm tra, báo cáo, biên bản kiểm tra, văn bản kiến nghị, biên bản vi phạm hành chính về công tác PCCC được lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC và CNCH.

1.5. Xây dựng, thực tập phương án chữa cháy, phương án cứu nạn, cứu hộ.

- Cơ sở đã xây dựng phương án chữa cháy của cơ sở (mẫu số PC17) theo quy định tại Điều 19 của Nghị định 136/2020/NĐ-CP; đã xây dựng phương án cứu nạn cứu hộ của cơ sở (mẫu số 01) ban hành kèm theo Nghị định 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017.

- Cơ sở đã tổ chức thực tập phương án chữa cháy, phương án cứu nạn, cứu hộ năm 2023 theo đúng quy định tại Điều 19 của Nghị định 136/2020/NĐ-CP; Điều 9 của Nghị định số 83/2017/NĐ-CP. Cơ sở đã xây dựng kế hoạch tổ chức thực tập phương án chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ năm 2024.

1.6. Cơ sở xây dựng kế hoạch tổ chức huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC, CNCH cho 15 đội viên. Cơ sở đã cập nhật công tác huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC [illegible]

1.7. Kiểm tra điện trở nối đất chống sét: Cơ sở đã tổ chức kiểm tra điện trở nối đất hệ thống chống sét định kỳ hàng năm. Kết quả đo: R_{xung}= 1,1Ω (Đạt yêu cầu).

2. Kiểm tra điều kiện an toàn về PCCC và CNCH đối với cơ sở

2.1. Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế và văn bản thẩm duyệt thiết kế (nếu có) và văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu về PCCC của cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy [illegible] thuộc danh mục quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

- Biên bản chấp thuận về thiết kế và thiết bị phòng cháy chữa cháy số 55/PC23 ngày 13/12/1999; Biên bản nghiệm thu về thiết kế và thiết bị phòng cháy chữa cháy số 85/183/PC23 ngày 29/8/2001 do Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH Công an tỉnh Long An cấp.

- [illegible] phòng cháy và chữa cháy số 56/TD-PCCC ngày 08/02/24.

2.2. Kiểm tra việc [illegible] thể hiện giao thông, nguồn nước phục vụ chữa cháy, bố trí công năng của các hạng mục, dây chuyền công nghệ trong cơ sở đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt: Cơ sở có lưu hồ sơ theo quy định.

2.3. Kiểm tra việc duy trì giao thông, nguồn nước, khoảng cách an toàn về PCCC. Tại thời [illegible]

- [illegible] giao thông dành cho xe chữa cháy đảm bảo chiều cao thông thủy [illegible] và chiều rộng thông thủy > 3,5m đảm bảo cho xe chữa cháy và các phương tiện có thể tiếp cận và triển khai được.

- Giao thông bên ngoài cơ sở: Lối vào đến cơ sở có chiều rộng ≥ 3,5m và chiều cao thông thủy [illegible] đảm bảo cho xe chữa cháy và các phương tiện có thể tiếp cận và [illegible] được.

- [illegible] các hạng mục công trình đảm bảo theo bản vẽ thẩm duyệt [illegible] về PCCC [illegible]

- Nguồn nước bên trong cơ sở: Bên trong cơ sở có bể nước ngầm khối tích V 300 m^3 đảm bảo trữ lượng nước, thời gian phục vụ nước [illegible] tác chữa cháy tại cơ sở và đảm bảo xe chữa cháy, máy bơm chữa cháy [illegible] xảy ra sự cố.

- Nguồn nước bên ngoài cơ sở: Cách cơ sở [illegible] có 01 [illegible] lớn thừa với trữ lượng nước lớn đảm bảo cho xe và máy bơm chữa cháy tiếp cận lấy nước được.

2.4. Kiểm tra mặt bằng, công năng sử dụng trong quá trình hoạt động của các hạng mục nhà.

- Tại thời điểm kiểm tra, nhà xưởng sản xuất [illegible] không chất chứa hàng hóa, vật tư.

2.5. Giải pháp ngăn cháy, chống cháy lan. Tại thời điểm kiểm tra:

- Diện tích sàn, vùng ngăn cháy, diện tích khoang cháy giữa các tường ngăn cháy theo quy định.

- Cơ sở sắp xếp, bảo quản vật tư, hàng hóa và các chất có nguy hiểm cháy, nổ đảm bảo khoảng cách đối với tường, vách nhà, bảng điện, đặc điểm đèn, [illegible] nguồn lửa, nguồn nhiệt.

2.6. Giải pháp thoát nạn. Tại thời điểm kiểm tra:

- Số lối thoát nạn và chiều rộng thông thuỷ, chiều cao thông thủy của lối thoát nạn đảm bảo theo đúng thẩm duyệt, thiết kế ban đầu.

- Cơ sở không bố trí vật tư, hàng hóa che chắn và làm cản trở các lối thoát nạn.

- Hoạt động của đèn chỉ dẫn thoát nạn, trang bị [illegible] sự cố, biển báo, biển chỉ dẫn trên lối thoát nạn cho các hạng mục công trình được [illegible] đảm bảo theo thiết kế đã được thẩm duyệt và nghiệm thu.

2.7. Kiểm tra an toàn PCCC đối với hệ thống điện. Tại thời điểm kiểm tra:

- Các hệ thống điện bảo vệ, điện sinh hoạt, điện phục vụ thoát nạn và chữa cháy, các thiết bị bảo vệ (cầu dao, aptômát), các thiết bị bảo vệ tự động tại đầu vào của các mạng điện, các mạch điện dự phòng, chiếu sáng sinh hoạt [illegible] hoạt động bình thường, không có dấu hiệu chạm chập.

- Nguồn điện chính và nguồn điện dự phòng cho máy bơm chữa cháy, cách đấu, mắc đảm bảo cho bơm hoạt động khi cắt điện tại cầu dao tổng đảm bảo theo quy định.

2.8. Kiểm tra duy trì trang bị, hoạt động của hệ thống chữa cháy. Tại thời điểm kiểm tra:

- Tại cơ sở có trang bị 03 bơm chữa cháy *01 máy bơm điện: Q = 87 - 30 m^3/h, H = 40-100mcn, P = 33,1kW, 01 máy bơm chữa cháy động cơ [illegible] Q = 87 - 30 m^3/h, H = 40-100mcn, P = 33,1kW* [illegible] hoạt động bình thường.

- Thử nghiệm khả năng hoạt động của 02 bơm chữa cháy, áp lực tại họng nước chữa cháy ≥ 6m đảm bảo yêu cầu phục vụ công tác chữa cháy.

2.9. Tại thời điểm kiểm tra: Cơ sở có trang bị 34 bình chữa cháy các loại (04 bình MT, 30 bình MFZL8) được bố trí và phân tán theo đúng quy định điều 5.1 TCVN 3890:2023, các bình chữa cháy được gắn tem kiểm tra, các [illegible] nguyên vẹn và áp suất bên trong bình đảm bảo.

2.10. Tại thời điểm kiểm tra: Cơ sở có trang bị dụng cụ phá dỡ thô sơ (rìu cứu nạn, xà beng, búa tạ, kìm cộng lực…) theo quy định tại tại điều 5.6.1.1 và 5.6.1.2 TCVN 3890:2023, các dụng cụ phá dỡ thô sơ hoạt động đảm bảo.

2.11. Tại thời điểm kiểm tra: Cơ sở có phân công trực bảo vệ và chữa cháy, hệ thống thông tin liên lạc phục vụ PCCC tại cơ sở đảm bảo.

III. KẾT QUẢ KIỂM TRA THỰC TẾ

1. Nội dung:

Tại thời điểm kiểm tra, Công ty TNHH SX TM Giấy và bao bì giấy Trường Sơn có thực hiện theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn và các quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy đối với từng hạng mục công trình trong cơ sở; người đứng đầu cơ sở có thực hiện trách nhiệm của người đứng đầu cơ sở trong việc chấp hành pháp luật về PCCC [illegible] các điều kiện an toàn về PCCC và CNCH đối với cơ sở theo quy định tại Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

2. Kiến nghị:

Để đảm bảo an toàn PCCC, đoàn kiểm tra yêu cầu cơ sở liên hệ với các cơ quan chuyên môn về điện để bảo trì bảo dưỡng hệ thống điện bên trong cơ sở.

IV. Ý KIẾN CỦA CƠ SỞ:

Tôi [illegible] - Chức vụ: Giám đốc cam kết sẽ chấp hành đúng các quy định [illegible] đảm bảo an toàn PCCC và CNCH trong suốt quá trình hoạt động, [illegible] thực hiện đúng quy trình, quy định về bảo trì, bảo dưỡng, vận hành sử dụng và sửa chữa thay thế để duy trì liên tục chế độ hoạt động của các hệ thống, thiết bị PCCC. Chỉ đưa hạng mục công trình Nhà xưởng sản xuất vào hoạt động khi đã hoàn thiện các điều kiện nghiệm thu về PCCC theo đúng quy định. Nếu cơ sở cố tình đưa [illegible] vào hoạt động mà để xảy ra cháy, nổ thì người đại diện [illegible] toàn chịu trách nhiệm về mặt pháp luật. Tiến hành đề nghị các [illegible] thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng để đảm bảo an toàn về điện trong suốt quá trình kinh doanh, hoạt động, sản xuất.

Biên bản được lập xong hồi 17 giờ 00 phút, ngày 22 tháng 01 năm 2024 gồm 05 trang được lập thành [illegible] mỗi bên liên quan giữ 01 bản, đã đọc lại cho mọi người cùng nghe và [illegible] ký tên dưới đây./.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ	ĐẠI DIỆN ĐOÀN LIÊN QUAN	ĐẠI DIỆN ĐOÀN KIỂM TRA
CÔNG TY TNHH TM-SX GIẤY VÀ BAO BÌ GIẤY TRƯỜNG SƠN		
Nguyễn Công Trường		Trần Nhàn

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỔNG CỤC MÔI TRƯỜNG

Số: 328 /QĐ-XPVPHC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 30 tháng 9 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH
Xử phạt vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường

Căn cứ Điều 46, Điều 57 và Điều 68 Luật xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 179/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;

Căn cứ Biên bản vi phạm hành chính số 07/BB-VPHC do ông Lương Duy Hạnh, Cục trưởng Cục Kiểm soát hoạt động bảo vệ môi trường, Trưởng đoàn thanh tra theo Quyết định số 639/QĐ-TCMT ngày 20 tháng 5 năm 2015 của Tổng cục trưởng Tổng cục Môi trường về việc thanh tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường và bảo tồn đa dạng sinh học trên địa bàn các tỉnh Bình Dương, Đắk Nông, Long An, Tây Ninh, Hà Nam và thành phố Hà Nội, lập vào hồi 10 giờ 15 phút ngày 23 tháng 9 năm 2015 tại trụ sở Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An;

Căn cứ kết quả xác minh và các tài liệu có trong hồ sơ;

Tôi: Nguyễn Văn Tài; Chức vụ: Tổng cục trưởng;

Đơn vị: Tổng cục Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường đối với Công ty TNHH Thương mại Sản xuất giấy và bao bì Trường Sơn (sau đây viết tắt là Công ty).

Lĩnh vực hoạt động chính: Sản xuất giấy.

Địa chỉ: Ấp 3 Nhà Thương, thị trấn Thủ Thừa, huyện Thủ thừa, tỉnh Long An

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1100411598 cấp thay đổi lần 3 ngày 29 tháng 01 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An.

Đã thực hiện hành vi vi phạm hành chính sau:

Không có văn bản báo cáo cơ quan đã phê duyệt đề án bảo vệ môi trường về việc hoàn thành các biện pháp bảo vệ môi trường theo quy định, quy định tại Điểm a, Khoản 2 Điều 11 của Nghị định số 179/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

Hình thức xử phạt chính: Phạt tiền 15.000.000 đồng (Mười năm triệu đồng).

Biện pháp khắc phục hậu quả cho hành vi vi phạm: Buộc Công ty phải khắc phục hành vi vi phạm hành chính nêu trên theo quy định.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Quyết định này được gửi cho:

1. Công ty TNHH Thương mại Sản xuất giấy và bao bì Trường Sơn để chấp hành Quyết định xử phạt. Trường hợp Công ty không chấp hành sẽ bị cưỡng chế thi hành.

Công ty phải nộp tiền phạt vào Kho bạc Nhà nước, Tài khoản số: 7111 (Thu ngân sách nhà nước); mã số chương: 026 (Bộ Tài nguyên và Môi trường); mã số ngành kinh tế: 280 (Hoạt động bảo vệ môi trường); mã số nội dung kinh tế: 4261 (Vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường) trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định xử phạt.

Sau khi chấp hành nộp tiền phạt, Công ty phải gửi chứng từ về Tổng cục Môi trường, địa chỉ: Số 10 Tôn Thất Thuyết, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Công ty có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện hành chính đối với Quyết định này theo quy định của pháp luật.

2. Kho bạc Nhà nước tỉnh Long An để thu tiền phạt.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An để giám sát.

4. Cục Kiểm soát hoạt động bảo vệ môi trường để tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, KSMT, VTH(08).

TỔNG CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Văn Tài

TỔNG CỤC MÔI TRƯỜNG
ĐOÀN THANH TRA
Theo Quyết định số 999/QĐ-TCMT ngày 07/9/2017 và số 1157/QĐ-TCMT ngày 02/10/2017

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Long An, ngày 18 tháng 10 năm 2017

BIÊN BẢN THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Thực hiện Quyết định số 999/QĐ-TCMT ngày 07 tháng 9 năm 2017 của Tổng Cục trưởng Tổng cục Môi trường về việc thanh tra chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa và tỉnh Long An; Quyết định số 1026/QĐ-TCMT ngày 12 tháng 9 năm 2017 về việc trưng cầu giám định và Quyết định số 1157/QĐ-TCMT ngày 02 tháng 10 năm 2017 của Tổng Cục trưởng Tổng cục Môi trường về việc thay đổi Trưởng đoàn thanh tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa và tỉnh Long An, hôm nay vào hồi 13 giờ 30 phút ngày 18 tháng 10 năm 2017, Đoàn thanh tra bắt đầu tiến hành thanh tra công tác bảo vệ môi trường đối với: Công ty TNHH Thương mại Sản xuất giấy và bao bì Trường Sơn (sau đây viết tắt là Công ty).

Địa chỉ Công ty: Ấp 3 Nhà Thương, thị trấn Thủ Thừa, huyện Thủ thừa, tỉnh Long An.

Điện thoại: 02723.864958 Fax: 02723.611747

I. Thành phần Đoàn thanh tra gồm:

1. Ông Hoàng Văn Vy, Phó Cục trưởng điều hành, Cục Kiểm soát hoạt động bảo vệ môi trường, Tổng cục Môi trường, Trưởng đoàn;
2. Ông Phan Thanh Tuấn, Thanh tra viên, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An, thành viên;
3. Ông Nguyễn Thanh Tùng, Chuyên viên, Sở Công thương tỉnh Long An, thành viên;
4. Ông Đỗ Quốc Việt, Chuyên viên, Cục Kiểm soát hoạt động bảo vệ môi trường, Tổng cục Môi trường, thành viên.

II. Đại diện đơn vị trưng cầu giám định mẫu môi trường:

1. Ông Nguyễn Ngọc Nam, Viện Công nghệ Môi trường thuộc Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam;
2. Ông Đậu Bá Tùng, Viện Công nghệ Môi trường thuộc Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam.

III. Đại diện Công ty gồm:

1. Ông Nguyễn Công Trường, Giám Đốc Công ty;
2. Ông Lê Minh Đạo, Kế toán trưởng.

IV. Kết quả thanh tra:

1. Thông tin chung:

Công ty TNHH Thương mại Sản xuất giấy và bao bì Trường Sơn (viết tắt là Công ty) có địa chỉ tại ấp 3 Nhà Thương, thị trấn Thủ Thừa, huyện Thủ thừa, tỉnh Long An; hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH mã số doanh nghiệp 1100411598, đăng ký lần đầu ngày 16/9/1999, đăng ký thay đổi lần 3 ngày 29 tháng 01 năm 2010 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An với ngành nghề kinh doanh chính là sản xuất giấy, bao bì giấy,.... Công ty bắt đầu đi vào hoạt động từ năm 2001, trên diện tích 28.989 m^2 với số lượng cán bộ công nhân viên 80 người. Sản phẩm chính của Công ty là giấy xeo đen và xeo vàng với công suất hoạt động là 8.107 tấn/năm, công suất thiết kế là 11.290 tấn/năm. Trong quá trình hoạt động sản xuất, Công ty sử dụng nguyên liệu là giấy phế trong nước khoảng 10.304 tấn/năm; hóa chất sử dụng gồm: Direct Yellow PG1 3,2 tấn/năm, Direct Orange 2GL.200% 5,9 tấn/năm, Scarlet F2G.1 0,6 tấn/năm; nhiên liệu sử dụng là trấu 6.672 tấn/năm; lượng nước sử dụng của Công ty trung bình 20 m^3/ngày.đêm được khai thác từ nguồn nước dưới đất.

2. Tình hình chấp hành các thủ tục hành chính về bảo vệ môi trường:

- Công ty đã lập báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án xây dựng nhà máy sản xuất giấy và bao bì Trường Sơn và được UBND tỉnh Long An phê duyệt tại Quyết định số 3893/QĐ-UB ngày 16 tháng 12 năm 1999;

- Công ty đã được UBND tỉnh Long An phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết nhà xưởng sản xuất các loại giấy xeo từ giấy tái chế, công suất 11.290 tấn sản phẩm/năm tại Quyết định số 3108/QĐ-UBND ngày 04 tháng 9 năm 2013; đã gửi Báo cá tiến độ thực hiện đề án bảo vệ môi trường chi tiết cho Sở Tài nguyên và Môi trường ngày 31/3/2017 (theo Quyết định phê duyệt đề án, Công ty phải báo cáo việc hoàn thành đề án bảo vệ môi trường trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày 04/9/2013), tuy nhiên đến nay chưa được kiểm tra việc thực hiện đề án bảo vệ môi trường;

- Công ty đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại (CTNH) mã số CTNH: 80.000096.T ngày 14 tháng 11 năm 2013; đã lập báo cáo quản lý CTNH định kỳ gửi cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

- Công ty đã thực hiện chương trình giám sát môi trường định kỳ;

- Công ty đã được UBND tỉnh Long An cấp Giấy phép khai thác nước dưới đất số 2658/GP-UBND ngày 30/7/2013;

- Công ty đã thực hiện kê khai và nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải đến hết quý 2/2017.

3. Các loại chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh và biện pháp giảm thiểu:

- *Về nước thải:* Nước thải sinh hoạt phát sinh 10 m^3/ngày.đêm được xử lý qua bể tự hoại, qua lắng lọc cát rồi thải ra ao trong khuôn viên Công ty sau đó

chảy sông Thủ Thừa; nước thải sản xuất phát sinh trung bình 150 m^3/ngày.đêm được thu gom và xử lý tại hệ thống xử lý nước thải có công suất thiết kế 250 m^3/ngày.đêm trước khi được tuần hoàn tái sử dụng, không thải ra ngoài môi trường. Theo quy định nước thải sinh hoạt phải được xử lý đạt QCVN 14:2009/BTNMT, cột A.

- *Về khí và bụi thải:* Khí thải phát sinh chủ yếu từ lò hơi công suất 06 tấn hơi/h đốt trấu. Lò hơi đã được lắp đặt hệ thống xử lý khí thải quy trình: Khí thải - Cyclone - Tháp hấp thụ - Ống khói cao 14 m.

- *Về chất thải rắn thông thường:* Rác thải sinh hoạt phát sinh khoảng 900 kg/tháng được ký hợp đồng với UBND huyện Thủ Thừa thu gom, xử lý. Chất thải rắn công nghiệp thông thường gồm nilon, bang keo, dây, chỉ thải,... khoảng 2,5 tấn/ngày được thu gom chuyển giao cho Cơ sở Giấy Hào Quang và Doanh nghiệp tư nhân thu gom rác Phạm Văn Phúc thu gom tái chế. Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải được hút lên lưới lọc để nghiền phục vụ sản xuất giấy xeo.

- *Về chất thải nguy hại:* CTNH đăng ký phát sinh khoảng 1.108 kg/năm tại Công ty gồm: Vải, giẻ lau dính dầu (60 kg), dầu nhớt thải (450 kg), bóng đèn huỳnh quang thải (40 kg), hộp mực in thải (10 kg). Theo báo cáo quản lý CTNH năm 2016, Công ty chuyển giao 43 kg và 09 tháng đầu năm 2017 chuyển giao 75 kg cho Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Thành phố Hồ Chí Minh thu gom, vận chuyển và xử lý. Tại thời điểm thanh tra, Công ty đã bố trí khu vực lưu giữ CTNH tạm thời.

4. Đo đạc và lấy mẫu môi trường

Đoàn thanh tra đã tiến hành đo đạc, lấy và phân tích mẫu môi trường tại Công ty là 01 mẫu khí thải sau xử lý của lò hơi, công suất 06 tấn hơi/h.

Việc lấy mẫu được lập thành Biên bản lấy mẫu đã được các bên thống nhất về nội dung và ký xác nhận giữa đại diện Công ty, đại diện Đoàn thanh tra và đơn vị được trưng cầu giám định, là một phần không tách rời của Biên bản này. Trong thời hạn thanh tra, Đoàn thanh tra có thể tiến hành lấy mẫu đột xuất (nếu cần), Công ty phải tạo điều kiện thuận lợi để Đoàn thanh tra thực hiện theo đúng nội dung đã nêu trong Biên bản công bố Quyết định thanh tra.

V. Nhận xét của Đoàn thanh tra

Ưu điểm: Trong quá trình hoạt động, Công ty đã có báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết được phê duyệt; đã được cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH; đã lập báo cáo quản lý CTNH định kỳ; đã thực hiện chương trình giám sát môi trường định kỳ; đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải, khí thải; đã thực hiện thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH, chất thải rắn công nghiệp thông thường; đã kê khai nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải theo quy định.

Tồn tại: Công ty chưa được kiểm tra, xác nhận hoàn thành nội dung đề án bảo vệ môi trường chi tiết (Tổng cục Môi trường đã ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường số 328/QĐ-XPVPHC ngày

30/9/2015 về hành vi không có báo cáo cơ quan phê duyệt đề án bảo vệ môi trường về việc hoàn thành các biện pháp bảo vệ môi trường và Công ty đã nộp tiền phạt theo quy định).

Sau khi xem xét hồ sơ, tài liệu thu thập do Công ty cung cấp, kết quả phân tích mẫu chất thải tại Công ty và kết quả phân tích mẫu chất thải lấy đột xuất (nếu có), Đoàn thanh tra sẽ tiếp tục đánh giá, xác định các vi phạm mới (nếu có) và áp dụng các biện pháp xử lý theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

VI. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với Công ty.

- Công ty phải thực hiện chương trình giám sát môi trường tần suất 03 tháng/lần các nguồn thải theo đúng quy định tại Thông tư số 31/2016/TT-BTNMT ngày 14/10/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về bảo vệ môi trường cụm công nghiệp, khu kinh doanh dịch vụ tập trung; bảo vệ môi trường làng nghề và bảo vệ môi trường tại cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

- Trong quá trình hoạt động, Công ty phải thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, thực hiện các nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt; thực hiện đầy đủ chương trình giám sát môi trường; thu gom, xử lý triệt để các loại chất thải đảm bảo phải đạt các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất thải trước khi thải ra môi trường; kê khai, nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải theo quy định.

VII. Ý kiến của Công ty.

Công ty cam kết sẽ nghiêm túc chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, các yêu cầu của Đoàn thanh tra và cam kết chấp hành kết luận của Đoàn thanh tra và các biện pháp xử lý (nếu có) theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

Biên bản này được lập thành 08 bản tại trụ sở Công ty, Đoàn thanh tra giữ 07 bản và Công ty giữ 01 bản để thực hiện, được đọc lại cho những người tham dự cùng nghe và nhất trí ký tên./.

ĐẠI DIỆN CÔNG TY **GIÁM ĐỐC**	**TM. ĐOÀN THANH TRA** **TRƯỞNG ĐOÀN**
Nguyễn Công Trường	**Hoàng Văn Vy**

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỔNG CỤC MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 185 /KL-TCMT

Hà Nội, ngày 19 tháng 01 năm 2018

KẾT LUẬN THANH TRA
Về việc chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường tại Công ty TNHH Thương mại Sản xuất giấy và bao bì Trường Sơn

Thực hiện Quyết định số 999/QĐ-TCMT ngày 07 tháng 9 năm 2017 của Tổng Cục trưởng Tổng cục Môi trường về việc thanh tra chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa và tỉnh Long An và Quyết định số 1157/QĐ-TCMT ngày 02 tháng 10 năm 2017 của Tổng Cục trưởng Tổng cục Môi trường về việc thay đổi Trưởng đoàn thanh tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa và tỉnh Long An, từ ngày 20 tháng 9 năm 2017 đến ngày 20 tháng 11 năm 2017, Đoàn thanh tra theo các Quyết định nêu trên đã tiến hành thanh tra tại Công ty TNHH Thương mại Sản xuất giấy và bao bì Trường Sơn (sau đây viết tắt là Công ty);

Xét Báo cáo kết quả thanh tra của Trưởng đoàn thanh tra;

Tổng Cục trưởng Tổng cục Môi trường kết luận như sau:

1. Khái quát chung

Công ty TNHH Thương mại Sản xuất giấy và bao bì Trường Sơn có địa chỉ tại Ấp 3 Nhà Thương, thị trấn Thủ Thừa, huyện Thủ thừa, tỉnh Long An; hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH mã số doanh nghiệp 1100411598, đăng ký lần đầu ngày 16 tháng 9 năm 1999, đăng ký thay đổi lần 3 ngày 29 tháng 01 năm 2010 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An với ngành nghề kinh doanh chính là sản xuất giấy, bao bì giấy,.... Công ty bắt đầu đi vào hoạt động từ năm 2001, trên diện tích 28.989 m^2 với số lượng cán bộ công nhân viên 80 người. Sản phẩm chính của Công ty là giấy xeo đen và xeo vàng với công suất hoạt động là 8.107 tấn/năm, công suất thiết kế là 11.290 tấn/năm. Trong quá trình hoạt động sản xuất, Công ty sử dụng nguyên liệu là giấy phế trong nước khoảng 10.304 tấn/năm; hóa chất sử dụng gồm: Direct Yellow PG1 khoảng 3,2 tấn/năm, Direct Orange 2GL.200% khoảng 5,9 tấn/năm, Scarlet F2G.1 khoảng 0,6 tấn/năm; nhiên liệu sử dụng là trấu khoảng 6.672 tấn/năm; lượng nước sử dụng trung bình 20 m^3/ngày.đêm được khai thác từ nguồn nước dưới đất.

2. Kết quả thanh tra

Công ty đã lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) của Dự án Xây dựng nhà máy sản xuất giấy và bao bì Trường Sơn và được UBND tỉnh Long An phê duyệt tại Quyết định số 3893/QĐ-UB ngày 16 tháng 12 năm 1999; đã lập Đề án bảo vệ môi trường chi tiết cho nhà xưởng sản xuất các loại giấy xeo từ giấy tái chế, công suất 11.290 tấn sản phẩm/năm và được UBND tỉnh Long An phê duyệt tại Quyết định số 3108/QĐ-UBND ngày 04 tháng 9 năm

2013; đã báo cáo tiến độ thực hiện Đề án bảo vệ môi trường chi tiết cho Sở Tài nguyên và Môi trường ngày 31 tháng 3 năm 2017 (theo Quyết định phê duyệt đề án, Công ty phải báo cáo việc hoàn thành đề án bảo vệ môi trường trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày 04 tháng 9 năm 2013), tuy nhiên đến nay chưa được kiểm tra việc thực hiện đề án bảo vệ môi trường; đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại (CTNH) mã số CTNH: 80.000096.T ngày 14 tháng 11 năm 2013; đã lập báo cáo quản lý CTNH định kỳ gửi cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền; đã thực hiện chương trình giám sát môi trường định kỳ; đã được UBND tỉnh Long An cấp Giấy phép khai thác nước dưới đất số 2658/GP-UBND ngày 30 tháng 7 năm 2013; đã thực hiện kê khai và nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải đến hết quý 2/2017.

Trong quá trình hoạt động sản xuất, Công ty phát sinh các loại chất thải và thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường sau:

- *Về nước thải:* Nước thải sinh hoạt phát sinh 10 m^3/ngày.đêm được xử lý qua bể tự hoại, lắng lọc cát rồi thải ra ao trong khuôn viên Công ty sau đó chảy sông Thủ Thừa; nước thải sản xuất phát sinh trung bình 150 m^3/ngày.đêm được thu gom và xử lý tại hệ thống xử lý nước thải có công suất thiết kế 250 m^3/ngày.đêm trước khi được tuần hoàn tái sử dụng, không thải ra ngoài môi trường. Theo quy định nước thải sinh hoạt phải được xử lý đạt QCVN 14:2009/BTNMT, cột A trước khi thải ra môi trường.

- *Về khí và bụi thải:* Khí thải phát sinh chủ yếu từ lò hơi công suất 06 tấn hơi/h đốt trấu. Lò hơi đã được lắp đặt hệ thống xử lý khí thải quy trình: Khí thải - Cyclone - Tháp hấp thụ - Ống khói cao 14 m.

- *Về chất thải rắn thông thường:* Rác thải sinh hoạt phát sinh khoảng 900 kg/tháng được ký hợp đồng với UBND huyện Thủ Thừa thu gom, xử lý. Chất thải rắn công nghiệp thông thường gồm nilon, bang keo, dây, chỉ thải,... khoảng 2,5 tấn/ngày được thu gom, chuyển giao cho Cơ sở Giấy Hào Quang và Doanh nghiệp tư nhân thu gom rác Phạm Văn Phúc thu gom tái chế. Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải được hút lên lưới lọc để nghiền phục vụ sản xuất giấy xeo.

- *Về chất thải nguy hại:* CTNH đăng ký phát sinh khoảng 1.108 kg/năm tại Công ty gồm: Vải, giẻ lau dính dầu (60 kg), dầu nhớt thải (450 kg), bóng đèn huỳnh quang thải (40 kg), hộp mực in thải (10 kg). Theo báo cáo quản lý CTNH năm 2016, Công ty chuyển giao 43 kg và 09 tháng đầu năm 2017 chuyển giao 75 kg cho Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Thành phố Hồ Chí Minh thu gom, vận chuyển và xử lý. Tại thời điểm thanh tra, Công ty đã bố trí khu vực lưu giữ CTNH tạm thời.

Kết quả đo đạc và phân tích 01 mẫu khí thải tại ống khói lò hơi (mẫu lấy ngày 18 tháng 10 năm 2017), so sánh với QCVN 19:2009/BTNMT, đều có các thông số đạt quy chuẩn cho phép.

3. Kết luận

Công ty đã có các Báo cáo ĐTM, đề án bảo vệ môi trường được cơ quan

có thẩm quyền phê duyệt; đã có văn bản gửi cơ quan phê duyệt Đề án về việc thực hiện các công trình bảo vệ môi trường; đã có Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH và có báo cáo quản lý CTNH định kỳ phát sinh và báo cáo hành nghề quản lý CTNH gửi cơ quan chức năng theo quy định; đã thực hiện đúng chương trình giám sát môi trường định kỳ. Công ty đã thực hiện đúng quy định về quản lý CTNH và chất thải rắn thông thường; đã có hệ thống thu gom, xử lý nước thải, khí thải đạt quy chuẩn cho phép trước khi thải môi trường.

4. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với Công ty

Trong quá trình hoạt động sản xuất, Công ty phải thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; thu gom và xử lý triệt để nước thải phát sinh đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia trước khi xả ra môi trường; thực hiện đúng các quy định về quản lý chất thải rắn thông thường, CTNH và chương trình giám sát môi trường định kỳ; lập phương án và có kế hoạch cụ thể để phòng ngừa, ứng phó hiệu quả các sự cố môi trường có thể xảy ra trong quá trình hoạt động sản xuất; kê khai và nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải theo quy định.

Yêu cầu Công ty nghiêm túc thực hiện Kết luận này./.

Nơi nhận:
- Thứ trưởng Võ Tuấn Nhân (để báo cáo);
- Tổng Cục trưởng Nguyễn Văn Tài (để báo cáo);
- Ủy ban nhân dân tỉnh Long An (để phối hợp);
- Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An;
- Cty TNHH Bao bì Trường Sơn (để thực hiện);
- Lưu : VT, KSMT (QVi,10).

KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỔNG CỤC MÔI TRƯỜNG

Hoàng Văn Thức

CTY CỔ PHẦN
CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ THỦ THỪA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: ..... /HĐ.CTY

Thủ Thừa, ngày 02 tháng 01 năm 2024

HỢP ĐỒNG KINH TẾ
(V/v: thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt)

- Căn cứ quyết định của UBND tỉnh Long An " Về việc ban hành Bảng giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn thông thường, rác thải sinh hoạt, rác thải nguy hại trên địa bàn tỉnh Long An".

- Căn cứ quyết định số: 62/2014/QĐ-UBND, ngày 29/12/2014 của UBND tỉnh Long An "V/v quy định về mức thu phí, lệ phí và tỷ lệ (%) trích để lại từ nguồn thu phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Long An".

- Căn cứ công văn số: 577/UBND-KT của UBND huyện Thủ Thừa, ngày 26/4/2017. Về việc chỉ đạo thực hiện công tác lập bộ, thu phí rác thải năm 2017.

- Căn cứ nhu cầu khả năng của 02 bên.

Hôm nay, ngày 02. tháng 01. năm 2024, chúng tôi gồm có.

BÊN A: Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Thủ Thừa (bên nhận lấy rác)

Đại diện: Bà **NGUYỄN THỊ XÊ** Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: ấp 3 Nhà Thương, Thị Trấn Thủ Thừa, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An

Tài khoản số: 6608201001868, tại Ngân Hàng Nông Nghiệp PTNT huyện Thủ Thừa.

Điện thoại: 0723 612419 Fax: 0723 613493

Mã số thuế: 1100175414

BÊN B: Cty TNHH TMSX giấy và B.Bì giấy Trường Sơn (bên thuê lấy rác)

Đại diện (Ông, bà): .....Nguyễn Công Trường.....Chức vụ: .....GIÁM ĐỐC

Địa chỉ: Ấp 3 Nhà Thương – TT Thủ Thừa – Huyện Thủ Thừa – Long An

Tài khoản số:..... tại:.....

Điện thoại: ..0272.3864958..... Fax: .....

Mã số thuế: ....1100.411.598....

Sau khi bàn bạc, 02 bên ký thỏa thuận ký kết hợp đồng thực hiện các khoản sau:

*** Điều 1. Khối lượng công việc**

Bên A nhận lấy rác sinh hoạt của bên B đã được chứa trong giỏ, túi nylon buộc kín thùng rác

Trường hợp rác do sản xuất kinh doanh, xây dựng, ...phải nhận hợp đồng riêng thì công ty sẽ sắp xếp thu dọn.

Trường hợp rác sinh hoạt tính số lượng bằng thùng thì phải đậy nắp gọn gàng.

Địa điểm giao rác: tại địa chỉ trên

Thời gian giao rác: Đây là công việc đặc thù nên công ty sẽ báo trước với quí khách hàng theo từng khu vực bằng văn bản.

Để đảm bảo vệ sinh môi trường và về mỹ quan đô thị đề nghị không đem rác sớm hơn [illegible] so với [illegible]

*** Điều 2. Giá cả và thời gian thanh toán**

- Giá cả: Theo quyết định của các cơ quan chức năng có thẩm quyền V/v ban hành bảng giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn thông thường, rác thải sinh hoạt, rác thải nguy hại tại thời điểm hiện hành. Mức thu hàng tháng với số tiền ..... đồng/1 tháng (Bằng chữ: .....)

Hình thức thanh toán: chuyển khoản hoặc tiền mặt.

- Thời gian thanh toán: Khi nhận được hóa đơn tiền rác do công ty phát hành.

*** Điều 3. Thời gian thực hiện:**

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký đến khi có hợp đồng mới thay thế.

Trong quá trình thực hiện nếu lượng rác tăng, giảm hoặc giá thu lệ phí rác có thay đổi theo quyết định của các cơ quan chức năng có thẩm quyền, 02 bên sẽ thống nhất điều chỉnh cho phù hợp.

*** Điều 4. Trách nhiệm của A và B**

+ Trách nhiệm của bên B:

Bên B có trách nhiệm chứa rác trong giỏ, thùng rác có nắp đậy hoặc túi nylon buộc kín, nhằm thành ô nhiễm vệ sinh môi trường và để rác đúng địa điểm thuận tiện cho bốc dỡ, không đem rác sớm hoặc trễ hơn 30 phút so với thời gian quy định tại Điều 1. Không được đem rác sinh hoạt gia đình bỏ ở những nơi công cộng ngoài đường phố

Thanh toán tiền rác đúng thời gian quy định tại Điều 2. Bên A có quyền từ chối lấy rác nếu bên B vi phạm hợp đồng. Trường hợp muốn hợp đồng lại bên B phải thanh toán dứt điểm các khoản nợ cũ.

Khi bên B không còn nhu cầu lấy rác thì phải thông báo cho Bên A trước 15 ngày làm việc để chấm dứt hợp đồng.

+ Trách nhiệm bên A

Lấy rác đúng giờ theo quy định ở Điều 1

Trả lại các dụng cụ như: giỏ, thùng đựng rác ngay sau khi lấy rác xong.

*** Điều 6. Cam kết chung**

Hai bên cam kết thực hiện đúng các khoản đã nêu trên, nếu vi phạm sẽ chịu phạt theo pháp luật hiện hành.

Hợp đồng được lập thành 02 bản, Bên A giữ 01 bản và có giá trị như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN B	**ĐẠI DIỆN BÊN A**
CÔNG TY TNHH TM-SX GIẤY VÀ BAO BÌ GIẤY TRƯỜNG SƠN	CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ THỦ THỪA
Nguyễn Công Trường	**Nguyễn Thị Xê**

CÔNG TY TNHH
GIẢI PHÁP VÀ CÔNG NGHỆ MÔI
TRƯỜNG THIÊN TRƯỜNG
SỐ: ...../HĐKT/TS-LB

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 01 tháng 01 năm 2023

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

V/v: Thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải công nghiệp thông thường

- Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH11 ngày 24 tháng 11 năm 2015 đã được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua

- Căn cứ Bộ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 06 năm 2005 đã được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2006.

- Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường số 55/2014/QH13 do Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 23 tháng 06 năm 2014

- Căn cứ Nghị Định 38/2015/NĐ/ CP về quản lý chất thải và phế liệu do Thủ tướng Chính phủ ký ngày 24/04/2015

- Căn cứ vào nhu cầu của hai bên

Hôm nay, ngày 01 tháng 01 năm 2023 tại Công ty TNHH TM-SX Giấy và Bao Bì Giấy Trường Sơn

BÊN A: CÔNG TY TNHH TM-SX GIẤY VÀ BAO BÌ GIẤY TRƯỜNG SƠN

- Địa chỉ: Ấp 3 Nhà Thương , Thị Trấn Thủ Thừa , Huyện Thủ Thừa , Tỉnh Long An
- Mã số thuế: 1100411598
- Đại diện: Ông **NGUYỄN CÔNG TRƯỜNG** - Chức vụ: Giám Đốc

BÊN B: CÔNG TY TNHH GIẢI PHÁP & CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG THIÊN TRƯỜNG

- Địa chỉ: Số 66/42A, tổ 2, KP2, Phường Trảng Dài, Thành Phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
- Mã số thuế: 3603532063
- Đại diện: Ông **DƯƠNG HOÀNG LONG** - Chức vụ: Giám đốc

Hai bên cùng thỏa thuận và thống nhất ký kết hợp đồng vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp theo những điều khoản sau:

Điều 1: Nội dung và thời hạn hợp đồng.

Bên A giao cho bên B thu gom, vận chuyển xử lý chất thải công nghiệp, trong quá trình sản xuất của Bên A.

Điều 2: Điều kiện giao nhận, thời gian, địa điểm nhận chất thải.

2.1 Điều kiện giao nhận

Bên B sẽ tiếp nhận rác thải tại kho chứa chất thải công nghiệp của bên A theo yêu cầu của bên A

- Chất thải công nghiệp được phân loại theo từng chủng loại và tập trung tại kho cố định của Bên A. Rác thải công nghiệp không được lẫn vào rác thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp.

- Chất thải công nghiệp phải được chứa trong bao bì, hoặc đóng rắn.

2.2 Thời gian, địa điểm tiếp nhận chất thải.

- Thời gian tiếp nhận chất thải công nghiệp sau 2 ngày khi bên B nhận được thông báo của Bên A (thông báo bằng điện thoại, email)

1. Công Ty TNHH TMSX Giấy và Bao Bì Trường Sơn địa chỉ Ấp 3, Nhà Thương , TT Thủ Thừa , Huyện Thủ Thừa , Tỉnh Long An

- Địa điểm xử lý: Tại nhà máy xử lý rác thải của CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG XANH VN. Địa chỉ: Đường số 8 – KCN Trảng Bàng – Phường An Tịnh – Thị xã Trảng Bàng – Tỉnh Tây Ninh – Việt Nam.

Điều 3: Số lượng, chi phí xử lý và danh mục chất thải

3.1 ***Số lượng chất thải giao nhận:*** Đúng khối lượng hàng *(danh sách đính kèm)* được xác nhận bằng biên bản giao nhận có chữ ký của các bên. Khối lượng hàng đều được quy đổi bằng kilogam.

3.2 ***Chi phí xử lý:*** Danh mục và đơn giá xử lý

Số TT	Danh mục xử lý	Khối lượng dự kiến (Kg/lần)	Phương pháp xử lý
1	Tro, than, xỉ thải từ hệ thống lò hơi không nhiễm thành phần nguy hại	5000	Đóng rắn hoặc chuyển giao đúng quy định

Đơn giá xử lý: Căn cứ vào khối lượng dự kiến chuyển giao, đơn giá xử lý sẽ được thỏa thuận và thể hiện bằng phụ lục hợp đồng.

2. Phương thức thanh toán :

BênA thanh toán cho bên B bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản trong thời gian 07 (bảy) ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ các chứng từ sau:

- Hóa đơn tài chính hợp lệ của bên B.
- Tên tài khoản: Công Ty TNHH Giải pháp và công nghệ Môi trường Thiên Trường
- Số tài khoản : 050089540329 tại Ngân hàng Sacombank, CN Đồng Nai, PGD Tân Phong.

Điều 4: Trách nhiệm của hai bên

1. Trách nhiệm bên A:

- Chịu trách nhiệm về nguồn gốc lô hàng là của bên A trong mọi trường hợp và phân loại theo từng loại riêng biệt: bao bì, dán nhãn…

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu lô hàng hủy là tang, vật chứng, hay đang trong quá trình điều tra tranh chấp của bất cứ đơn vị, tổ chức thứ 3 nào.

- Trong thời gian Hợp đồng còn hiệu lực, nếu bên A có bất kỳ sự thay đổi nào như: tên Công ty, Mã số thuế, địa chỉ thì phải thông báo cho bên B biết. Nếu không, mọi sai sót về sau bên A hoàn toàn chịu trách nhiệm.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ của bên B thực hiện Hợp đồng.

- Thanh toán phí thu gom và xử lý cho bên B đúng hạn theo quy định tại Điều 3.2 của Hợp đồng.

2. Trách nhiệm bên B:

- Thu gom, chuyển giao đơn vị xử lý chất thải theo đúng quy trình, quy định của pháp luật hiện hành.

- Hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu để hàng hóa hoặc chất thải rò rỉ ra môi trường sau khi thu gom ra khỏi kho của bên A.

- Không lấy chất thải khác ngoài danh mục hợp đồng.

- Nhân viên Bên B khi vào Công Ty Bên A phải có thái độ đúng mực, tuyệt đối không được có những hành vi vi phạm pháp luật. Nếu phát hiện vi phạm thì Bên B phải chịu các hình thức xử phạt mà không có điều kiện nào.

Điều 5: Thời hạn Hợp đồng

Hợp đồng có thời hạn 02 (hai) năm, được tính từ ngày 01 / 01 /2023 đến 31 / 12 /2024

Điều 6: Điều khoản chung

- Hai bên cam kết thực hiện đúng các Điều khoản đã thỏa thuận trong Hợp đồng. Nếu có tranh chấp giữa các Bên liên quan đến Hợp đồng, thì sẽ được giải quyết thông qua thương lượng và hòa giải. Trường hợp không giải quyết được, sẽ đưa ra Tòa án kinh tế phân xử. Quyết định của Tòa án là quyết định cuối cùng.

- Khi có bất kỳ sự thay đổi, bổ sung nội dung của Hợp đồng, thì hai bên sẽ tiến hành ký kết Phụ lục Hợp đồng.

- Sau khi hết hạn Hợp đồng, nếu hai bên không tiếp tục ký gia hạn, thì Hợp đồng này được xem như bản thanh lý.

- Hợp đồng được lập thành 02 (hai) bản bằng tiếng Việt với đầy đủ các chữ ký và con dấu của hai Bên. Mỗi Bên giữ 01 (một) bản, có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
Giám đốc	Giám đốc
Nguyễn Công Trường	Dương Hoàng Long

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số: 01/HDKT/GTV-DLG/2024

V/v Thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải công nghiệp thông thường

- *Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 đã được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khoá XI, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14/6/2005 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2006;*
- *Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020;*
- *Căn cứ Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*
- *Căn cứ Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường hiệu lực từ ngày 10/01/2022;*
- *Căn cứ vào khả năng, năng lực và nhu cầu lợi ích kinh tế của hai bên.*

Hôm nay, ngày 01 tháng 04 năm 2024 chúng tôi gồm có:

Bên A: CÔNG TY TNHH TM-SX GIẤY VÀ BAO BÌ GIẤY TRƯỜNG SƠN

- Đại diện: **Ông NGUYỄN CÔNG TRƯỜNG** Chức vụ: Giám Đốc
- Địa chỉ: Ấp 3 Nhà Thương , Thị Trấn Thủ Thừa , Huyện Thủ Thừa , Tỉnh Long An
- Mã số thuế: 1100411598

Bên B: CÔNG TY TNHH DALIGO

- Đại diện: **Bà NGUYỄN THỊ LINH** Chức vụ: Giám đốc
- Địa chỉ: Số F18, khu phố 4, Phường Tân Phong, TP. Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai
- Mã số thuế: 3603942711

Hai bên đã cùng nhau bàn bạc và thống nhất ký kết hợp đồng với những nội dung như sau:

Điều 1: Nội dung và thời hạn hợp đồng.

Bên A giao cho bên B thu gom, vận chuyển xử lý chất thải công nghiệp, trong quá trình sản xuất của Bên A.

Điều 2: Điều kiện giao nhận, thời gian, địa điểm nhận chất thải.

2.1 Điều kiện giao nhận

Bên B sẽ tiếp nhận rác thải tại kho chứa chất thải công nghiệp của bên A theo yêu cầu của bên A

- Chất thải công nghiệp được phân loại theo từng chủng loại và tập trung tại kho cố định của Bên A. Rác thải công nghiệp không được lẫn vào rác thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp.

- Chất thải công nghiệp phải được chứa trong bao bì, hoặc đóng rắn.

2.2 Thời gian, địa điểm tiếp nhận chất thải.

- Thời gian tiếp nhận chất thải công nghiệp sau 2 ngày khi bên B nhận được thông báo của Bên A (thông báo bằng điện thoại, email)

1. Địa điểm thu gom: **CÔNG TY TNHH TM-SX GIẤY VÀ BAO BÌ GIẤY TRƯỜNG SƠN**

Địa chỉ : Ấp 3 Nhà Thương , Thị Trấn Thủ Thừa , Huyện Thủ Thừa , Tỉnh Long An

- Địa điểm xử lý: Tại nhà máy xử lý rác thải của CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - MÔI TRƯỜNG THIÊN PHƯỚC. Địa chỉ: xã Xuân Mỹ, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai , Việt Nam.

- Địa điểm xử lý: Nhà máy xử lý rác thải của Công ty TNHH Một thành viên môi trường Xanh Huê Phương VN . Tổ 5, Ấp Bến Rộng, Xã Thạnh Đức, Huyện Gò Dầu, Tỉnh Tây Ninh.

Điều 3: Số lượng, chi phí xử lý và danh mục chất thải

3.1 ***Số lượng chất thải giao nhận:*** Đúng khối lượng hàng *(danh sách đính kèm)* được xác nhận bằng biên bản giao nhận có chữ ký của các bên. Khối lượng hàng đều được quy đổi bằng kilogam.

3.2 ***Chi phí xử lý:*** Danh mục và đơn giá xử lý

Số TT	Danh mục xử lý	Đơn vị tính (Kg)	Đơn giá (VND)
1	Thu gom vận chuyển rác thải công nghiệp không nguy hại…	1	1.500

2. Phương thức thanh toán :

Bên A thanh toán cho bên B bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản trong thời gian 07 (bảy) ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ các chứng từ sau:

- Hóa đơn tài chính hợp lệ của bên B.
- Tên tài khoản: Công Ty TNHH DALIGO
- Số tài khoản : 2525 22 9999 Ngân Hàng MB Bank - CN Bình Thạnh

Điều 4: Trách nhiệm của hai bên

1. Trách nhiệm bên A:

- Chịu trách nhiệm về nguồn gốc lô hàng là của bên A trong mọi trường hợp và phân loại theo từng loại riêng biệt: bao bì, dán nhãn...
- Chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu lô hàng hủy là tang, vật chứng, hay đang trong quá trình điều tra tranh chấp của bất cứ đơn vị, tổ chức thứ 3 nào.
- Trong thời gian Hợp đồng còn hiệu lực, nếu bên A có bất kỳ sự thay đổi nào như: tên Công ty, Mã số thuế, địa chỉ thì phải thông báo cho bên B biết. Nếu không, mọi sai sót về sau bên A hoàn toàn chịu trách nhiệm.
- Tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ của bên B thực hiện Hợp đồng.
- Thanh toán phí thu gom và xử lý cho bên B đúng hạn theo quy định tại Điều 3.2 của Hợp đồng.

2. Trách nhiệm bên B:

- Thu gom, chuyển giao đơn vị xử lý chất thải the
o đúng quy trình, quy định của pháp luật hiện hành.
- Hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu để hàng hóa hoặc chất thải rò rỉ ra môi trường sau khi thu gom ra khỏi kho của bên A.
- Không lấy chất thải khác ngoài danh mục hợp đồng.
- Nhân viên Bên B khi vào Công Ty Bên A phải có thái độ đúng mực, tuyệt đối không được có những hành vi vi phạm pháp luật. Nếu phát hiện vi phạm thì Bên B phải chịu các hình thức xử phạt mà không có điều kiện nào.

Điều 5: Thời hạn Hợp đồng

Hợp đồng có thời hạn 02 (hai) năm, được tính từ ngày 01/01/2024 đến 31/12/2025.

Điều 6: Điều khoản chung

- Hai bên cam kết thực hiện đúng các Điều khoản đã thỏa thuận trong Hợp đồng. Nếu có tranh chấp giữa các Bên liên quan đến Hợp đồng, thì sẽ được giải quyết thông qua thương lượng và hòa giải. Trường hợp không giải quyết được, sẽ đưa ra Tòa án kinh tế phân xử. Quyết định của Tòa án là quyết định cuối cùng.

- Khi có bất kỳ sự thay đổi, bổ sung nội dung của Hợp đồng, thì hai bên sẽ tiến hành ký kết Phụ lục Hợp đồng.

- Sau khi hết hạn Hợp đồng, nếu hai bên không tiếp tục ký gia hạn, thì Hợp đồng này được xem như bản thanh lý.

- Hợp đồng được lập thành 02 (hai) bản bằng tiếng Việt với đầy đủ các chữ ký và con dấu của hai Bên. Mỗi Bên giữ 01 (một) bản, có giá trị pháp lý như nhau.

CÔNG TY TNHH TM-SX GIẤY VÀ BAO BÌ GIẤY TRƯỜNG SƠN	**CÔNG TY TNHH DALIGO**
Ông NGUYỄN CÔNG TRƯỜNG	**Bà NGUYỄN THỊ LINH**
Chức vụ: GIÁM ĐỐC	***Chức vụ:GIÁM ĐỐC***

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số: 1832/HĐ.MTĐT-NH/24.4.VX

V/v thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại

Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc Hội Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11, ngày 14/06/2005 của Quốc Hội Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam và các Nghị Định, Thông tư, văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Giấy phép Môi trường do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp phép ngày 30/06/2023, mã số: 220/GPMT-BTNMT;

Căn cứ hợp đồng số: 2098/HĐ.MTĐT-XHR/23.V ngày 30/06/2023 giữa Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị TPHCM và Công ty TNHH TM DV Môi trường Xanh Hora v.v cung cấp dịch vụ tư vấn khách hàng và cho thuê phương tiện thu gom vận chuyển chất thải nguy hại;

Căn cứ Số đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại số : 80.000096.T của CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT GIẤY VÀ BAO BÌ GIẤY TRƯỜNG SƠN.

Hôm nay, ngày 26 tháng 4 năm 2024, chúng tôi gồm:

BÊN A: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT GIẤY VÀ BAO BÌ GIẤY TRƯỜNG SƠN

Địa chỉ: Ấp 3, Nhà Thương, Thị Trấn Thủ Thừa, H. Thủ Thừa, Tỉnh Long An

Điện thoại: 0272.3864958-36122777 Fax: 0272.3611747

Mã số thuế: 1100411598

Đại diện: Ông **NGUYỄN CÔNG TRƯỜNG** - Chức vụ: Giám Đốc

BÊN B: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TP.HCM

Địa chỉ:42-44 Võ Thị Sáu, Phường Tân Định, Quận 1, TPHCM.

Điện thoại: 028. 38.208.666 Fax: 028.38.296.680

Mã số thuế: 0300438813

Số tài khoản: 310 1000000 5651 - Ngân Hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Đại diện: Ông **NGUYỄN TĂNG HẢI** Chức vụ: Phó Giám đốc

(Căn cứ Giấy Ủy Quyền số 07 /GUQ-MTĐT ngày ngày 05 tháng 1 năm 2024 của Chủ tịch HĐTV- Công ty TNHH Một Thành Viên Môi Trường Đô Thị TPHCM)

Đồng ý ký kết hợp đồng dịch vụ với các điều khoản sau :

ĐIỀU 1. NỘI DUNG DỊCH VỤ

Bên B nhận thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại (sau đây được viết tắt là "CTNH") cho Bên A

1.1. Thời gian, địa điểm thu gom chất thải nguy hại:

- **Tần suất thu gom:** 02 lần/năm.
- **Địa điểm thu gom chất thải nguy hại**: Ấp 3, Nhà Thương, Thị Trấn Thủ Thừa, H. Thủ Thừa, Tỉnh Long An
- Người liên hệ bên A: **Chị Thanh - 0983283948**
- Người liên hệ bộ phận thu gom bên B: **Anh Vương - 0949966977**

1.2. Phương tiện vận chuyển và địa điểm xử lý

- **Phương tiện vận chuyển chất thải nguy hại:** xe chuyên dụng ngành vệ sinh đô thị

STT	Loại xe	Biển kiểm soát	Tình trạng
01	Xe tải Mitsubishi FUSO	51C – 592.93	Hoạt động bình thường
02	Xe tải Isuzu	51C – 618.30	Hoạt động bình thường
03	Xe tải Isuzu	51D - 042.84	Hoạt động bình thường

- **Địa điểm xử lý:** Nhà máy xử lý CTNH tại Đông Thạnh hoặc nhà máy Bình Hưng Hòa.

ĐIỀU 2. GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

2.1 Đơn giá thu gom, vận chuyển và xử lý theo dạng khoán: 12.000.000 đồng/năm

(Mười hai triệu đồng/năm)(chưa bao gồm thuế GTGT) và khối lượng chất thải nguy hại không vượt quá 240kg/năm theo danh mục và khối lượng trong Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại số : 80.000096.T (Trong đó khối lượng Bóng đèn hỏng 16 01 06 không vượt quá 50 kg/năm).

- Trong trường hợp khối lượng CTNH vượt quá 240kg/ 2 lần thu gom, bên A phải thanh toán phần chất thải phát sinh cho bên B như sau:

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Đơn vị tính	Đơn giá (đồng/kg)	Phương th bảo quản
		Rắn	Lỏng	Bùn				
1	Bóng đèn hỏng	x			16 01 06	kg	50.000	Thùng cart
2	Hộp mực in	x			08 02 04	kg	50.000	Bao PE
3	Giẻ lau dính dầu mỡ	x			18 02 01	kg	50.000	Bao PE
4	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải không chứa clo		x		17 02 03	kg	50.000	Can nhự

Ghi chú:

- *Giá trị dịch vụ chưa bao gồm thuế VAT. (Thuế VAT được áp dụng tại thời điểm xuất hóa đơn theo quy định của Nhà nước có hiệu lực hiện hành).*

- *Thuế GTG từ ngày 01/01/2024 – 30/06/2024: là 8%;*
- *Danh mục chất thải trên cũng là danh mục chất thải Bên B vận chuyển và xử lý Bên A.*
- *Điều kiện lưu chứa nêu trên để bàn giao khi vận chuyển, chủ nguồn thải cần trang bị kho lưu chứa và thiết bị lưu chứa theo đúng quy định pháp luật trong thời gian lưu trữ CTNH.*

2.2 Phương thức nghiệm thu, thanh toán:

Bên A thanh toán 100% giá trị khoán của hợp đồng bao gồm: **12.000.000 đồng** (Mười hai triệu đồng) + (thuế GTGT tại thời điểm xuất hóa đơn), trong vòng **30 ngày** kể từ ngày ký hợp đồng.

Hóa đơn tài chính sẽ được bên B chuyển giao cho bên A trong vòng **20** ngày kể từ ngày bên A thanh toán cho bên B.

Sau mỗi đợt chuyển giao CTNH, hai bên sẽ lập biên bản giao nhận, xác nhận khối lượng đã chuyển giao và làm cơ sở tính toán chi phí vận chuyển và xử lý phát sinh (nếu có).

Chi phí xử lý phát sinh quy định ở **điều 2.1** sẽ được thanh toán trong vòng **15 ngày kể từ ngày bên B lập Giấy đề nghị thanh toán** và bên Bên A nhận được *Hóa đơn tài chính* từ Bên B.

Phương thức thanh toán:

Bên A thanh toán cho Bên B bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản số : **310 1000000 5651** – Ngân hàng TMCP Đầu Tư Và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh.

Khi thanh toán bằng hình thức chuyển khoản, Bên A chịu phí khi chuyển khoản và ghi đầy đủ nội dung chuyển khoản theo cú pháp như sau: **"CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT GIẤY VÀ BAO BÌ GIẤY TRƯỜNG SƠN thanh toán Hợp đồng số: ……/HĐ.MTĐT-NH/24.4.VX (hoặc hóa đơn số) Về việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại"**

Đồng tiền thanh toán: Tiền Việt Nam đồng

ĐIỀU 3. TRÁCH NHIỆM HAI BÊN

Bên A

1. Phải cung cấp bản sao sổ chủ nguồn thải, báo cáo, chứng từ quản lý CTNH và/ hoặc các hồ sơ pháp lý có liên quan do Bên B yêu cầu.
2. Nơi lưu giữ CTNH phải thuận tiện cho xe ra vào lấy, mỗi loại CTNH phải được lưu giữ vào phương tiện chứa CTNH riêng biệt bảo đảm không để rơi vãi, rò rỉ ra bên ngoài, có dán tên, mã số CTNH và không được để lẫn các CTNH khác ngoài danh mục hợp đồng. Bên A có trách nhiệm bảo quản thùng chứa CTNH thuê của Bên B (nếu có).

3. Khi chuyển giao CTNH phải đính kèm các chứng từ chuyển giao, chứng từ chuyển giao phải ghi rõ ràng đầy đủ thông tin có ký tên và đóng dấu Bên A. Xác nhận số lượng, khối lượng chất thải vận chuyển bằng cách ký vào chứng từ giao nhận CTNH và biên bản giao nhận của bên B.
4. Thông báo trước cho bên B trong trường hợp khối lượng CTNH tăng để bên B có kế hoạch điều động phương tiện thu gom. Chi phí vận chuyển phát sinh (nếu có) do bên A chịu.
5. Chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật nếu để lẫn CTNH không có trong danh mục CTNH của hợp đồng đã ký.
6. Bên A tuyệt đối không được sử dụng hợp đồng này để ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH với các chủ nguồn thải, chủ vận chuyển và chủ xử lý khác.
7. Phải bàn giao đúng khối lượng và chủng loại CTNH theo biên bản thống nhất xác định khối lượng và chủng loại phát sinh tại chủ nguồn thải.
8. Bàn giao CTNH đúng thời hạn theo hợp đồng. Thời điểm cuối cùng bên A chuyển giao CTNH phải trước 30 ngày kể từ ngày hết hạn hợp đồng để hai bên có đủ thời gian hoàn thiện giấy tờ pháp lý liên quan.
9. Cung cấp giấy ủy quyền trong trường hợp người ký hợp đồng không phải là người đại diện pháp luật của công ty.
10. Thanh toán chi phí thực hiện đúng thời hạn theo **Điều 2.**

<u>Bên B</u>

1. Ký vào chứng từ CTNH, biên bản giao nhận trên mỗi chuyến.
2. Phải cung cấp cho Bên A các hồ sơ pháp lý có liên quan do Bên A yêu cầu.
3. Vận chuyển, xử lý CTNH cho Bên A theo danh mục, khối lượng, thời gian và địa điểm đã thỏa thuận trong nội dung hợp đồng.
4. Thu gom CTNH của bên A đã được chứa trong vật chứa chuyên dụng hoặc trong các bao chứa CTNH, sau đó vận chuyển đến nhà máy xử lý CTNH của bên B.
5. Đảm bảo thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH của bên A theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.
6. Trong trường hợp xe hư hỏng, sẽ sắp xếp (bố trí) thay thế phương tiện để thu gom CTNH trong thời gian sớm nhất (48 giờ).
7. Nếu không tiếp nhận chất thải theo như trong hợp đồng mà không thông báo trước cho Bên A thì Bên B sẽ hoàn trả lại 100% chi phí bên B đã nhận của bên A trước đó.
8. Từ chối vận chuyển hoặc có thể đơn phương chấm dứt hợp đồng nếu bên A giao CTNH không đúng theo nội dung hợp đồng.
9. Cung cấp giấy ủy quyền trong trường hợp người ký hợp đồng không phải là người đại diện pháp luật của công ty

ĐIỀU 7. BẤT KHẢ KHÁNG

7.1. Bất khả kháng là những sự kiện khách quan nằm ngoài sự kiểm soát của các bên bao gồm nhưng không giới hạn ở: dịch bệnh, động đất, bão, lũ lụt, gió lốc, sóng thần, lở đất, hỏa hoạn, chiến tranh hay đe dọa chiến tranh... hoặc các thảm họa khác không thể lường trước được; hoặc sự thay đổi của luật pháp bởi chính quyền Việt Nam.

7.2. Khi một bên không thể thực hiện tất cả hay một phần của nghĩa vụ Hợp đồng do sự kiện bất khả kháng gây ra một cách trực tiếp, Bên này sẽ không được xem là vi phạm Hợp đồng nếu đáp ứng được tất cả những điều kiện sau:

7.3. Bất khả kháng là nguyên nhân trực tiếp của sự gián đoạn hoặc trì hoãn việc thực hiện nghĩa vụ; và

7.4. Bên bị gặp phải sự kiện bất khả kháng đã nỗ lực để thực hiện nghĩa vụ của mình và giảm thiểu thiệt hại gây ra cho Bên kia bởi sự kiện bất khả kháng; và

7.5. Tại thời điểm xảy ra sự kiện bất khả kháng, bên gặp phải sự kiện bất khả kháng phải thông báo ngay cho bên kia cũng như cung cấp văn bản thông báo và giải thích về lý do gây ra sự gián đoạn hoặc trì hoãn thực hiện nghĩa vụ.

ĐIỀU 8. ĐIỀU KHOẢN CHUNG

8.1. Hai bên cùng đồng ý thực hiện đúng và đủ các điều khoản của Hợp đồng. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu có khó khăn trở ngại phát sinh, hai bên sẽ cùng nhau giải quyết bằng thương lượng trên tinh thần hợp tác và 2 bên cùng có lợi.

8.2. Hợp đồng này tự thanh lý khi không còn bất kì tồn động, vướng mắc nào và hết thời hạn hiệu lực hợp đồng theo **điều 5.**

8.3. Hợp đồng được lập thành 07 bản tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau; bên A giữ 02 bản và bên B giữ 05 bản.

8.4. Hợp đồng này chỉ có giá trị khi có đầy đủ các chữ ký, con dấu của hai Bên.

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
GIÁM ĐỐC	PHÓ GIÁM ĐỐC
CÔNG TY TNHH TM-SX GIẤY VÀ BAO BÌ GIẤY TRƯỜNG SƠN	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
NGUYỄN CÔNG TRƯỜNG	NGUYỄN TĂNG HẢI

10. Có quyền từ chối tiếp nhận vận chuyển nếu Bên A không thanh toán cho Bên B theo đúng thời gian hợp đồng theo Điều 2.

ĐIỀU 4. GIẢI QUYẾT CÁC TRƯỜNG HỢP PHÁT SINH

4.1. Đối với Bên A, trong trường hợp ngưng hoạt động hoặc lượng CTNH tăng quá nhiều, cần phải báo ngay cho bên B ngưng hoặc điều động thêm xe, thêm chuyến để giải quyết CTNH ngoài định kỳ đã được quy định ở Điều 1 (Báo trước 02 ngày về số **Điện thoại: 0949966977**)

4.2. Đối với Bên B, trong trường hợp máy móc, phương tiện gặp sự cố bất thường, cần phải thông báo ngay cho bên A, và tìm biện pháp giải quyết kịp thời, không để CTNH ứ đọng làm ảnh hưởng vệ sinh, môi trường trong khu vực của bên A.

ĐIỀU 5. HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG VÀ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

5.1. Thời gian thực hiện hợp đồng: từ **26/4/2024** ngày đến **25/4/2025** ngày.

5.2. Hiệu lực hợp đồng: có hiệu lực kể từ ký đến khi hai bên thanh toán đầy đủ và không còn nợ nần nhau, hợp đồng sẽ tự thanh lý.

5.3. Hợp Đồng này sẽ chấm dứt trước thời hạn trong những trường hợp sau:

5.2.1. Nếu các bên đồng ý chấm dứt bằng văn bản.

5.2.2. Nếu bất cứ vi phạm trách nhiệm theo **điều 3** không được khắc phục trong thời hạn **30 ngày** kể từ ngày nhận được yêu cầu khắc phục từ Bên không vi phạm.

5.2.3. Bên A vi phạm điều khoản thanh toán theo **Điều** 2.

5.2.4. Bên A vi phạm bàn giao CTNH cho bên B theo **Điều** 1.

5.4. Trong trường hợp chấm dứt hợp đồng Bên không vi phạm có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng bằng cách gửi văn bản thông báo cho Bên vi phạm và các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan.

5.5. Bên B sẽ không hoàn trả số tiền bên A thanh toán trước (nếu có) nếu bên A vi phạm và hợp đồng chấm dứt trước thời hạn.

5.6. Trường hợp đơn phương chấm dứt hợp đồng trước thời hạn, phải thông báo cho bên kia biết trước 01 (một) tháng.

ĐIỀU 6. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

5.1. Trong trường hợp có vướng mắc trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên nỗ lực tối đa chủ động bàn bạc để tháo gỡ và thương lượng giải quyết.

5.2. Trường hợp không đạt được thỏa thuận giữa các bên, việc giải quyết tranh chấp sẽ được thông qua hòa giải, trọng tài hoặc tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật nước CHXHCN Việt Nam.

TỈNH/THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 650 /2022/3-4-5-6.013.VX

1. Chủ CS DV XLCTNH 1: **CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TPHCM** Mã số QLCTNH: 3-4-5-6.013.VX

Địa chỉ văn phòng: 42-44 Võ Thị Sáu, P. Tân Định, Q.1, TP.HCM ĐT: (028) 38 291 975

2. Chủ CS DV XLCTNH 2: **CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TPHCM** Mã số QLCTNH: 3-4-5-6.013.VX

Địa chỉ văn phòng: 42-44 Võ Thị Sáu, P. Tân Định, Q.1, TP.HCM ĐT: (028) 38 291 975

Địa chỉ cơ sở: Khu xử lý CTNH, CTCN, Xã Đông Thạnh, Huyện Hóc Môn, TP.HCM ĐT: (028) 38 208 666

3. Chủ nguồn thải: **CÔNG TY TNHH TM SX GIẤY VÀ BAO BÌ GIẤY TRƯỜNG SƠN**

Giấy phép MT/Mã số QLCTNH: .....

Địa chỉ văn phòng: Ấp 3 Nhà Thương, Thị Trấn Thủ Thừa, huyện Thủ Thừa, Tỉnh Long An

Địa chỉ cơ sở: Ấp 3 Nhà Thương, Thị Trấn Thủ Thừa, huyện Thủ Thừa, Tỉnh Long An

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý
		Rắn	Lỏng	Bùn			
01	Bóng đèn hỏng	X			16 01 06	10	PH-HR-CL
02	Hộp mực in	X			08 02 04	2	TĐ
03	Giẻ lau dính dầu mỡ	X			18 02 01	23	TĐ
04	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải không chứa clo		X		17 02 03		TĐ

* Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:.....Cửa khẩu nhập.....

Số hiệu phương tiện:.....Ngày xuất cảng:.....Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

hiệu phương tiện vận chuyển: 51D 04284

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XLCTNH 1/HORA: Nguyễn Quốc Chính Ký: Chính Ngày: 12/1

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XLCTNH 2: Đoàn Khắc Hùng Ký: Ngày: 1

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thôngtin ở mục 1-4 (hoặc 5)

TP.HCM, ngày 01 tháng 02 Năm 2023

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY TNHH TM-SX GIẤY VÀ BAO BÌ GIẤY TRƯỜNG SƠN

NGUYỄN CÔNG TRƯỜNG

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý antoàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê kha mục 4

TP.HCM, ngày 01 tháng 02 Năm 2023

PHÓ GIÁM ĐỐC

TRẦN VĂN QUÂN

Liên số: 1, 2, 3

Ghi chú:.....

(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNTH)

TỈNH/THÀNH PHỐ
TP.HCM

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 3193 /2023/3-4-5-6.013.VX

1. Chủ CS DV XLCTNH 1: **CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TPHCM** Mã số QLCTNH: 3-4-5-6.013.VX
Địa chỉ văn phòng: 42-44 Võ Thị Sáu, P. Tân Định, Q.1, TP.HCM ĐT: (028) 38 291 975

2. Chủ CS DV XLCTNH 2: **CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TPHCM** Mã số QLCTNH: 3-4-5-6.013.VX
Địa chỉ văn phòng: 42-44 Võ Thị Sáu, P. Tân Định, Q.1, TP.HCM ĐT: (028) 38 291 975
Địa chỉ cơ sở: Khu xử lý CTNH, CTCN, Xã Đông Thạnh, Huyện Hóc Môn, TP.HCM ĐT: (028) 38 208 666

3. Chủ nguồn thải: **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT GIẤY VÀ BAO BÌ GIẤY TRƯỜNG SƠN** Giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH (nếu có): 80.000096.T
Địa chỉ văn phòng: Ấp 3, Nhà Thương, Thị Trấn Thủ Thừa, H. Thủ Thừa, Tỉnh Long An ĐT: 0272.3864958-36122777
Địa chỉ cơ sở: Ấp 3, Nhà Thương, Thị Trấn Thủ Thừa, H. Thủ Thừa, Tỉnh Long An ĐT: 0272.3864958-36122777

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý *
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bóng đèn hỏng	x			16 01 06	10	PH-HR-CL
2	Hộp mực in	x			08 02 04	15	TD
3	Giẻ lau dính dầu mỡ	x			18 02 01	40	TD
4	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải không chứa clo		x		17 02 03	4	TD

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:.....Cửa khẩu nhập.....
Số hiệu phương tiện:.....Ngày xuất cảng:.....Cửa khẩu xuất:.....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: SIC - 59293

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XLCTNH 1/HORA: Nguyễn Duy Chinh Ký: Ngày: 27/6/23

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XLCTNH 2: Trương Văn Cường Ký: Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thôngtin ở mục 1-4 (hoặc 5)

TP.HCM, ngày 27 tháng 06 năm 2023
CÔNG TY TNHH MỘT TM-SX GIẤY VÀ BAO BÌ GIẤY TRƯỜNG SƠN
Nguyễn Công Trường

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

TP.HCM, ngày 11 tháng 7 năm 2023
PHÓ GIÁM ĐỐC
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRẦN VĂN QUÂN

Liên số: 1 - 2 - 3 - 4

Ghi chú:
(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng kể từ ngày tiếp nhận từ CNTH)

TỈNH/THÀNH PHỐ
LONG AN

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 6618/2023/220/GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XLCTNH 1: **CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TPHCM** Giấy phép MT: 220/GPMT-BTNMT
Địa chỉ văn phòng: 42-44 Võ Thị Sáu, P. Tân Định, Q.1, TP.HCM ĐT: (028) 38 291 975

2. Chủ CS DV XLCTNH 2: **CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TPHCM** Giấy phép MT: 220/GPMT-BTNMT
Địa chỉ văn phòng: 42-44 Võ Thị Sáu, P. Tân Định, Q.1, TP.HCM ĐT: (028) 38 291 975
Địa chỉ cơ sở: Khu xử lý CTNH, CTCN, Xã Đông Thạnh, Huyện Hóc Môn, TP.HCM ĐT: (028) 38 208 666

3. Chủ nguồn thải: **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT GIẤY VÀ BAO BÌ GIẤY TRƯỜNG SƠN** Giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH (nếu có): 80.000096.T
Địa chỉ văn phòng: Ấp 3, Nhà Thương, Thị Trấn Thủ Thừa, H. Thủ Thừa, Tỉnh Long An ĐT: 0272.3864958-36122777
Địa chỉ cơ sở: Ấp 3, Nhà Thương, Thị Trấn Thủ Thừa, H. Thủ Thừa, Tỉnh Long An ĐT: 0272.3864958-36122777

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý [a]
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bóng đèn hỏng	x			16 01 06	9	PH-HR-CL
2	Hộp mực in	x			08 02 04	3	TĐ
3	Giẻ lau dính dầu mỡ	x			18 02 01	40	TĐ
4	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải không chứa clo		x		17 02 03	11	TĐ

[a] Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:.....Cửa khẩu nhập.....
Số hiệu phương tiện:.....Ngày xuất cảng:.....Cửa khẩu xuất:.....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4. Số hiệu phương tiện vận chuyển: 51C-59293

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XLCTNH 1/HORA: Nguyễn Huế Chính Ký: ..... Ngày: 20/11/23

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XLCTNH 2: Phùng Văn Cường Ký: ..... Ngày: .....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thôngtin ở mục 1-4 (hoặc 5)

TP.HCM, ngày 10 tháng 11 năm 2023
GIÁM ĐỐC
CÔNG TY TNHH TM-SX GIẤY VÀ BAO BÌ GIẤY TRƯỜNG SƠN
Nguyễn Công Trường

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

10-12-2023
TP.HCM, ngày ..... tháng ..... năm .....
Q. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
GIÁM ĐỐC DV. ĐƯỜI DỤ MÔI TRƯỜNG
Nguyễn Hữu Lộc

Liên số: 1 - 2 - 3 - 4

Ghi chú: .....
(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNTH)

VILAS 269 VIMCERTS 130	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG LONG AN TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT VÀ DỊCH VỤ TN, MT Địa chỉ: 365, Quốc lộ 1, Phường 4, TP Tân An, tỉnh Long An Điện thoại: 0272.3831847 – Fax: 02723.523347 Email: ttquantraclongan@gmail.com	
	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM **Số: 0077/2023/DV**	Trang 1/6

1. Tên khách hàng: Công ty TNHH TM - SX giấy và bao bì giấy Trường Sơn.

2. Địa chỉ: ấp 3, Nhà Thương, TT. Thủ Thừa, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

3. Mục tiêu yêu cầu: giám sát môi trường định kỳ.

4. Ngày lấy mẫu: 17/02/2023

5. Ngày nhận mẫu: 17/02/2023

6. Ngày trả kết quả: 03/03/2023

7. Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày hẹn trả kết quả

8. Kết quả phân tích:

MSM: 2302196

Thông số	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp thử	LOD	Ghi chú
Bụi tổng	mg/Nm^3	44	US EPA Method 5	3	(2)
Cacbon oxit, CO	mg/Nm^3	915	HD.HT.27	0-11.400	(2),(4)
Nitơ oxit,NO_x (tính theo NO_2)	mg/Nm^3	199	HD.HT.29+HD.HT.30	-	(2),(4)
Lưu huỳnh đioxit, SO_2	mg/Nm^3	<10	HD.HT.28	0-9.170	(2),(4)
Nhiệt độ	^oC	58,4	HD-HT.15	0-500	(2),(4)
Lưu lượng	m^3/h	8.308	HD.HT.26	-	(2),(4)

MSM: 2302196 .Tên mẫu: KK02 .Vị trí: Mẫu khí thải tại ống khói lò hơi, sau hệ thống xử lý.

Chú thích:

- KPH: Không phát hiện, LOD: Giới hạn phát hiện.
- (2): Thông số được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp phép đủ điều kiện thực hiện dịch vụ quan trắc và phân tích môi trường; (4): Thông số được thực hiện tại hiện trường.

TP.QUAN TRẮC THỬ NGHIỆM

Huỳnh Thị Ngọc Loan

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT VÀ DỊCH VỤ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG

Quách Cao Minh

- Phương pháp lấy mẫu theo BM 09.04 (đối với mẫu do TT PTQD và DV TN, MT khảo sát lấy mẫu).
- Hết thời gian lưu mẫu, Trung tâm PTQD và DV TN, MT không chịu trách nhiệm việc khiếu nại kết quả phân tích của khách hàng.
- Kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu thử.
- Không được trích sao một phần kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm PTQD và DV TN, MT.

VILAS 269 VIMCERTS 130	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG LONG AN TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT VÀ DỊCH VỤ TN, MT Địa chỉ: 365, Quốc lộ 1, Phường 4, TP Tân An, tỉnh Long An Điện thoại: 0272.3831847 – Fax: 02723.523347 Email: ttquantraclongan@gmail.com	
	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM **Số: 0077/2023/DV**	Trang 2/6

1. Tên khách hàng: Công ty TNHH TM - SX giấy và bao bì giấy Trường Sơn.

2. Địa chỉ: ấp 3, Nhà Thương, TT. Thủ Thừa, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

3. Mục tiêu yêu cầu: giám sát môi trường định kỳ.

4. Ngày lấy mẫu: 17/02/2023

5. Ngày nhận mẫu: 17/02/2023

6. Ngày trả kết quả: 03/03/2023

7. Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày hẹn trả kết quả

8. Kết quả phân tích:

MSM: 2302197

Thông số	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp thử	LOD	Ghi chú
Tổng bụi lơ lửng (TSP)	$\mu g/m^3$	176	TCVN 5067:1995	-	(1),(2)
Tiếng ồn Leq	dBA	63,5	TCVN 7878-2:2018	30-130	(1),(2),(4)
Nhiệt độ	°C	30,5	QCVN 46:2012/BTNMT	0-50	(1),(2),(4)
Độ ẩm	%	67,0	QCVN 46:2012/BTNMT	0-100	(1),(2),(4)
Vận tốc gió	m/s	1,0	HD.HT.18	0,4-40	(1),(2),(4)
Ánh sáng	Lux	10.500	QCVN 46:2012/BTNMT	-	(*)
SO_2	$\mu g/m^3$	94	TCVN 5971:1995	4	(2)
NO_2	$\mu g/m^3$	12	TCVN 6137:2009	3	(2)
CO	$\mu g/m^3$	7.828	SOP-PT-CO	3.000	(2)

Chú thích:

- KPH: Không phát hiện, LOD: Giới hạn phát hiện.
- (1): Thông số được VILAS công nhận; (2): Thông số được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp phép đủ điều kiện thực hiện dịch vụ quan trắc và phân tích môi trường; (4): Thông số được thực hiện tại hiện trường; (*): Thông số có giá trị tham khảo.

TP.QUAN TRẮC THỬ NGHIỆM

Huỳnh Thị Ngọc Loan

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT VÀ DỊCH VỤ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG

Quách Cao Minh

- Phương pháp lấy mẫu theo BM 09.04 (đối với mẫu do TT PTQD và DV TN, MT khảo sát lấy mẫu).
- Hết thời gian lưu mẫu, Trung tâm PTQD và DV TN, MT không chịu trách nhiệm việc khiếu nại kết quả phân tích của khách hàng.
- Kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu thử.
- Không được trích sao một phần kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm PTQD và DV TN, MT.

VILAS 269 VIMCERTS 130	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG LONG AN TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT VÀ DỊCH VỤ TN, MT Địa chỉ: 365, Quốc lộ 1, Phường 4, TP Tân An, tỉnh Long An Điện thoại: 0272.3831847 – Fax: 02723.523347 Email: ttquantraclongan@gmail.com	
	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM Số: 0077/2023/DV	Trang 3/6

1. **Tên khách hàng:** Công ty TNHH TM - SX giấy và bao bì giấy Trường Sơn.
2. **Địa chỉ:** ấp 3, Nhà Thương, TT. Thủ Thừa, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.
3. **Mục tiêu yêu cầu:** giám sát môi trường định kỳ.
4. **Ngày lấy mẫu:** 17/02/2023
5. **Ngày nhận mẫu:** 17/02/2023
6. **Ngày trả kết quả:** 03/03/2023
7. **Thời gian lưu mẫu:** 5 ngày kể từ ngày hẹn trả kết quả
8. **Kết quả phân tích:**

MSM: 2302197

MSM: 2302197 .Tên mẫu: KK03 .Vị trí: Mẫu khí tại khu vực cổng Công ty.

Chú thích:

- KPH: Không phát hiện, LOD: Giới hạn phát hiện.
- (1): Thông số được VILAS công nhận; (2): Thông số được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp phép đủ điều kiện thực hiện dịch vụ quan trắc và phân tích môi trường; (3)Thông số được thực hiện bởi nhà thầu phụ (Viện Công nghệ Môi trường - VIMCERTS 079); (4): Thông số được thực hiện tại hiện trường.

TP.QUAN TRẮC THỬ NGHIỆM

Huỳnh Thị Ngọc Loan

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT DỊCH VỤ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG

Quách Cao Minh

- Phương pháp lấy mẫu theo BM 09.04 (đối với mẫu do TT PTQD và DV TN, MT khảo sát lấy mẫu).
- Hết thời gian lưu mẫu, Trung tâm PTQD và DV TN, MT không chịu trách nhiệm việc khiếu nại kết quả phân tích của khách hàng.
- Kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu thử.
- Không được trích sao một phần kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm PTQD và DV TN, MT.

VILAS 269 VIMCERTS 130	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG LONG AN TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT VÀ DỊCH VỤ TN, MT Địa chỉ: 365, Quốc lộ 1, Phường 4, TP Tân An, tỉnh Long An Điện thoại: 0272.3831847 – Fax: 02723.523347 Email: ttquantraclongan@gmail.com	
	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM Số: 0077/2023/DV	Trang 4/6

1. Tên khách hàng: Công ty TNHH TM - SX giấy và bao bì giấy Trường Sơn.

2. Địa chỉ: ấp 3, Nhà Thương, TT. Thủ Thừa, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

3. Mục tiêu yêu cầu: giám sát môi trường định kỳ.

4. Ngày lấy mẫu: 17/02/2023

5. Ngày nhận mẫu: 17/02/2023

6. Ngày trả kết quả: 03/03/2023

7. Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày hẹn trả kết quả

8. Kết quả phân tích:

MSM: 2302198

Thông số	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp thử	LOD	Ghi chú
Tổng bụi lơ lửng (TSP)	$\mu g/m^3$	111	TCVN 5067:1995	-	(1),(2)
Tiếng ồn Leq	dBA	67,1	TCVN 7878-2:2018	30-130	(1),(2),(4)
Nhiệt độ	°C	30,8	QCVN 46:2012/BTNMT	0-50	(1),(2),(4)
Độ ẩm	%	65,3	QCVN 46:2012/BTNMT	0-100	(1),(2),(4)
Vận tốc gió	m/s	0,7	HD.HT.18	0,4-40	(1),(2),(4)
Ánh sáng	Lux	750	QCVN 46:2012/BTNMT	-	(*)
SO_2	$\mu g/m^3$	94	TCVN 5971:1995	4	(2)
NO_2	$\mu g/m^3$	11	TCVN 6137:2009	3	(2)
CO	$\mu g/m^3$	7.414	SOP-PT-CO	3.000	(2)

Chú thích:

- KPH: Không phát hiện, LOD: Giới hạn phát hiện.
- (1): Thông số được VILAS công nhận; (2): Thông số được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp phép đủ điều kiện thực hiện dịch vụ quan trắc và phân tích môi trường; (4): Thông số được thực hiện tại hiện trường; (*): Thông số có giá trị tham khảo.

TP.QUAN TRẮC THỬ NGHIỆM

Huỳnh Thị Ngọc Loan

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT VÀ DỊCH VỤ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG

Quách Cao Minh

- Phương pháp lấy mẫu theo BM 09.04 (đối với mẫu do TT PTQD và DV TN, MT khảo sát lấy mẫu).
- Hết thời gian lưu mẫu, Trung tâm PTQD và DV TN, MT không chịu trách nhiệm việc khiếu nại kết quả phân tích của khách hàng.
- Kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu thử.
- Không được trích sao một phần kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm PTQD và DV TN, MT.

VILAS 269 VIMCERTS 130	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG LONG AN TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT VÀ DỊCH VỤ TN, MT Địa chỉ: 365, Quốc lộ 1, Phường 4, TP Tân An, tỉnh Long An Điện thoại: 0272.3831847 – Fax: 02723.523347 Email: ttquantraclongan@gmail.com	
	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM Số: 0077/2023/DV	Trang 5/6

1. Tên khách hàng: Công ty TNHH TM - SX giấy và bao bì giấy Trường Sơn.

2. Địa chỉ: ấp 3, Nhà Thương, TT. Thủ Thừa, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

3. Mục tiêu yêu cầu: giám sát môi trường định kỳ.

4. Ngày lấy mẫu: 17/02/2023

5. Ngày nhận mẫu: 17/02/2023

6. Ngày trả kết quả: 03/03/2023

7. Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày hẹn trả kết quả

8. Kết quả phân tích:

MSM: 2302198

MSM: 2302198 .Tên mẫu: KK04 .Vị trí: Mẫu khí tại khu vực sản xuất.

Chú thích:

- KPH: Không phát hiện, LOD: Giới hạn phát hiện.
- (1): Thông số được VILAS công nhận; (2): Thông số được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp phép đủ điều kiện thực hiện dịch vụ quan trắc và phân tích môi trường; (3)Thông số được thực hiện bởi nhà thầu phụ (Viện Công nghệ Môi trường - VIMCERTS 079); (4): Thông số được thực hiện tại hiện trường.

TP.QUAN TRẮC THỬ NGHIỆM

Huỳnh Thị Ngọc Loan

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT VÀ DỊCH VỤ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG

Quách Cao Minh

- Phương pháp lấy mẫu theo BM 09.04 (đối với mẫu do TT PTQD và DV TN, MT khảo sát lấy mẫu).
- Hết thời gian lưu mẫu, Trung tâm PTQD và DV TN, MT không chịu trách nhiệm việc khiếu nại kết quả phân tích của khách hàng.
- Kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu thử.
- Không được trích sao một phần kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm PTQD và DV TN, MT.

VILAS 269 VIMCERTS 130	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG LONG AN TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT VÀ DỊCH VỤ TN, MT Địa chỉ: 365, Quốc lộ 1, Phường 4, TP Tân An, tỉnh Long An Điện thoại: 0272.3831847 – Fax: 02723.523347 Email: ttquantraclongan@gmail.com	
	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM **Số: 0452/2023/DV**	Trang 1/7

1. Tên khách hàng: Công ty TNHH TM - SX giấy và bao bì giấy Trường Sơn.

2. Địa chỉ: ấp 3, Nhà Thương, TT. Thủ Thừa, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

3. Mục tiêu yêu cầu: giám sát môi trường định kỳ.

4. Ngày lấy mẫu: 18/05/2023

5. Ngày nhận mẫu: 18/05/2023

6. Ngày trả kết quả: 08/06/2023

7. Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày hẹn trả kết quả

8. Kết quả phân tích:

MSM: 23051546

Thông số	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp thử	LOD	Ghi chú
Bụi tổng	mg/Nm^3	81	US EPA Method 5	3	(2)
Cacbon oxit, CO	mg/Nm^3	34	HD.HT.27	-	(2),(4)
Nitơ oxit,NO_x (tính theo NO_2)	mg/Nm^3	<10	HD.HT.29+HD.HT.30	-	(2),(4)
Lưu huỳnh đioxit, SO_2	mg/Nm^3	<10	HD.HT.28	-	(2),(4)
Nhiệt độ	^oC	78,9	HD-HT.15	-	(2),(4)
Lưu lượng	m^3/h	11.200	HD.HT.26	-	(2),(4)

MSM: 23051546 .Tên mẫu: KK02 .Vị trí: Mẫu khí thải tại ống khói lò hơi, sau hệ thống xử lý.

Chú thích:

- KPH: Không phát hiện, LOD: Giới hạn phát hiện.
- (2): Thông số được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp phép đủ điều kiện thực hiện dịch vụ quan trắc môi trường; (4): Thông số được thực hiện tại hiện trường.

TP.QUAN TRẮC THỬ NGHIỆM

Huỳnh Thị Ngọc Loan

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT VÀ DỊCH VỤ TÀI NGUYÊN, MÔI TRƯỜNG

Quách Cao Minh

- Phương pháp lấy mẫu theo BM 09.04 (đối với mẫu do TT PTQD và DV TN, MT khảo sát lấy mẫu).
- Hết thời gian lưu mẫu, Trung tâm PTQD và DV TN, MT không chịu trách nhiệm việc khiếu nại kết quả phân tích của khách hàng.
- Kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu thử.
- Không được trích sao một phần kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm PTQD và DV TN, MT.

VILAS 269 VIMCERTS 130	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG LONG AN TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT VÀ DỊCH VỤ TN, MT Địa chỉ: 365, Quốc lộ 1, Phường 4, TP Tân An, tỉnh Long An Điện thoại: 0272.3831847 – Fax: 02723.523347 Email: ttquantraclongan@gmail.com	
	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM **Số: 0452/2023/DV**	Trang 2/7

1. Tên khách hàng: Công ty TNHH TM - SX giấy và bao bì giấy Trường Sơn.

2. Địa chỉ: ấp 3, Nhà Thương, TT. Thủ Thừa, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

3. Mục tiêu yêu cầu: giám sát môi trường định kỳ.

4. Ngày lấy mẫu: 18/05/2023

5. Ngày nhận mẫu: 18/05/2023

6. Ngày trả kết quả: 08/06/2023

7. Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày hẹn trả kết quả

8. Kết quả phân tích:

MSM: 23051547

Thông số	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp thử	LOD	Ghi chú
Tổng bụi lơ lửng (TSP)	$\mu g/m^3$	94	TCVN 5067:1995	24	(1),(2)
Tiếng ồn Leq	dBA	61,3	TCVN 7878-2:2018	-	(1),(2),(4)
Nhiệt độ	^oC	31,2	QCVN 46:2012/BTNMT	-	(2),(4)
Độ ẩm	%	64,2	QCVN 46:2012/BTNMT	-	(2),(4)
Vận tốc gió	m/s	1,0	HD.HT.18	-	(2),(4)
Ánh sáng	Lux	9.200	QCVN 46:2012/BTNMT	-	(*)
SO_2	$\mu g/m^3$	88	TCVN 5971:1995	4	(2)

Chú thích:

- KPH: Không phát hiện, LOD: Giới hạn phát hiện.
- (1): Thông số được VILAS công nhận; (2): Thông số được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp phép đủ điều kiện thực hiện dịch vụ quan trắc môi trường; (4): Thông số được thực hiện tại hiện trường; (*): Thông số có giá trị tham khảo.

TP.QUAN TRẮC THỬ NGHIỆM

Huỳnh Thị Ngọc Loan

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT VÀ DỊCH VỤ TÀI NGUYÊN, MÔI TRƯỜNG

Quách Cao Minh

- Phương pháp lấy mẫu theo BM 09.04 (đối với mẫu do TT PTQD và DV TN, MT khảo sát lấy mẫu).
- Hết thời gian lưu mẫu, Trung tâm PTQD và DV TN, MT không chịu trách nhiệm việc khiếu nại kết quả phân tích của khách hàng.
- Kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu thử.
- Không được trích sao một phần kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm PTQD và DV TN, MT.

VILAS 269 VIMCERTS 130	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG LONG AN **TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT VÀ DỊCH VỤ TN, MT** **Địa chỉ: 365, Quốc lộ 1, Phường 4, TP Tân An, tỉnh Long An** **Điện thoại: 0272.3831847 – Fax: 02723.523347** **Email: ttquantraclongan@gmail.com**	
	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM **Số: 0452/2023/DV**	Trang 3/7

1. Tên khách hàng: Công ty TNHH TM - SX giấy và bao bì giấy Trường Sơn.

2. Địa chỉ: ấp 3, Nhà Thương, TT. Thủ Thừa, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

3. Mục tiêu yêu cầu: giám sát môi trường định kỳ.

4. Ngày lấy mẫu: 18/05/2023

5. Ngày nhận mẫu: 18/05/2023

6. Ngày trả kết quả: 08/06/2023

7. Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày hẹn trả kết quả

8. Kết quả phân tích:

MSM: 23051547

Thông số	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp thử	LOD	Ghi chú
NO_2	$\mu g/m^3$	25	TCVN 6137:2009	3	(2)
CO	$\mu g/m^3$	19.548	SOP-PT-CO	3.000	(2)

MSM: 23051547 .Tên mẫu: KK03 .Vị trí: Mẫu khí khu vực cổng Công ty.

Chú thích:

- KPH: Không phát hiện, LOD: Giới hạn phát hiện.
- (2): Thông số được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp phép đủ điều kiện thực hiện dịch vụ quan trắc môi trường.

TP.QUAN TRẮC THỬ NGHIỆM

Huỳnh Thị Ngọc Loan

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT VÀ DỊCH VỤ TÀI NGUYÊN, MÔI TRƯỜNG

Quách Cao Minh

- Phương pháp lấy mẫu theo BM 09.04 (đối với mẫu do TT PTQD và DV TN, MT khảo sát lấy mẫu).
- Hết thời gian lưu mẫu, Trung tâm PTQD và DV TN, MT không chịu trách nhiệm việc khiếu nại kết quả phân tích của khách hàng.
- Kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu thử.
- Không được trích sao một phần kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm PTQD và DV TN, MT.

VILAS 269 VIMCERTS 130	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG LONG AN TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT VÀ DỊCH VỤ TN, MT Địa chỉ: 365, Quốc lộ 1, Phường 4, TP Tân An, tỉnh Long An Điện thoại: 0272.3831847 – Fax: 02723.523347 Email: ttquantraclongan@gmail.com	
	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM **Số: 0452/2023/DV**	Trang 4/7

1. Tên khách hàng: Công ty TNHH TM - SX giấy và bao bì giấy Trường Sơn.

2. Địa chỉ: ấp 3, Nhà Thương, TT. Thủ Thừa, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

3. Mục tiêu yêu cầu: giám sát môi trường định kỳ.

4. Ngày lấy mẫu: 18/05/2023

5. Ngày nhận mẫu: 18/05/2023

6. Ngày trả kết quả: 08/06/2023

7. Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày hẹn trả kết quả

8. Kết quả phân tích:

MSM: 23051548

Thông số	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp thử	LOD	Ghi chú
Tổng bụi lơ lửng (TSP)	$\mu g/m^3$	134	TCVN 5067:1995	24	(1),(2)
Tiếng ồn Leq	dBA	63,5	TCVN 7878-2:2018	-	(1),(2),(4)
Nhiệt độ	^oC	31,5	QCVN 46:2012/BTNMT	-	(2),(4)
Độ ẩm	%	63,9	QCVN 46:2012/BTNMT	-	(2),(4)
Vận tốc gió	m/s	0,9	HD.HT.18	-	(2),(4)
Ánh sáng	Lux	8.500	QCVN 46:2012/BTNMT	-	(*)
SO_2	$\mu g/m^3$	62	TCVN 5971:1995	4	(2)

Chú thích:

- KPH: Không phát hiện, LOD: Giới hạn phát hiện.
- (1): Thông số được VILAS công nhận; (2): Thông số được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp phép đủ điều kiện thực hiện dịch vụ quan trắc môi trường; (4): Thông số được thực hiện tại hiện trường; (*): Thông số có giá trị tham khảo.

TP.QUAN TRẮC THỬ NGHIỆM

Huỳnh Thị Ngọc Loan

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT VÀ DỊCH VỤ TÀI NGUYÊN, MÔI TRƯỜNG

Quách Cao Minh

- Phương pháp lấy mẫu theo BM 09.04 (đối với mẫu do TT PTQD và DV TN, MT khảo sát lấy mẫu).
- Hết thời gian lưu mẫu, Trung tâm PTQD và DV TN, MT không chịu trách nhiệm việc khiếu nại kết quả phân tích của khách hàng.
- Kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu thử.
- Không được trích sao một phần kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm PTQD và DV TN, MT.

VILAS 269 VIMCERTS 130	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG LONG AN TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT VÀ DỊCH VỤ TN, MT Địa chỉ: 365, Quốc lộ 1, Phường 4, TP Tân An, tỉnh Long An Điện thoại: 0272.3831847 – Fax: 02723.523347 Email: ttquantraclongan@gmail.com	
	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM **Số: 0452/2023/DV**	Trang 5/7

1. Tên khách hàng: Công ty TNHH TM - SX giấy và bao bì giấy Trường Sơn.

2. Địa chỉ: ấp 3, Nhà Thương, TT. Thủ Thừa, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

3. Mục tiêu yêu cầu: giám sát môi trường định kỳ.

4. Ngày lấy mẫu: 18/05/2023

5. Ngày nhận mẫu: 18/05/2023

6. Ngày trả kết quả: 08/06/2023

7. Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày hẹn trả kết quả

8. Kết quả phân tích:

MSM: 23051548

Thông số	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp thử	LOD	Ghi chú
NO_2	$\mu g/m^3$	23	TCVN 6137:2009	3	(2)
CO	$\mu g/m^3$	15.022	SOP-PT-CO	3.000	(2)

MSM: 23051548 .Tên mẫu: KK04 .Vị trí: Mẫu khí khu vực sản xuất.

Chú thích:

- KPH: Không phát hiện, LOD: Giới hạn phát hiện.
- (2): Thông số được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp phép đủ điều kiện thực hiện dịch vụ quan trắc môi trường.

TP.QUAN TRẮC THỬ NGHIỆM

Huỳnh Thị Ngọc Loan

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT VÀ DỊCH VỤ TÀI NGUYÊN, MÔI TRƯỜNG

Quách Cao Minh

- Phương pháp lấy mẫu theo BM 09.04 (đối với mẫu do TT PTQD và DV TN, MT khảo sát lấy mẫu).
- Hết thời gian lưu mẫu, Trung tâm PTQD và DV TN, MT không chịu trách nhiệm việc khiếu nại kết quả phân tích của khách hàng.
- Kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu thử.
- Không được trích sao một phần kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm PTQD và DV TN, MT.

VILAS 269 VIMCERTS 130	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG LONG AN TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT VÀ DỊCH VỤ TN, MT Địa chỉ: 365, Quốc lộ 1, Phường 4, TP Tân An, tỉnh Long An Điện thoại: 0272.3831847 – Fax: 02723.523347 Email: ttquantraclongan@gmail.com	
	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM **Số: 0736/2023/DV**	Trang 1/6

1. Tên khách hàng: Công ty TNHH TM - SX giấy và bao bì giấy Trường Sơn.

2. Địa chỉ: ấp 3, Nhà Thương, TT. Thủ Thừa, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

3. Mục tiêu yêu cầu: giám sát môi trường định kỳ.

4. Ngày lấy mẫu: 19/07/2023

5. Ngày nhận mẫu: 19/07/2023

6. Ngày trả kết quả: 01/08/2023

7. Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày hẹn trả kết quả

8. Kết quả phân tích:

MSM: 23072426

Thông số	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp thử	LOD	Ghi chú
Bụi tổng	mg/Nm^3	23	US EPA Method 5	3	(2)
Cacbon oxit, CO	mg/Nm^3	795	HD.HT.27	-	(2),(4)
Nitơ oxit,NO_x (tính theo NO_2)	mg/Nm^3	75	HD.HT.29+HD.HT.30	-	(2),(4)
Lưu huỳnh đioxit, SO_2	mg/Nm^3	<10	HD.HT.28	-	(2),(4)
Nhiệt độ	°C	68,0	HD-HT.15	-	(2),(4)
Lưu lượng	m^3/h	10.632	HD.HT.26	-	(2),(4)

MSM: 23072426 .Tên mẫu: KK04 .Vị trí: Mẫu khí thải tại ống khói lò hơi, sau hệ thống xử lý.

Chú thích:

- KPH: Không phát hiện, LOD: Giới hạn phát hiện.
- (2): Thông số được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp phép đủ điều kiện thực hiện dịch vụ quan trắc môi trường; (4): Thông số được thực hiện tại hiện trường.

TP.QUAN TRẮC THỬ NGHIỆM

Huỳnh Thị Ngọc Loan

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT VÀ DỊCH VỤ TÀI NGUYÊN, MÔI TRƯỜNG

Quách Cao Minh

- Phương pháp lấy mẫu theo BM 09.04 (đối với mẫu do TT PTQD và DV TN, MT khảo sát lấy mẫu).
- Hết thời gian lưu mẫu, Trung tâm PTQD và DV TN, MT không chịu trách nhiệm việc khiếu nại kết quả phân tích của khách hàng.
- Kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu thử.
- Không được trích sao một phần kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm PTQD và DV TN, MT.

VILAS 269

VIMCERTS 130

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG LONG AN
TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT VÀ DỊCH VỤ TN, MT
Địa chỉ: 365, Quốc lộ 1, Phường 4, TP Tân An, tỉnh Long An
Điện thoại: 0272.3831847 – Fax: 02723.523347
Email: ttquantraclongan@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 0736/2023/DV

1. Tên khách hàng: Công ty TNHH TM - SX giấy và bao bì giấy Trường Sơn.
2. Địa chỉ: ấp 3, Nhà Thương, TT. Thủ Thừa, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.
3. Mục tiêu yêu cầu: giám sát môi trường định kỳ.
4. Ngày lấy mẫu: 19/07/2023
5. Ngày nhận mẫu: 19/07/2023
6. Ngày trả kết quả: 01/08/2023
7. Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày hẹn trả kết quả
8. Kết quả phân tích:

MSM: 23072427

Thông số	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp thử	LOD	Ghi chú
Tổng bụi lơ lửng (TSP)	$\mu g/m^3$	62	TCVN 5067:1995	24	(1),(2)
Tiếng ồn Leq	dBA	66,8	TCVN 7878-2:2018	-	(1),(2),(4)
Nhiệt độ	°C	30,3	QCVN 46:2012/BTNMT	-	(2),(4)
Độ ẩm	%	69,6	QCVN 46:2012/BTNMT	-	(2),(4)
Vận tốc gió	m/s	0,8	HD.HT.18	-	(2),(4)
Ánh sáng	Lux	780	QCVN 46:2012/BTNMT	-	(#)
SO_2	$\mu g/m^3$	58	TCVN 5971:1995	4	(2)
NO_2	$\mu g/m^3$	17	TCVN 6137:2009	3	(2)
CO	$\mu g/m^3$	18.294	SOP-PT-CO	3.000	(2)

Chú thích:

- KPH: Không phát hiện, LOD: Giới hạn phát hiện.
- (1): Thông số được VILAS công nhận; (2): Thông số được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp phép đủ điều kiện thực hiện dịch vụ quan trắc môi trường; (4): Thông số được thực hiện tại hiện trường; (#): Thông số được phân tích theo yêu cầu của khách hàng.

TP.QUAN TRẮC THỬ NGHIỆM

Huỳnh Thị Ngọc Loan

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT VÀ DỊCH VỤ TÀI NGUYÊN, MÔI TRƯỜNG

Quách Cao Minh

- Phương pháp lấy mẫu theo BM 09.04 (đối với mẫu do TT PTQD và DV TN, MT khảo sát lấy mẫu).
- Hết thời gian lưu mẫu, Trung tâm PTQD và DV TN, MT không chịu trách nhiệm việc khiếu nại kết quả phân tích của khách hàng.
- Kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu thử.
- Không được trích sao một phần kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm PTQD và DV TN, MT.

VILAS 269 VIMCERTS 130	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG LONG AN TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT VÀ DỊCH VỤ TN, MT Địa chỉ: 365, Quốc lộ 1, Phường 4, TP Tân An, tỉnh Long An Điện thoại: 0272.3831847 – Fax: 02723.523347 Email: ttquantraclongan@gmail.com	
	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM Số: 0736/2023/DV	Trang 3/6

1. Tên khách hàng: Công ty TNHH TM - SX giấy và bao bì giấy Trường Sơn.

2. Địa chỉ: ấp 3, Nhà Thương, TT. Thủ Thừa, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

3. Mục tiêu yêu cầu: giám sát môi trường định kỳ.

4. Ngày lấy mẫu: 19/07/2023

5. Ngày nhận mẫu: 19/07/2023

6. Ngày trả kết quả: 01/08/2023

7. Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày hẹn trả kết quả

8. Kết quả phân tích:

MSM: 23072427

MSM: 23072427 .Tên mẫu: KK05 .Vị trí: Mẫu khí khu vực cổng Công ty.

Chú thích:

- KPH: Không phát hiện, LOD: Giới hạn phát hiện.
- (1): Thông số được VILAS công nhận; (2): Thông số được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp phép đủ điều kiện thực hiện dịch vụ quan trắc môi trường; (4): Thông số được thực hiện tại hiện trường.

TP.QUAN TRẮC THỬ NGHIỆM	GIÁM ĐỐC
Huỳnh Thị Ngọc Loan	Quách Cao Minh

TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT VÀ DỊCH VỤ TÀI NGUYÊN, MÔI TRƯỜNG

- Phương pháp lấy mẫu theo BM 09.04 (đối với mẫu do TT PTQD và DV TN, MT khảo sát lấy mẫu).
- Hết thời gian lưu mẫu, Trung tâm PTQD và DV TN, MT không chịu trách nhiệm việc khiếu nại kết quả phân tích của khách hàng.
- Kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu thử.
- Không được trích sao một phần kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm PTQD và DV TN, MT.

VILAS 269 VIMCERTS 130	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG LONG AN TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT VÀ DỊCH VỤ TN, MT Địa chỉ: 365, Quốc lộ 1, Phường 4, TP Tân An, tỉnh Long An Điện thoại: 0272.3831847 – Fax: 02723.523347 Email: ttquantraclongan@gmail.com	
	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM Số: 0736/2023/DV	Trang 4/6

1. Tên khách hàng: Công ty TNHH TM - SX giấy và bao bì giấy Trường Sơn.

2. Địa chỉ: ấp 3, Nhà Thương, TT. Thủ Thừa, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

3. Mục tiêu yêu cầu: giám sát môi trường định kỳ.

4. Ngày lấy mẫu: 19/07/2023

5. Ngày nhận mẫu: 19/07/2023

6. Ngày trả kết quả: 01/08/2023

7. Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày hẹn trả kết quả

8. Kết quả phân tích:

MSM: 23072428

Thông số	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp thử	LOD	Ghi chú
Tổng bụi lơ lửng (TSP)	$\mu g/m^3$	62	TCVN 5067:1995	24	(1),(2)
Tiếng ồn Leq	dBA	68,5	TCVN 7878-2:2018	-	(1),(2),(4)
Nhiệt độ	°C	31,0	QCVN 46:2012/BTNMT	-	(2),(4)
Độ ẩm	%	70,5	QCVN 46:2012/BTNMT	-	(2),(4)
Vận tốc gió	m/s	1,1	HD.HT.18	-	(2),(4)
Ánh sáng	Lux	840	QCVN 46:2012/BTNMT	-	(#)
SO_2	$\mu g/m^3$	64	TCVN 5971:1995	4	(2)
NO_2	$\mu g/m^3$	21	TCVN 6137:2009	3	(2)
CO	$\mu g/m^3$	20.923	SOP-PT-CO	3.000	(2)

Chú thích:

- KPH: Không phát hiện, LOD: Giới hạn phát hiện.
- (1): Thông số được VILAS công nhận; (2): Thông số được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp phép đủ điều kiện thực hiện dịch vụ quan trắc môi trường; (4): Thông số được thực hiện tại hiện trường; (#): Thông số được phân tích theo yêu cầu của khách hàng.

TP.QUAN TRẮC THỬ NGHIỆM

Huỳnh Thị Ngọc Loan

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT VÀ DỊCH VỤ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG

Quách Cao Minh

- Phương pháp lấy mẫu theo BM 09.04 (đối với mẫu do TT PTQD và DV TN, MT khảo sát lấy mẫu).
- Hết thời gian lưu mẫu, Trung tâm PTQD và DV TN, MT không chịu trách nhiệm việc khiếu nại kết quả phân tích của khách hàng.
- Kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu thử.
- Không được trích sao một phần kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm PTQD và DV TN, MT.

VILAS 269 VIMCERTS 130	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG LONG AN TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT VÀ DỊCH VỤ TN, MT Địa chỉ: 365, Quốc lộ 1, Phường 4, TP Tân An, tỉnh Long An Điện thoại: 0272.3831847 – Fax: 02723.523347 Email: ttquantraclongan@gmail.com	
	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM Số: 0736/2023/DV	Trang 5/6

1. Tên khách hàng: Công ty TNHH TM - SX giấy và bao bì giấy Trường Sơn.

2. Địa chỉ: ấp 3, Nhà Thương, TT. Thủ Thừa, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

3. Mục tiêu yêu cầu: giám sát môi trường định kỳ.

4. Ngày lấy mẫu: 19/07/2023

5. Ngày nhận mẫu: 19/07/2023

6. Ngày trả kết quả: 01/08/2023

7. Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày hẹn trả kết quả

8. Kết quả phân tích:

MSM: 23072428

MSM: 23072428 .Tên mẫu: KK06 .Vị trí: Mẫu khí xung quanh khu vực sản xuất.

Chú thích:

- KPH: Không phát hiện, LOD: Giới hạn phát hiện.
- (1): Thông số được VILAS công nhận; (2): Thông số được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp phép đủ điều kiện thực hiện dịch vụ quan trắc môi trường; (4): Thông số được thực hiện tại hiện trường.

TP.QUAN TRẮC THỬ NGHIỆM

Huỳnh Thị Ngọc Loan

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT VÀ DỊCH VỤ TÀI NGUYÊN, MÔI TRƯỜNG

Quách Cao Minh

- Phương pháp lấy mẫu theo BM 09.04 (đối với mẫu do TT PTQD và DV TN, MT khảo sát lấy mẫu).
- Hết thời gian lưu mẫu, Trung tâm PTQD và DV TN, MT không chịu trách nhiệm việc khiếu nại kết quả phân tích của khách hàng.
- Kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu thử.
- Không được trích sao một phần kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm PTQD và DV TN, MT.

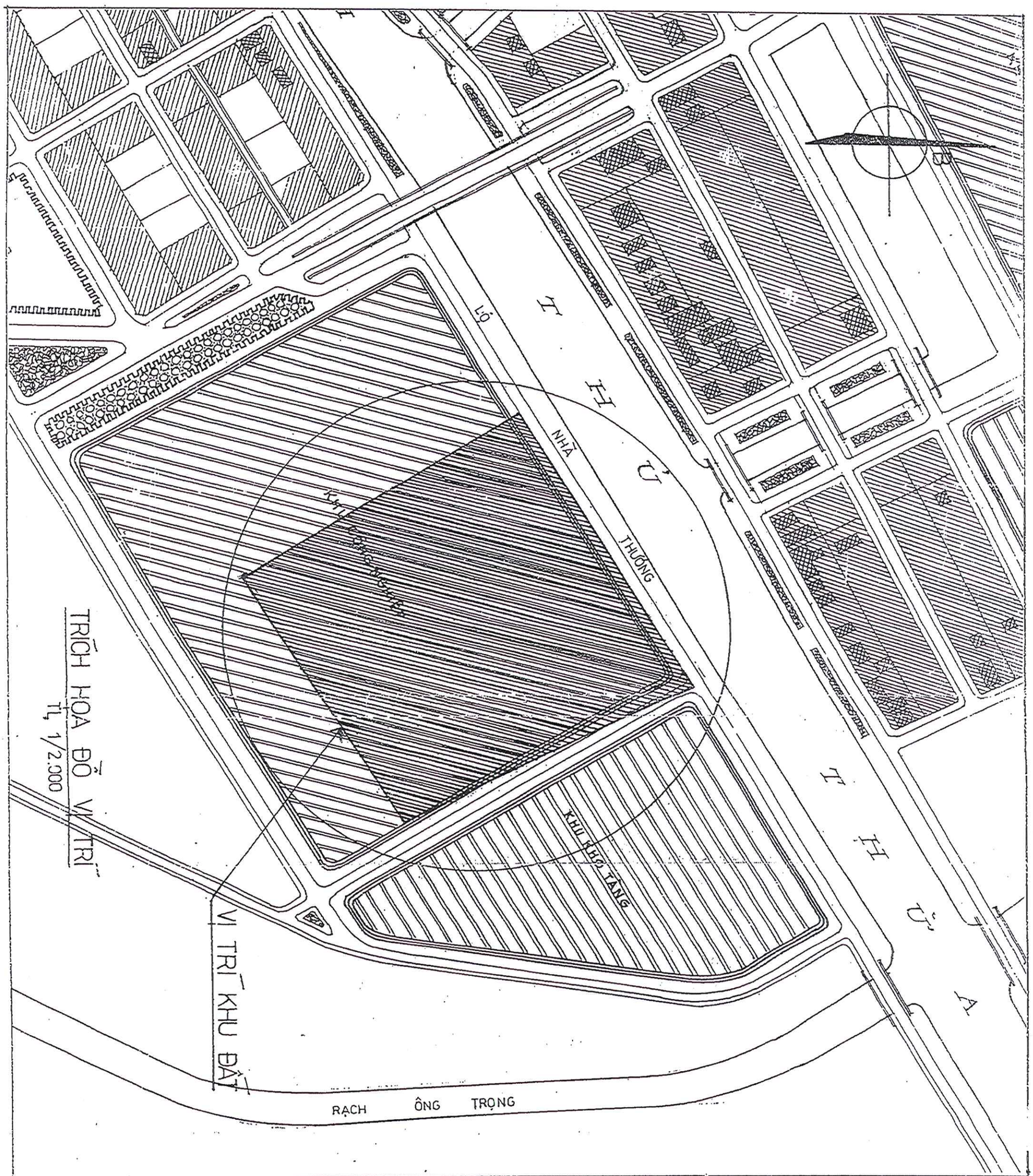

HỘI KIẾN TRÚC SƯ LONG AN VĂN PHÒNG TƯ VẤN THIẾT KẾ KIẾN TRÚC 17 TRẦN HƯNG ĐẠO - P.1 - TXTA - LONG AN ĐT : 8.26403	CÔNG TY TNHH TM-SX GIẤY VÀ BAO BÌ GIẤY TRƯỜNG SƠN	T.K.K.T
SỐ : 7/7 VPTK/ 99	NHÀ MÁY SẢN XUẤT CÁC LOẠI GIẤY XEO TRƯỜNG SƠN ĐC: ẤP 3 NHÀ THƯƠNG - THỊ TRẤN THỦ THỪA - H. THỦ THỪA	NGÀY HOÀN THÀNH : 02 / 07 / 1999
NGÀY 5 THÁNG 7 NĂM 1999	TRÍCH HỌA ĐỒ VỊ TRÍ	TỈ LỆ : 1 / 2000
GIÁM ĐỐC	CHỦ TRÌ KTS. LÊ VĂN SẤM	TRÍCH HỌA ĐỒ VÕ HOÀNG SƠN
		Q.L.K.T KTS NGUYỄN ĐÌNH PHƯỚC

CHỦ CƠ SỞ
Nguyễn Công Trường

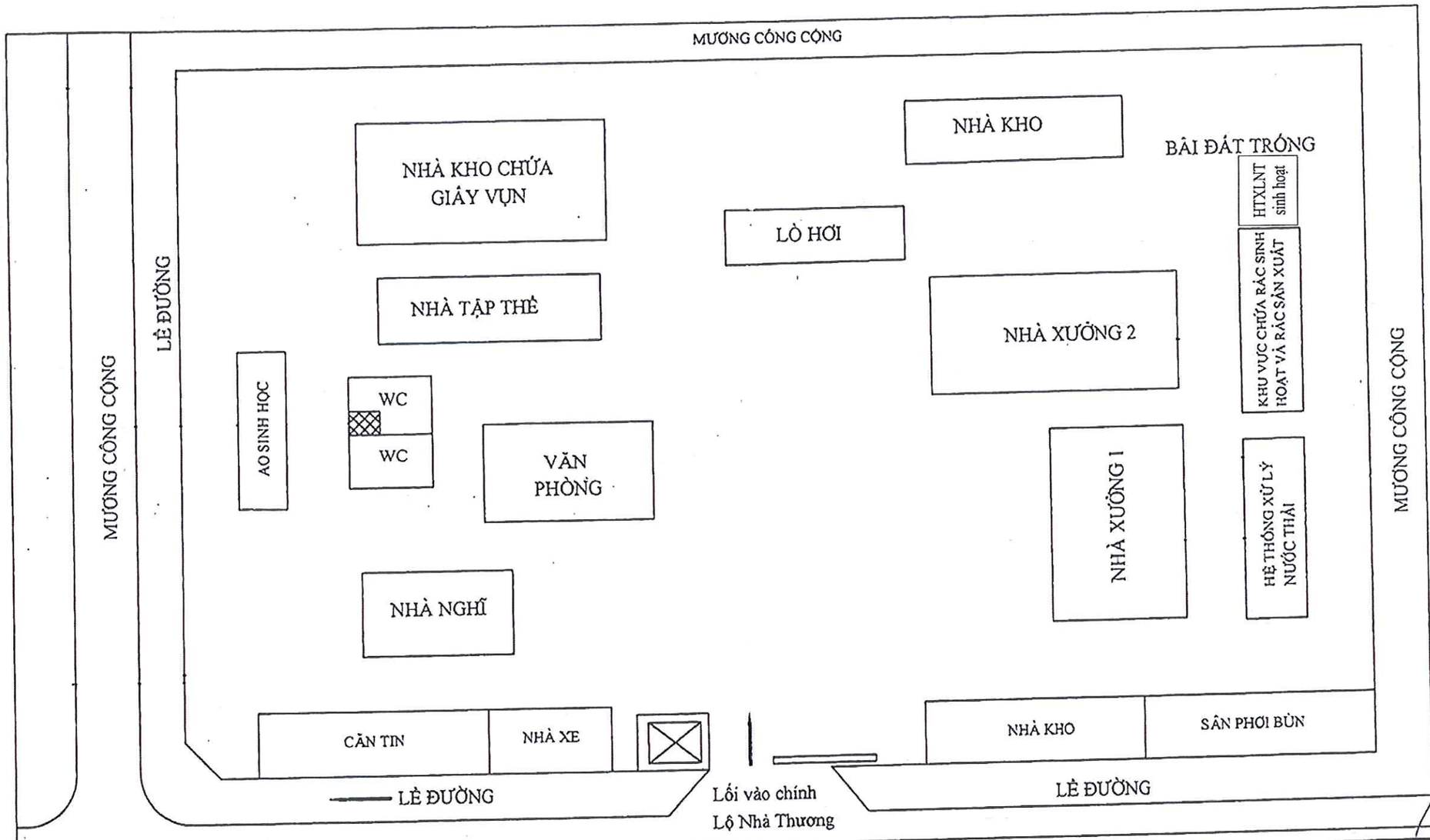

GHI CHÚ

- Hố ga nước mưa Doanh nghiệp
- Hố ga nước thải Doanh nghiệp
- Bể tự hoại đặt ngầm

CHỦ CƠ SỞ

CÔNG TY TNHH TM-SX GIẤY VÀ BAO BÌ GIẤY TRƯỜNG SƠN

Nguyễn Công Trường

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT GIẤY VÀ BAO BÌ GIẤY TRƯỜNG SƠN

Nguyễn Công Trường

CÔNG TY TNHH TM SX GIẤY BAO BÌ TRƯỜNG SƠN				
Người vẽ:	KỸ SƯ		MẶT BẰNG TỔNG THỂ NHÀ MÁY	Tỉ lệ 1:400
Kiểm tra:	KỸ SƯ			Số lượng: 01
Duyệt:	THẠC SĨ		Ngày: 15/05/2012	Tờ: 1

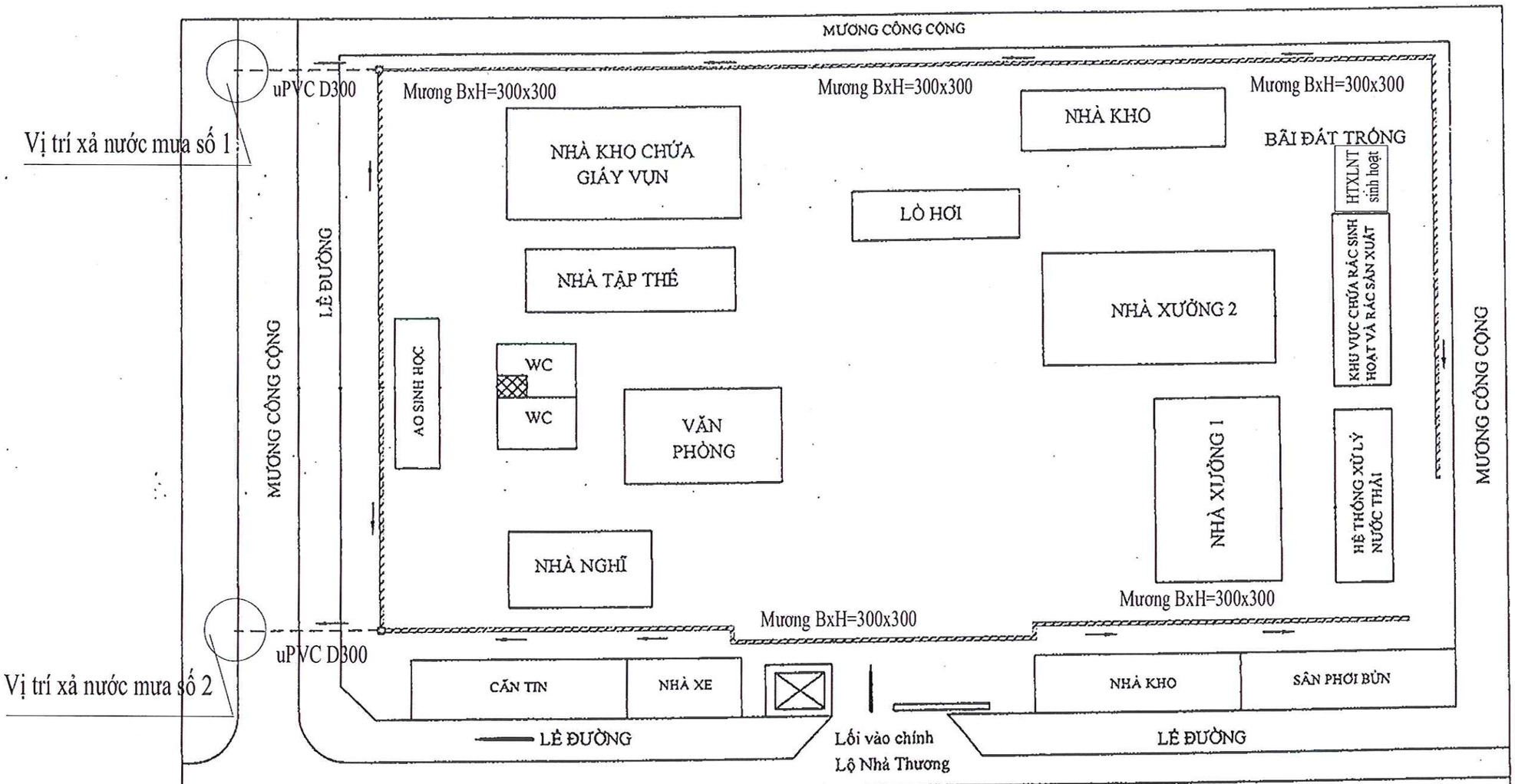

GHI CHÚ

- Hố ga nước mưa Doanh nghiệp
- Hố ga nước thải Doanh nghiệp
- Bể tự hoại đặt ngầm
- Đường ống nước thải, uPVC
- Đường ống nước mưa, uPVC
- Mương thoát nước mưa (W=300)

CÔNG TY TNHH TM SX GIẤY BAO BÌ TRƯỜNG SƠN				
Người vẽ:	KỸ SƯ		MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC MƯA	Tỉ lệ 1:400
Kiểm tra:	KỸ SƯ			Số lượng: 01
Duyệt:	THẠC SĨ		Ngày: 15/05/2012	Tờ: 1

CHỦ CƠ SỞ

Nguyễn Công Trường

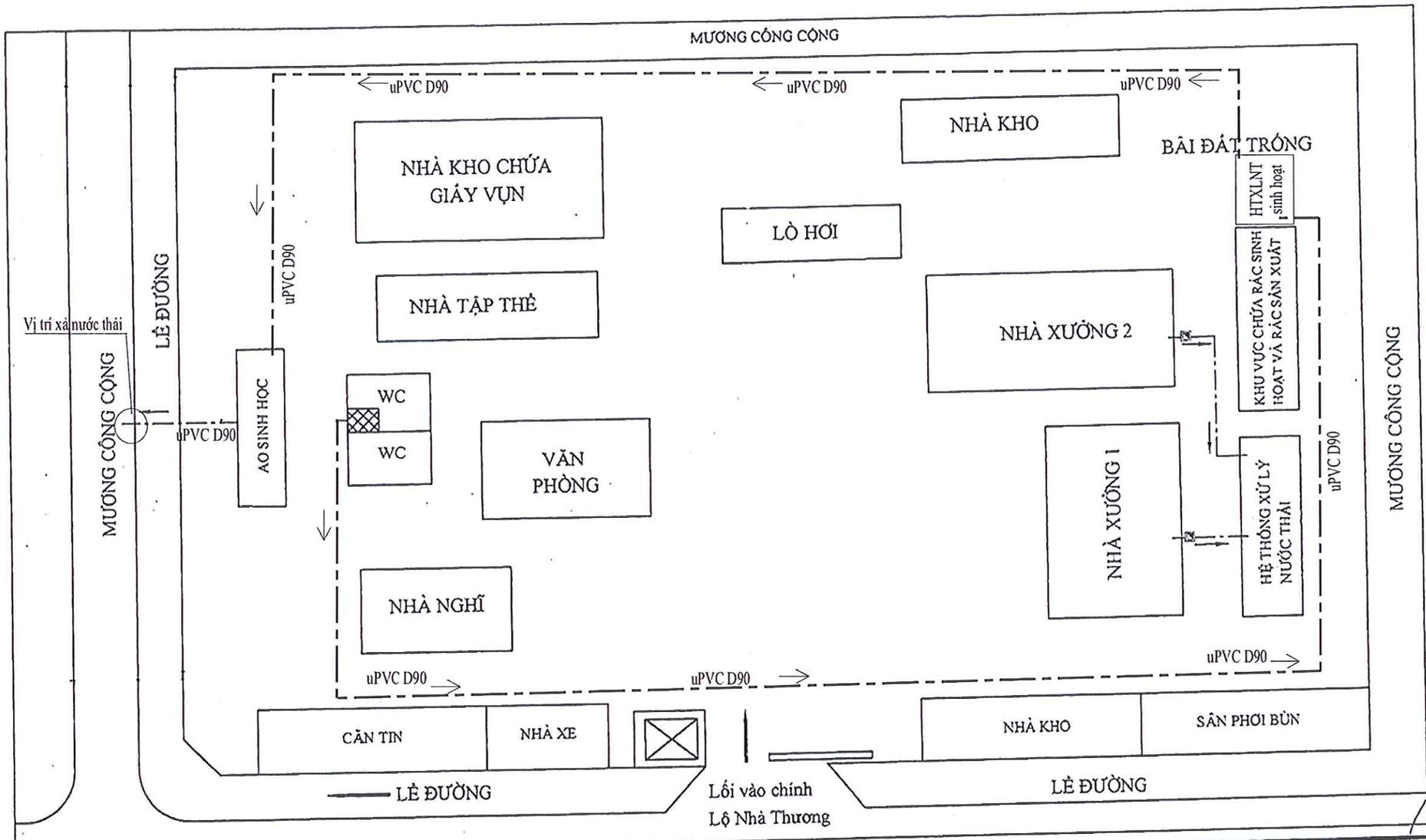

CHỦ CƠ SỞ

CÔNG TY TNHH TM-SX GIẤY VÀ BAO BÌ GIẤY TRƯỜNG SƠN

Nguyễn Công Trường

GHI CHÚ

- Hố ga nước mưa Doanh nghiệp
- Hố ga nước thải Doanh nghiệp
- Bể tự hoại đặt ngầm

CÔNG TY TNHH TM SX GIẤY BAO BÌ TRƯỜNG SƠN				
Người vẽ:	KỸ SƯ		MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC THẢI	Tỉ lệ 1:400
Kiểm tra:	KỸ SƯ			Số lượng: 01
Duyệt:	THẠC SĨ		Ngày: 15/05/2012	Tờ: 1

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT GIẤY VÀ BAO BÌ GIẤY TRƯỜNG SƠN

Nguyễn Công Trường

SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT

(CÔNG SUẤT : 10 M^3/NGÀY.ĐÊM)

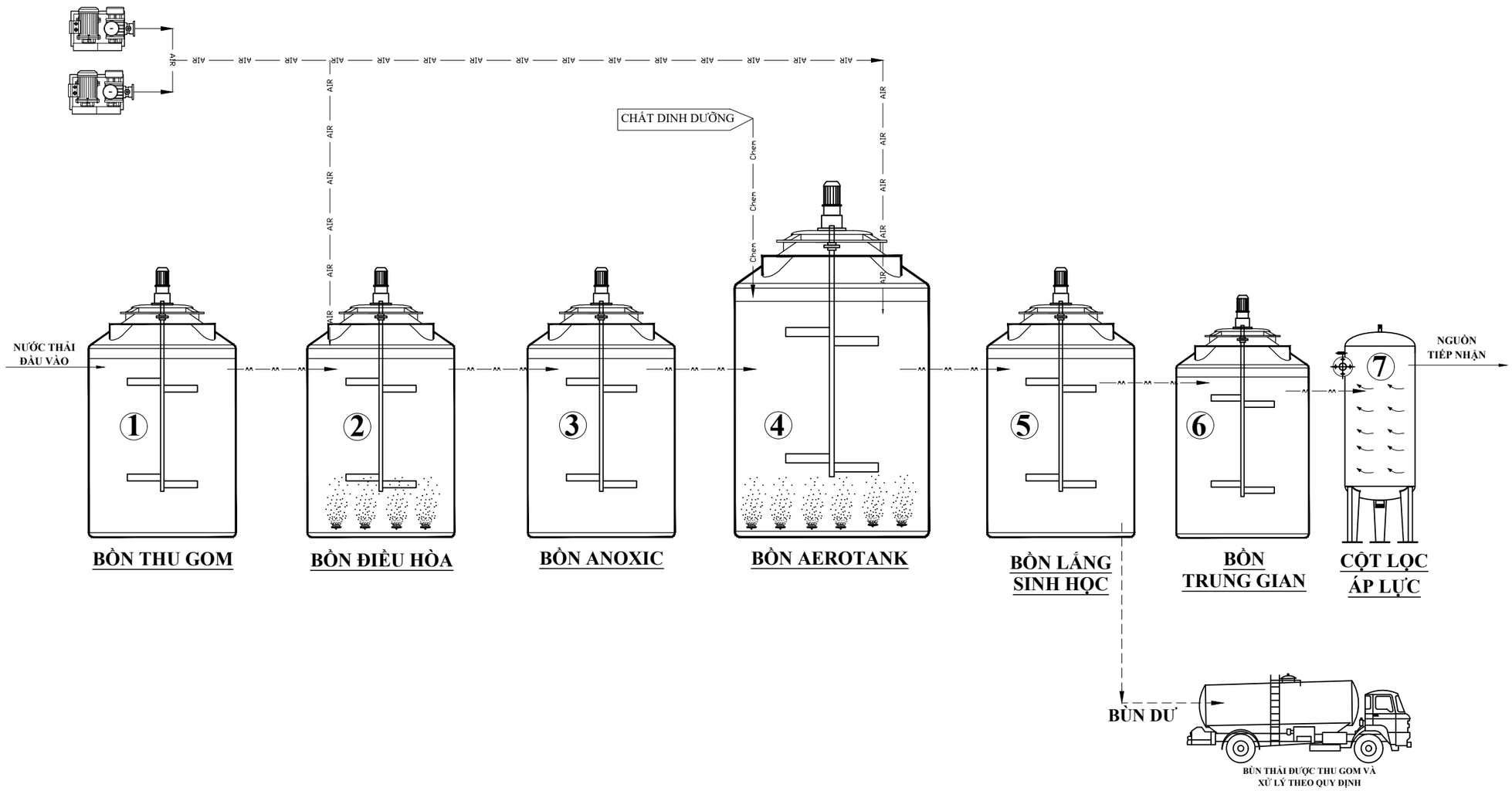

GHI CHÚ:

- ĐƯỜNG NƯỚC THẢI
- ĐƯỜNG BÙN
- ĐƯỜNG HOÁ CHẤT
- ĐƯỜNG KHÍ

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

CHỦ ĐẦU TƯ:
CÔNG TY TNHH TM-SX GIẤY VÀ BAO BÌ GIẤY TRƯỜNG SƠN

Địa chỉ: ẤP 3 NHÀ THƯƠNG, THỊ TRẤN THỦ THỪA, HUYỆN THỦ THỪA, TỈNH LONG AN

GIÁM ĐỐC:
CHỦ CƠ SỞ

M.S.D.N: 1100411598-C.T.T.N. CÔNG TY TNHH TM-SX GIẤY VÀ BAO BÌ GIẤY TRƯỜNG SƠN H. THỦ THỪA-T. LONG AN

Nguyễn Công Trường

NHÀ THẦU

GIÁM ĐỐC:

TÊN BẢN VẼ:

SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT

CHỦ TRÌ:	
THIẾT KẾ:	
VẼ :	
NGÀY PHÁT HÀNH	BVHC

MẶT BẰNG HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT

(CÔNG SUẤT : 10 M^3/NGÀY.ĐÊM)

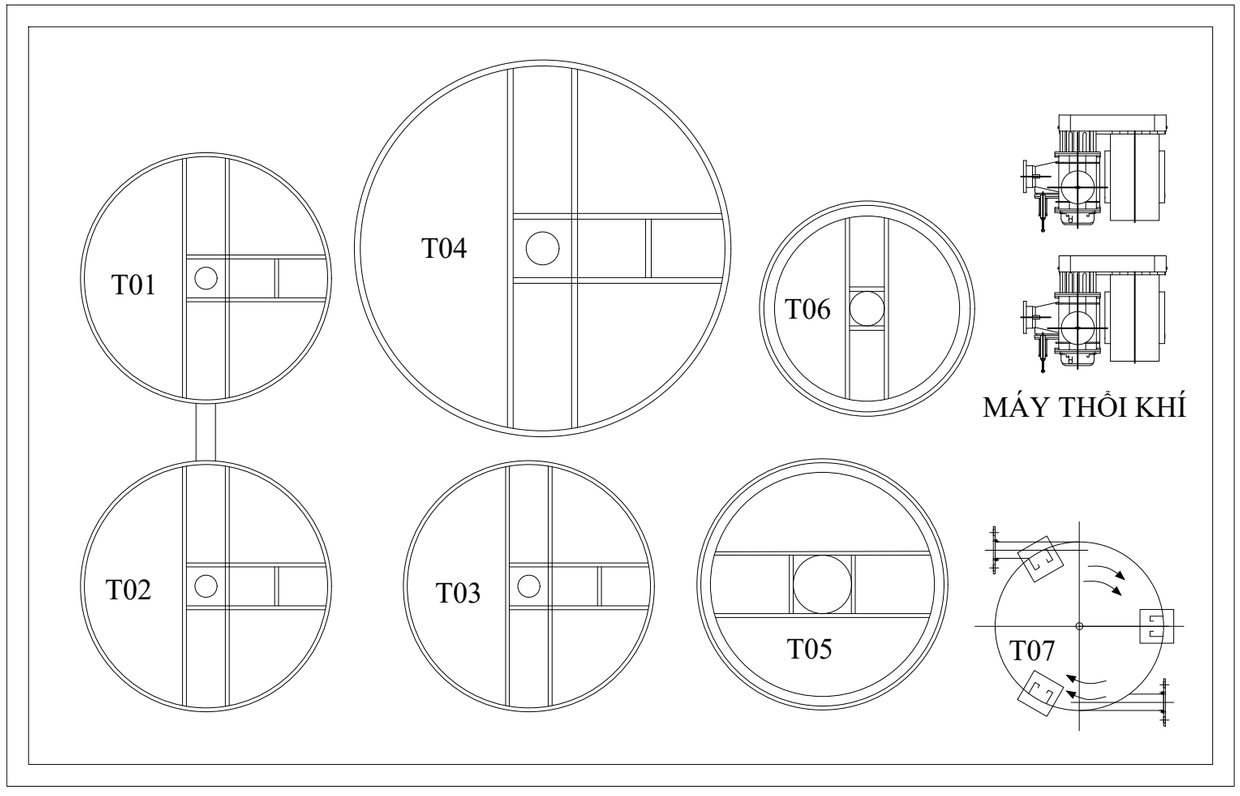

KÝ HIỆU	T01	T02	T03	T04	T05	T06	T07
TÊN	BỒN GOM NƯỚC THẢI	BỒN ĐIỀU HÒA	BỒN ANOXIC	BỒN AEROTANK	BỒN LẮNG SINH HỌC	BỒN TRUNG GIAN	CỘT LỌC ÁP LỰC
QUY CÁCH	Thể tích bể: 3.000 lít Vật liệu: Nhựa	Thể tích bể: 3.000 lít Vật liệu: Nhựa	Thể tích bể: 3.000 lít Vật liệu : Nhựa	Thể tích bể: 5.000 lít Vật liệu: Nhựa	Thể tích bể: 3.000 lít Vật liệu: Nhựa	Thể tích bể: 100 lít Vật liệu: Nhựa	Kích thước: 0,5x2,0m Vật liệu: Thép không gỉ
XUẤT XỨ	Việt Nam	Việt Nam	Việt Nam	Việt Nam	Việt Nam	Việt Nam	Việt Nam
SỐ LƯỢNG	1	1	1	1	1	1	1

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

CHỦ ĐẦU TƯ:
CÔNG TY TNHH TM-SX GIẤY VÀ BAO BÌ GIẤY TRƯỜNG SƠN

Địa chỉ: ÁP 3 NHÀ THƯƠNG, THỊ TRẤN THỦ THỪA, HUYỆN THỦ THỪA, TỈNH LONG AN

GIÁM ĐỐC:

CHỦ CƠ SỞ

M.S.D.N: 1100411598-C.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH TM-SX GIẤY VÀ BAO BÌ GIẤY TRƯỜNG SƠN
H. THỦ THỪA-T. LONG AN

Nguyễn Công Trường

NHÀ THẦU

GIÁM ĐỐC:

TÊN BẢN VẼ:

MẶT BẰNG HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT

CHỦ TRÌ:	
THIẾT KẾ:	
VẼ :	
NGÀY PHÁT HÀNH	BVHC

SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SẢN XUẤT

(CÔNG SUẤT: 250 M^3/NGÀY.ĐÊM)

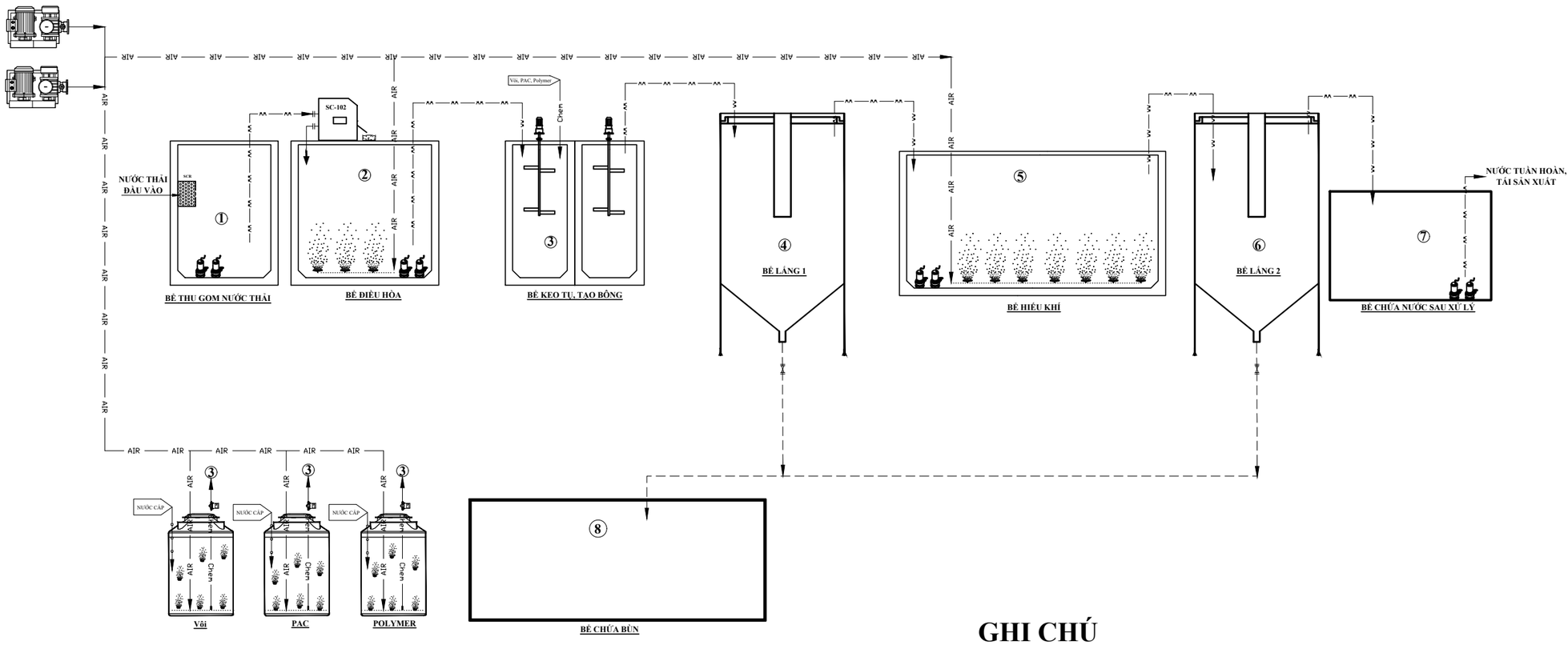

GHI CHÚ

- ĐƯỜNG NƯỚC CẤP
- ĐƯỜNG NƯỚC THẢI
- ĐƯỜNG BÙN
- ĐƯỜNG HOÁ CHẤT
- ĐƯỜNG KHÍ

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

CHỦ ĐẦU TƯ:
CÔNG TY TNHH TM-SX GIẤY VÀ BAO BÌ GIẤY TRƯỜNG SƠN

Địa chỉ: ẤP 3 NHÀ THƯƠNG, THỊ TRẤN THỦ THỪA, HUYỆN THỦ THỪA, TỈNH LONG AN

GIÁM ĐỐC:
CHỦ CƠ SỞ

CÔNG TY TNHH TM-SX GIẤY VÀ BAO BÌ GIẤY TRƯỜNG SƠN
M.S.D.N: 1100411598-C.T.N
H. THỦ THỪA-T. LONG AN

Nguyễn Công Trường

NHÀ THẦU

GIÁM ĐỐC:

TÊN BẢN VẼ:

SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ
HỆ THỐNG XỬ LÝ
NƯỚC THẢI SẢN XUẤT

CHỦ TRÌ:	
THIẾT KẾ:	
VẼ :	
NGÀY PHÁT HÀNH	BVHC

SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ XỬ LÝ KHÍ THẢI LÒ HƠI 6 TẤN/H

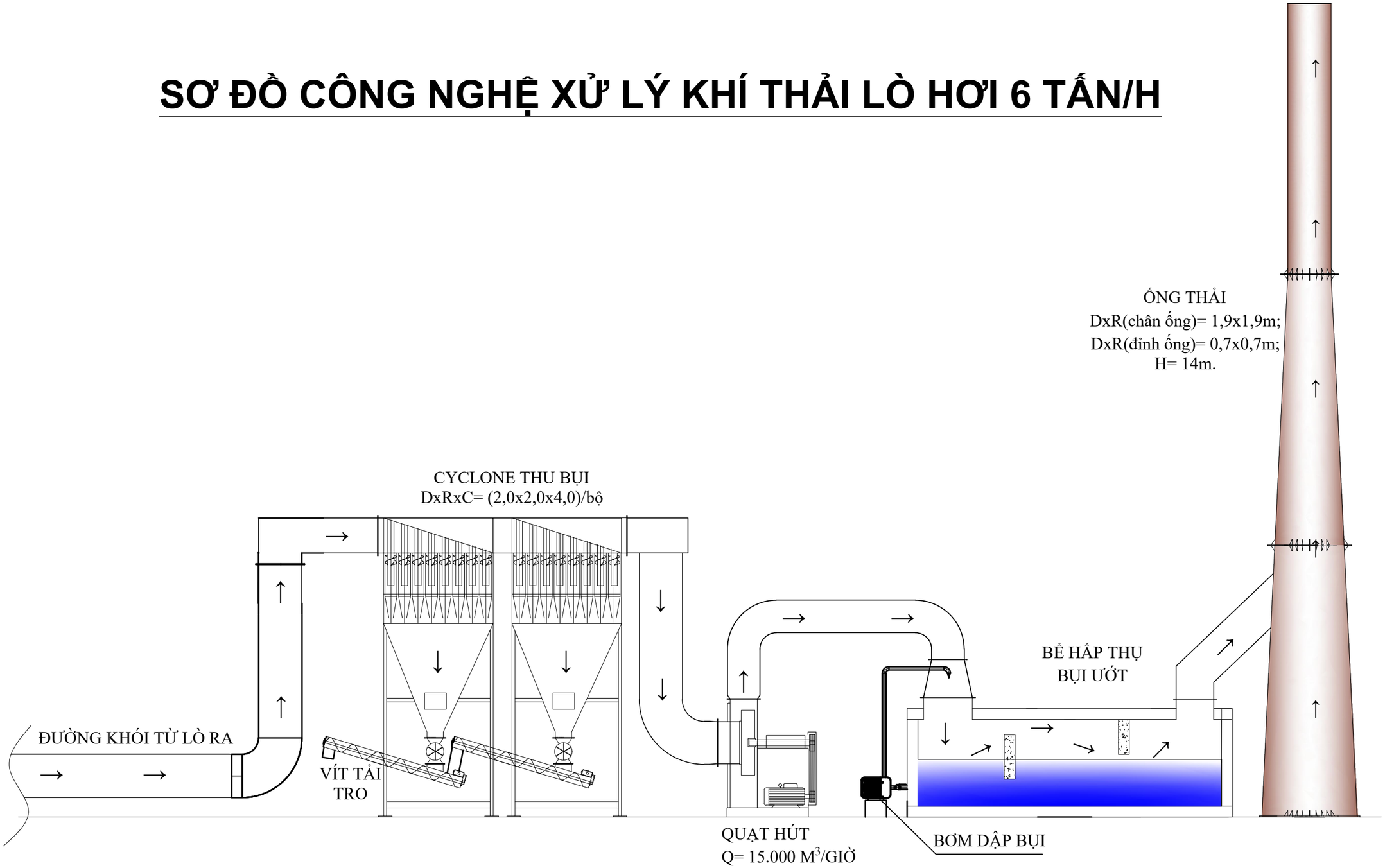

CÔNG TY TNHH TM-SX GIẤY VÀ BAO BÌ GIẤY TRƯỜNG SƠN Địa chỉ: Ấp 3 Nhà Thương, thị trấn Thủ Thừa, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An, Việt Nam. CHỦ CƠ SỞ Nguyễn Công Trường	CỤM XỬ LÝ KHÓI LÒ HƠI 6TẤN/H		
BẢN VẼ CÔNG NGHỆ	SỐ LƯỢNG:	KH. LƯỢNG:	TỶ LỆ:
	SỐ TỜ:	TỜ SỐ:	
HTP-06T/H	No: VN - 06/24		

MẶT BẰNG HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI LÒ HƠI 6 TẤN/H

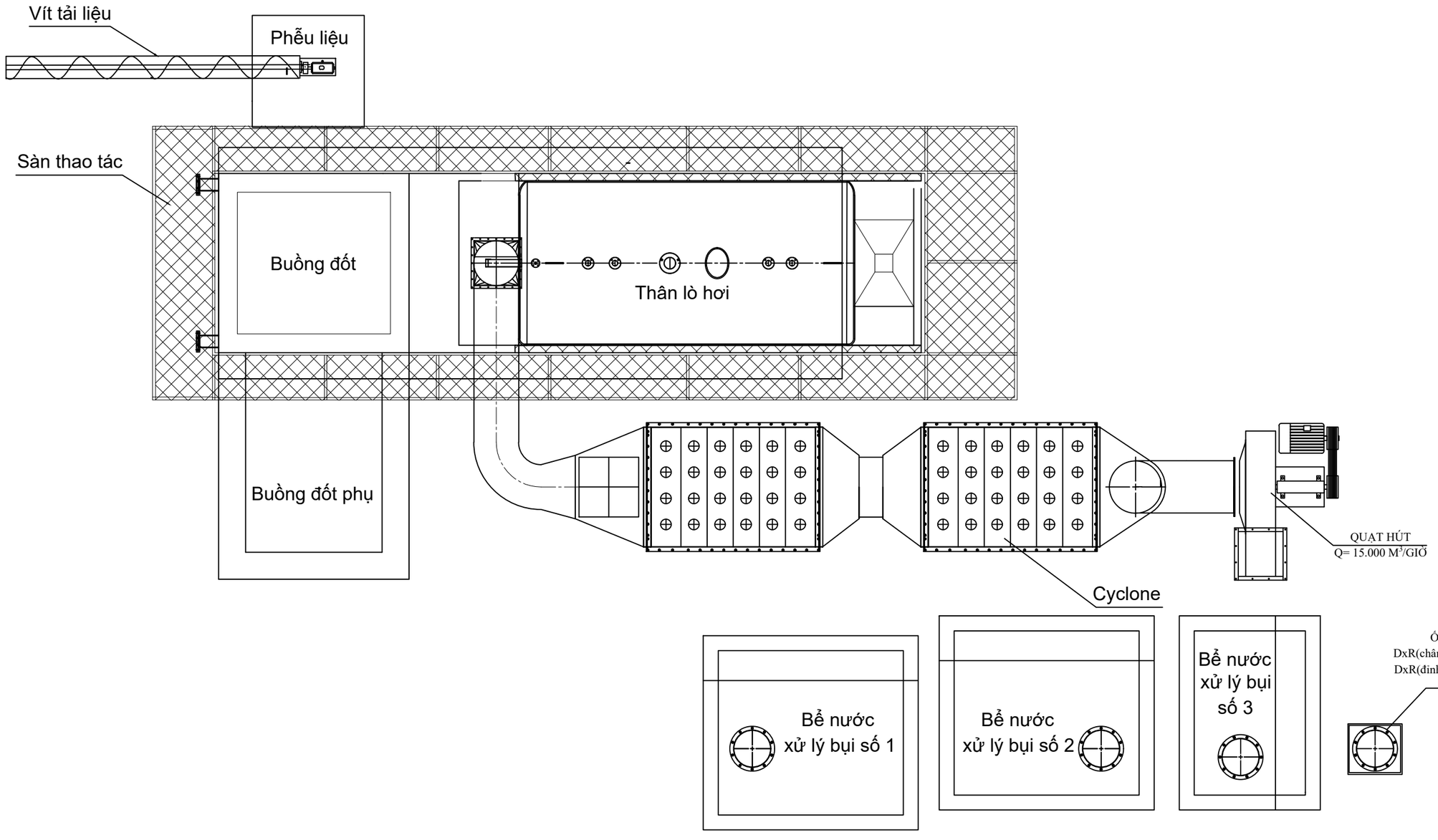

CÔNG TY TNHH TM-SX GIẤY
VÀ BAO BÌ GIẤY TRƯỜNG SƠN
Địa chỉ: Ấp 3 Nhà Thương, thị trấn Thủ Thừa,
huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An, Việt Nam.

CHỦ CƠ SỞ

Nguyễn Công Trường

CỤM XỬ LÝ KHÓI LÒ HƠI 6TẤN/H			
BẢN VẼ MẶT BẰNG	SỐ LƯỢNG:	KH. LƯỢNG:	TỶ LỆ:
	SỐ TỜ:	TỜ SỐ:	
HTP-06T/H	No: VN - 06/24		